

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



**CHỦ ĐỘNG
THÍCH ỨNG**

**VỮNG CHẮC
NIỀM TIN**

**PHỤC HỒI
PHÁT TRIỂN**



Để tải bản mềm Báo cáo thường niên 2021 của Vietnam Airlines, vui lòng truy cập website <https://www.vietnamairlines.com/vn/vi/about-us/investor-relations/annual-reports> hoặc quét QR code phía bên trái.

MỤC LỤC

I. THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC	7
II. ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	15
Tầm nhìn – Sứ mệnh	15
Giá trị cốt lõi	15
Phương hướng nhiệm vụ	17
Mục tiêu tổng quát	18
Mục tiêu phát triển bền vững	18
Các rủi ro	19
III. GIỚI THIỆU CHUNG	21
Thông tin khái quát	21
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	22
Quá trình hình thành và phát triển	24
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	26
Cơ cấu cổ đông	36
Sự kiện tiêu biểu	38
Danh hiệu, giải thưởng	40
IV. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH	42
Các chỉ tiêu khai thác cơ bản	42
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	46
V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	48
Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines	48
Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc	50
Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT	51
Về hoạt động của Ban Giám đốc	53
Về định hướng hoạt động năm 2022 của Vietnam Airlines	54
VI. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021	56
Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2021	56
Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực	57
<i>Mạng đường bay</i>	58
<i>Đội tàu bay</i>	62
<i>Lĩnh vực thương mại</i>	64
<i>Lĩnh vực dịch vụ</i>	69
<i>Lĩnh vực kỹ thuật</i>	72
<i>Khai thác</i>	74
<i>An toàn – an ninh</i>	75
<i>Quản trị nguồn nhân lực</i>	78
<i>Truyền thông, phát triển thương hiệu</i>	82
<i>Công nghệ thông tin</i>	87
<i>Tái cơ cấu Công ty mẹ và Doanh nghiệp thành viên</i>	89
<i>Các chương trình hợp tác</i>	91
Tình hình đầu tư	93
<i>Các dự án đầu tư tài sản</i>	93
<i>Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp</i>	93
Tình hình tài chính	99
Kế hoạch phát triển trong tương lai	107

MỤC LỤC

VII. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	108
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	108
Chế độ tiền lương, thu nhập và phúc lợi cho người lao động	109
Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, các chương trình an sinh xã hội	110
VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY	112
Cấu trúc quản trị công ty	112
Thông tin và hoạt động của HĐQT	114
Báo cáo của Ban Kiểm soát	115
Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc điều hành	118
Báo cáo giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan	118
Hoạt động của Người phụ trách quản trị – Thư ký tổng công ty	119
Quan hệ Nhà đầu tư	119
IX. QUẢN TRỊ RỦI RO	120
X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN	124

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tải cung ứng luân chuyển)
ASK	Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển)
BCTC	Báo cáo tài chính
BH	Block Hour (Giờ bay)
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CBTT	Công bố thông tin
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
FSC	Full Service Carrier (Hãng hàng không truyền thống)
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
Hợp nhất	Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết
HK	Hành khách
HKVN	Hàng không Việt Nam
IATA	Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
PA	CTCP Hàng không Pacific Airlines
K6	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
KOL	Key Opinion Leader (Người có tầm ảnh hưởng)
LCC	Low Cost Carrier (Hãng hàng không giá rẻ)
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MTV	Một thành viên
OTP	On Time Performance (Chỉ số đúng giờ)
RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCTHK	Tổng công ty Hàng không
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VNA Group	Công ty mẹ và PA
VTHK	Vận tải hàng không
Công ty mẹ, VNA hay Vietnam Airlines	Bao gồm Vietnam Airlines và Vasco



*Vượt qua những thời khắc khó khăn nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh do đại dịch COVID-19 gây ra, Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (Vietnam Airlines) bước vào năm kinh doanh 2022 với tinh thần **Chủ động thích ứng - Vững chắc niềm tin - Phục hồi phát triển***

Ông ĐẶNG NGỌC HÒA
Chủ tịch Hội đồng quản trị

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

Thưa Quý vị,

Lời đầu tiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Vietnam Airlines xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng, Quý cổ đông và các đối tác đã sát cánh cùng chúng tôi trong năm 2021 với rất nhiều thách thức và biến động vừa qua.

Năm 2021 có thể coi là một giai đoạn đặc biệt khó khăn của ngành hàng không thế giới cũng như đối với các doanh nghiệp hàng không Việt Nam.

Liên tiếp nhiều đợt dịch bệnh bùng phát trong năm 2021 đã khiến nhu cầu đi lại giảm sút, đặc biệt trong các dịp cao điểm của ngành hàng không là Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 và cao điểm hè đã làm doanh thu của các hãng hàng không, trong đó có Vietnam Airlines sụt giảm mạnh. Nghiêm trọng nhất là đợt bùng phát từ cuối tháng 4/2021 kéo dài đến tận cuối năm 2021 đã khiến hoạt động vận chuyển hành khách bằng đường hàng không gần như tê liệt. Có những ngày trên bầu trời Việt Nam không có một chuyến bay chở khách thương mại nào hoạt động. Thị trường đóng băng và doanh thu vận tải hành khách gần như bằng 0.

Tại thị trường quốc tế, ngoài một số ít chuyến bay chở công dân Việt Nam về nước được Chính phủ phê duyệt, các chuyến bay quốc tế được thực hiện trong năm 2021 vẫn chủ yếu là các chuyến bay chở khách một chiều, kết hợp với vận tải hàng hóa.

Là doanh nghiệp chủ lực của ngành hàng không Việt Nam, Vietnam Airlines cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Đối mặt với khó khăn, thử thách vượt ngoài mọi hình dung, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Vietnam Airlines đã đoàn kết, siết chặt đội ngũ, nỗ lực bằng mọi cách để duy trì sản xuất kinh doanh, tìm ra hướng đi mới cho Tổng công ty trong bối cảnh khó khăn chung của toàn ngành.

Năm 2021, Vietnam Airlines tiếp tục giữ vững niềm tin yêu và xứng đáng với trách nhiệm được giao của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam. Hoạt động khai thác đảm bảo an toàn tuyệt đối và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, xã hội.

Trách nhiệm và vai trò đặc biệt của Vietnam Airlines thể hiện rõ ràng, nổi bật qua những cánh bay không mỏi đồng hành cùng đất nước trong đại dịch. Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, song là Hãng hàng không Quốc gia và là doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực vận tải hàng không, Vietnam Airlines đã cho thấy sự quyết tâm đồng hành cùng Nhà nước, Chính phủ, ngành Y tế và nhân dân trong công cuộc phòng, chống dịch, thông qua nỗ lực duy trì cầu hàng không để phục vụ hoạt động vận chuyển nguồn lực y tế đi chống dịch tại các điểm nóng, đồng thời đáp ứng nhu cầu đi lại cấp thiết và kết nối giao thương hàng hoá trong điều kiện đường bay đến các tỉnh, thành phía Nam bị hạn chế tối đa.



Tiềm lực của Vietnam Airlines tiếp tục được phát huy mạnh mẽ trong việc vận chuyển trang thiết bị, vật tư y tế theo đường hàng hóa, đặc biệt là vaccine phục vụ chiến dịch tiêm chủng lớn nhất trong lịch sử đất nước. Với kinh nghiệm vận chuyển hàng bằng đường hàng không dẫn đầu Việt Nam, Vietnam Airlines đã thực hiện chuyên chở miễn phí gần 300 tấn vật tư trang thiết bị Y tế, Vaccine; cùng 15.000 Y, Bác sỹ, Quân nhân về Việt Nam cũng như đi khắp các tỉnh thành.

Năm 2021, Vietnam Airlines cũng đã triển khai thành công gói giải pháp tăng vốn. Theo đó, Tổng công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 796,1 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng thêm 7.961 tỷ đồng tỷ đồng cho nguồn vốn và dòng tiền, các chỉ số tài chính được cải thiện, đảm bảo đáp ứng các điều kiện niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE. Trước đó, Tổng công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng với ba ngân hàng thương mại là SeABank, MSB và SHB với tổng số tiền cho vay 4.000 tỷ đồng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, Vietnam Airlines có thêm nguồn lực để vượt qua khó khăn, duy trì sản xuất kinh doanh đón chờ cơ hội khi thị trường từng bước phục hồi.

Đặc biệt, bằng nhiều giải pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, sáng tạo, so với kế hoạch điều chỉnh chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Vietnam Airlines đã đạt được những kết quả khả quan hơn mong đợi. Tổng Doanh thu hợp nhất năm 2021 ở mức 29.752 tỷ đồng, bằng 79,6% kế hoạch 2021. Lỗ hợp nhất trước thuế thấp hơn 1.339 tỷ đồng so với số lỗ kế hoạch đã báo cáo ĐHCĐ.

Những kết quả trên đến từ sự nỗ lực, nhanh chóng, nghiêm túc thực hiện các biện pháp ứng phó với đại dịch của Vietnam Airlines. Trong đó, phương án tái cơ cấu tổng thể doanh nghiệp được Vietnam Airlines xác định là giải pháp trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2025 nhằm ứng phó với COVID-19, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, tăng cường năng lực tài chính để nhanh chóng phục hồi, phát triển sau khi dịch bệnh được kiểm soát.

Cụ thể, Vietnam Airlines triển khai tái cơ cấu trên tất cả các lĩnh vực, bao gồm 7 nhóm giải pháp. Các giải pháp lớn có thể kể đến như **tái cơ cấu đội bay** thông qua đàm phán giãn, hoãn các khoản thanh toán, giảm tiền thuê tàu bay, hủy hoặc đẩy lùi lịch nhận các tàu bay mới;

tái cơ cấu tài sản thông qua thanh lý các tàu bay cũ, bán và thuê lại tàu bay; **tái cơ cấu danh mục đầu tư và các doanh nghiệp thành viên** thông qua chuyển nhượng vốn, cổ phần hóa, bán một số danh mục đầu tư để tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính; **tái cơ cấu danh mục đất và tài sản trên đất**. Ngoài ra, Vietnam Airlines cũng **tái cơ cấu nguồn vốn** thông qua phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, huy động vốn từ bên ngoài, phát hành trái phiếu...

Bên cạnh đó, Vietnam Airlines cũng **tái cơ cấu tổ chức** theo hướng tinh gọn, giảm bớt đầu mối xử lý công việc, phân công tổ chức lao động khoa học để vừa tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao năng suất, vừa cắt giảm chi phí và cải thiện thu nhập cho người lao động. Đến nay, Vietnam Airlines đã giảm 4 đầu mối cấp ban, đơn vị ở Tổng công ty và 70 đầu mối cấp phòng ở cơ quan, đơn vị, tiếp tục hướng đến giảm thêm 25 - 26 đầu mối trong những năm tới. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, Tổng công ty cũng đặt mục tiêu **tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp** thông qua đổi mới năng lực quản trị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Cùng với tái cơ cấu, Vietnam Airlines đã triển khai nhiều giải pháp cắt giảm, tiết kiệm chi phí trong ngắn hạn và tối ưu hóa cấu trúc chi phí với mục tiêu tiếp tục giảm chi trong giai đoạn sau đại dịch. Chi phí cắt giảm của Vietnam Airlines trong năm 2021 đạt trên 10.300 tỷ đồng, trong đó chi phí cắt giảm được nhờ nỗ lực tự thân là trên 5.500 tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu đến từ việc linh hoạt tổ chức lại sản xuất phù hợp với diễn biến thị trường; tái cơ cấu lao động; đàm phán giảm giá, giãn, hoãn các khoản thanh toán; tái cơ cấu các khoản vay; bán tàu bay cũ...

Bên cạnh đó, Vietnam Airlines cũng nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội để mở thêm các đường bay mới. Tháng 11/2021, Vietnam Airlines đã có bước tiến lớn khi trở thành hãng hàng không Việt Nam đầu tiên mở đường bay thẳng thường lệ đến Mỹ - quốc gia có hệ thống quy định an toàn hàng không khắt khe nhất thế giới.

Vietnam Airlines cũng là hãng hàng không tiên phong đồng hành cùng Chính phủ, ngành du lịch và các địa phương thí điểm hộ chiếu sức khỏe điện tử và mô hình đón khách du lịch quốc tế an toàn. Hãng đã phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao và một số tỉnh, thành thực

hiện thành công các chuyến bay đầu tiên thử nghiệm hộ chiếu sức khỏe điện tử IATA Travel Pass, đồng thời thử nghiệm đón khách quốc tế theo mô hình du lịch khép kín, tạo tiền đề cho việc khôi phục các đường bay quốc tế thường lệ vào đầu năm 2022.

Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, an toàn phòng chống dịch là tiêu chí quan trọng nhất với dịch vụ hàng không bên cạnh an toàn về khai thác. Nhờ đó, năm 2021 Vietnam Airlines đã được công nhận là hãng bay có tiêu chuẩn an toàn dịch bệnh vượt trội nhất ngành hàng không Việt Nam và đáp ứng yêu cầu khắt khe của ngành hàng không quốc tế. Theo Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không Skytrax, tiêu chuẩn phòng, chống dịch của Vietnam Airlines được đánh giá ở mức cao nhất 5 sao, đưa Vietnam Airlines trở thành hãng hàng không đầu tiên tại Việt Nam và thứ 9 trên thế giới đạt được mức xếp hạng này. Bên cạnh đó, website nổi tiếng về hàng không AirlineRatings cũng đánh giá mức độ an toàn phòng, chống dịch của Vietnam Airlines đạt mức tối đa 7/7 sao.

Mặc dù gặp nhiều lực cản từ đại dịch COVID-19, hàng loạt sản phẩm mới được ra mắt trong năm 2021 càng khẳng định năng lực đẩy mạnh chuyển đổi số của Vietnam Airlines như Sàn giao dịch thương mại điện tử **VNA Mall, VNAMAZING** - hướng tới trở thành kênh thương mại điện tử tin cậy, là cầu nối thương mại giữa nhà bán hàng và khách hàng, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp.

Những nỗ lực trên của Vietnam Airlines đã nhận được hàng loạt giải thưởng danh giá do các tổ chức uy tín trong và ngoài nước vinh danh như: Top 10 thương hiệu có trải nghiệm khách hàng xuất sắc tại Việt Nam theo khảo sát của công ty kiểm toán và tư vấn KPMG, Top Thương hiệu tốt nhất Việt Nam năm thứ 3 liên tiếp do tập đoàn nghiên cứu và phân tích dữ liệu YouGov công bố, Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng do Hội Sở hữu trí tuệ công nhận và Giải thưởng Quan hệ công chúng và Truyền thông xuất sắc năm 2021 về Quản trị thương hiệu cho sự kiện truyền thông đường bay Mỹ do VNPR Awards trao tặng.

Đây là những điểm tựa tinh thần, là nguồn cổ vũ quan trọng giúp Vietnam Airlines tiếp tục giữ đà phục hồi trong năm 2022 và tiến tới ổn định phát triển trong các năm tiếp theo.



*Đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu,
gắn với nâng cao hiệu quả
sản xuất kinh doanh*

Ông Lê HỒNG HÀ
Tổng Giám đốc

Thưa Quý vị,

Hòa chung với những chuyển biến tích cực của nền kinh tế đất nước nhờ các chính sách kích thích từ Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội của Quốc hội và Chính phủ đã mang lại những hy vọng mới cho ngành hàng không nói chung và Vietnam Airlines nói riêng. Cùng với tín hiệu tích cực của vaccine ngừa COVID-19, ngành hàng không Việt Nam cũng được dự báo sẽ phục hồi nhanh hơn các quốc gia khác và có nhiều cơ hội phát triển dựa trên nhu cầu du lịch, giao thương kinh tế ở cả thị trường nội địa và quốc tế.

Ngay từ những ngày đầu tiên của năm mới 2022, tại các sân bay, hành khách đã tấp nập trở lại. Trên bầu trời, những chuyến bay nối tiếp sải cánh – một “trạng thái bình thường mới” đã chính thức trở lại sau 2 năm đóng băng vì đại dịch.

Cùng với hàng chục đường bay quốc nội đang tăng dần tần suất, Vietnam Airlines đã khôi phục toàn bộ mạng đường bay quốc tế của Hãng ngay khi nhà chức trách Việt Nam và các nước cho phép mở cửa hoàn toàn, mang về sức sống mới cho du lịch, hàng không.

Với đà phục hồi đó, cùng với phương châm “chủ động thích ứng”, Vietnam Airlines đang triển khai nghiên cứu các dịch vụ mới như nhận thẻ lên máy bay tại nhà, tự quét thẻ lên máy bay, gửi hành lý trước khi lên sân bay và gửi về nhà sau chuyến bay,... đồng thời ứng dụng công nghệ chuyển đổi số vào công tác quản lý tiêu chuẩn phòng, chống dịch để xây dựng quy trình trải nghiệm dịch vụ “không điểm chạm”, giúp rút ngắn thời gian, giảm thiểu tiếp xúc cho hành khách và hướng đến chất lượng dịch vụ 5 sao.

Tuy nhiên, những khó khăn mà ngành hàng không cũng như Vietnam Airlines phải đối mặt trong thời gian tới vẫn còn rất nhiều. Ngoài việc duy trì hoạt động trong điều kiện dịch bệnh phức tạp, với nhiều biến chủng khó lường thì giá nhiên liệu bay tăng nhanh, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, nhiều bất ổn... sẽ khiến việc triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn thách thức.

Ngoài các tác động trực tiếp về mặt tài chính và dòng tiền, các hãng bay cũng phải đối mặt với không ít vấn đề liên quan đến môi trường sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn như dư thừa nguồn lực tàu bay, cạnh tranh về giá vé,... Những vấn đề này sẽ có tác động lâu dài, làm suy yếu năng lực cạnh tranh của các hãng hàng không nội địa so với các hãng hàng không nước ngoài. Đây đều là những hệ quả xuất phát từ ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 đối với ngành hàng không Việt Nam.

Trước những thách thức đó, Vietnam Airlines đã đặt ra mục tiêu triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng tàu bay với chi phí tối ưu, linh động thay đổi và điều chỉnh các phương án khai thác nhằm thích ứng với tình hình, chính sách của chính phủ các nước nơi Vietnam Airlines hoạt động.

Chúng tôi tin tưởng, với kinh nghiệm, sự đoàn kết, nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và tập thể người lao động, cùng sự đồng hành của Quý khách hàng, Quý cổ đông và các đối tác, bạn hàng, Vietnam Airlines sẽ hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2022 để tạo nên nền tảng vững chắc cho những năm phục hồi tiếp theo, tiếp tục hành trình “Sải cánh vươn cao” tại cả thị trường nội địa lẫn quốc tế và khẳng định vai trò dẫn đầu ngành hàng không Việt Nam.

ĐIỂM NHẤN 2021



THỊ PHẦN
NỘI ĐỊA

48%

THỊ PHẦN
QUỐC TẾ

17%



HÀNH KHÁCH

6,1
TRIỆU

LOTUSMILES

3,7 TRIỆU
HỘI VIÊN



II. ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

A. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

- Giữ vững vị thế của Vietnam Airlines là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam.
- Tập đoàn các hãng hàng không - VNA Group giữ thị phần nội địa số 1 tại Việt Nam (gồm Vietnam Airlines, Pacific Airlines, VASCO).
- Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại Việt Nam, hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn.
- Cung cấp dịch vụ hàng không chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, hiệu quả, nhiều cơ hội phát triển cho người lao động.
- Kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

2. GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- An toàn là số 1, nền tảng cho mọi hoạt động.
- Khách hàng là trung tâm. Vietnam Airlines thấu hiểu sự phát triển của tổ chức gắn liền với sự tin yêu của khách hàng.
- Người lao động là tài sản quý giá nhất. Mọi chính sách đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng để duy trì sự gắn kết và tạo sức mạnh đoàn kết trong tổ chức.
- Không ngừng sáng tạo. Lấy sáng tạo là phương châm đổi mới. Chúng tôi luôn đổi mới không ngừng trên mọi lĩnh vực với tư duy đột phá để đạt được thành công lớn.
- Tập đoàn hàng không có trách nhiệm. Chúng tôi ý thức rằng sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội là nhân tố đầu vào then chốt để đưa ra quyết định trong mọi hoạt động SXKD của Vietnam Airlines.



DỊCH VỤ HẠNG THƯƠNG GIA **TẬN TÌNH - CHU ĐÁO**

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

- Đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo.
 - An toàn là nhiệm vụ tiên quyết, là cơ sở, tiền đề cho sự tồn tại và phát triển của Vietnam Airlines.
 - Duy trì vị thế dẫn đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần và năng lực cạnh tranh, kết hợp khai thác cả hai phân khúc truyền thống và giá rẻ nhằm đạt mục tiêu kép về thị phần lẫn hiệu quả. Trong VNA Group, Vietnam Airlines đóng vai trò chủ đạo, dẫn dắt, đổi mới công tác quản trị điều hành kinh doanh vận tải hàng không trên cơ sở không ngừng nâng cấp chất lượng dịch vụ theo hướng hãng hàng không 5 sao, khai thác dài đối tượng khách hàng từ truyền thống tới giá rẻ. Đồng thời, mở rộng quy mô khai thác mảng hàng không chi phí thấp (LCC) để phục vụ tối đa nhu cầu đa dạng của khách hàng. Thực hiện tái cơ cấu Pacific Airlines và Vasco trên cơ sở tinh giản bộ máy, sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung với Vietnam Airlines, tận dụng các lợi thế, thế mạnh của từng hãng hàng không, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh chung của VNA Group.
 - Phát triển Vietnam Airlines trên cơ sở tạo bước đột phá lớn, dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo.
- Tập trung triển khai nhanh và mạnh công tác chuyển đổi số doanh nghiệp. Ưu tiên phát triển thương mại điện tử và công nghệ hỗ trợ khách hàng. Tiếp tục đầu tư đổi mới phát triển đội tàu bay hiện đại tiên tiến.
- Các giải pháp, chính sách phát triển, mở rộng quy mô sản xuất hay nâng cao hiệu quả SXKD phải đảm bảo vai trò, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, đồng thời gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái.
 - Mở rộng vai trò của Vietnam Airlines trong ngành hàng không thông qua việc tích cực tham gia xây dựng các chính sách không tải; tham gia quy hoạch, xây dựng hạ tầng sân bay, đảm bảo khả năng phát triển sân bay căn cứ với khu vực dành riêng cho Vietnam Airlines với cơ sở sửa chữa bảo dưỡng và dịch vụ phụ trợ khác; tăng cường hợp tác liên doanh quốc tế nhằm tiếp thu kinh nghiệm, công nghệ quản lý, khoa học kỹ thuật; phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp với sự thay đổi thói quen, hành vi của khách hàng.
 - Thực hiện cơ cấu lại toàn diện và đồng bộ các doanh nghiệp thành viên để Vietnam Airlines có cơ cấu hoạt động và quản trị hợp lý hơn, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh vận tải hàng không và các dịch vụ đồng bộ.



2. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Top 3 về quy mô doanh thu trong khu vực Đông Nam Á
- Top 10 các hãng hàng không được ưa thích tại châu Á
- Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao
- Thực hiện chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ, hướng tới là hãng hàng không công nghệ số
- Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.

3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Vietnam Airlines luôn nỗ lực bền bỉ, không ngừng khẳng định vị thế, uy tín của thương hiệu Vietnam Airlines trong lòng khách hàng Việt Nam và thế giới nhằm mang đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Bên cạnh SXKD, Vietnam Airlines còn đặc biệt chú trọng góp phần cải thiện an sinh xã hội, chung tay phát triển đất nước thông qua các hoạt động cộng đồng.
- Về môi trường, Vietnam Airlines luôn đặt tiêu chí tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường lên hàng đầu thông qua việc hình thành tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định cũng như triển khai thực hiện, kiểm soát, đánh giá hoạt động toàn bộ hệ thống. Ngoài ra, Vietnam Airlines không ngừng hiện đại hóa đội tàu bay với những dòng tàu bay mới, hiện đại, giảm thiểu tác hại cho môi trường, giảm khí thải, giảm tiếng ồn. Tổng Công ty không chỉ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, mà còn không ngừng đầu tư, đổi mới phương tiện, trang thiết bị, công nghệ, đồng thời nghiên cứu, cải tiến, áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật cũng như điều hành, khai thác nhằm giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ, giảm lượng khí CO₂ tác động xấu đến môi trường.



4. CÁC RỦI RO

Giai đoạn 2021 - 2025 là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ. Trong đó, điển hình là sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, sự phổ biến của công nghệ số và dữ liệu lớn (Big Data). Điều này dẫn đến thói quen tiêu dùng của các nhóm khách hàng thay đổi. Bên cạnh đó, ngành vận tải hàng không Việt Nam vẫn tiếp tục đứng trước những thách thức về bảo vệ môi trường, các rủi ro về dịch bệnh, thiên tai cũng như những tồn tại, mâu thuẫn trong hệ thống pháp lý và sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt khi xu hướng bầu trời mở ngày càng phổ biến.

Về môi trường

Ngành hàng không đóng góp 2% lượng khí thải CO₂ toàn cầu, và được đánh giá sẽ trở thành một trong những ngành ảnh hưởng lớn tới biến đổi khí hậu toàn cầu với tốc độ phát triển nhanh chóng, trong khi đó các ngành khác đang chuyển dịch sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch. Việc sử dụng các nguồn nhiên liệu mới là một giải pháp giúp các hãng hàng không giảm bớt tác động xấu tới môi trường và tạo ấn tượng tốt với khách hàng, trong xu hướng tiêu dùng xanh giảm carbon và tăng tái chế. Điều này sẽ ảnh hưởng đến quyết định thuê mua, sử dụng đội tàu bay của các hãng hàng không.

Tình hình dịch bệnh, thảm họa môi trường là điều không thể dự báo trước, đây cũng là rủi ro lớn đối với ngành hàng không. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu đi lại của người dân và hàng không là một trong những ngành đầu tiên phải hứng chịu hậu quả.

Về cạnh tranh

Đối tượng khách chủ yếu trên các chuyến bay trong giai đoạn gần đây và sắp tới được dự báo chủ yếu là đối tượng khách công vụ, chuyên gia, người hồi hương... Trong khi đó, đối tượng khách chủ đạo là khách du lịch (chiếm tới 40% nhu cầu) vẫn chưa thể hồi phục như trước dịch bệnh. Hơn nữa, nhóm khách hàng này là đối tượng rất nhạy cảm về giá nên dẫn tới các hãng hàng không sẽ cạnh tranh khốc liệt để thu hút khách, lấp đầy chuyến bay.

Về dịch bệnh

Mặc dù phần lớn các quốc gia trên thế giới đã tiến hành tiêm chủng vaccine với tỷ lệ khá cao, tuy nhiên diễn biến dịch bệnh vẫn rất phức tạp sau khi xuất hiện nhiều biến thể virus, hiệu quả vaccine suy giảm, các nước trên thế giới còn nhiều rào cản trong việc nhập cảnh khách du lịch trở lại. Diễn biến khó lường của dịch bệnh cũng là một trở ngại cho việc mở cửa, đặc biệt trên các đường bay quốc tế đi/đến Việt Nam.



III. GIỚI THIỆU CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Vietnam Airlines JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (+84.24) 38 723 723 | Fax: (+84.24) 38 722 375
- Website: www.vietnamairlines.com
- Email: nhadautu@vietnamairlines.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/01/2022
- Vốn điều lệ: 22.143.941.740.000 đồng
- Mã cổ phiếu: HVN. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.214.394.174 cổ phần (tính đến 31/12/2021)

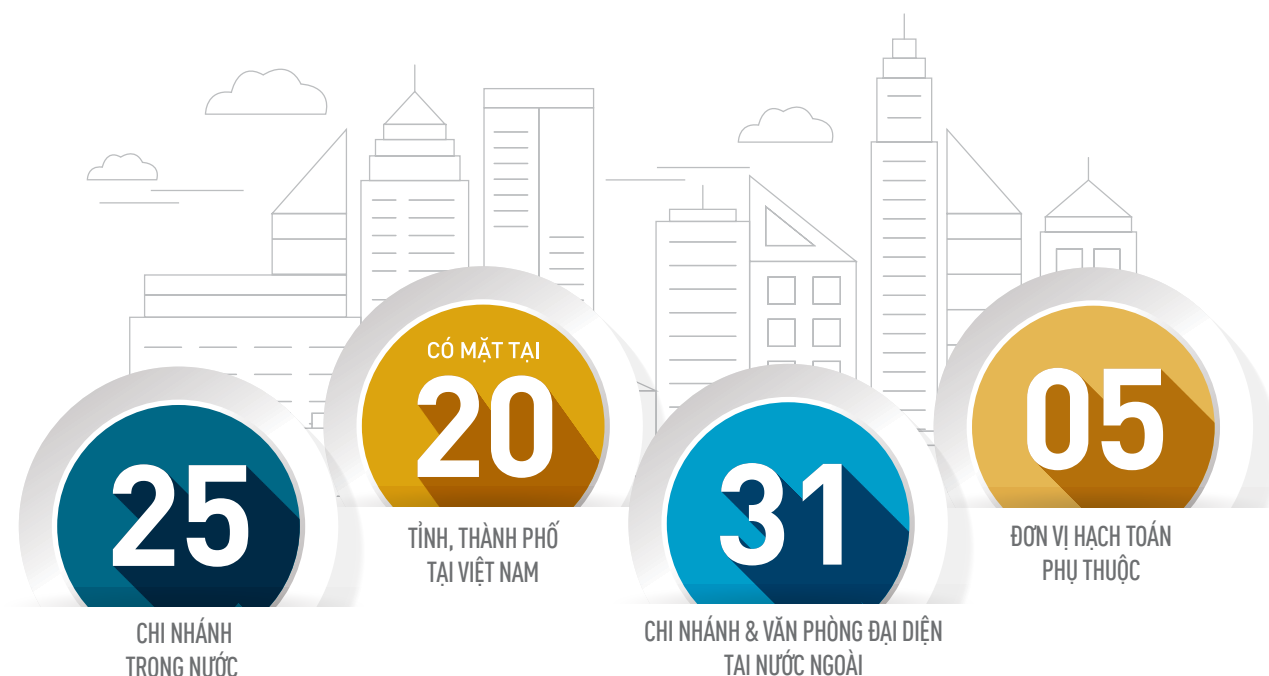
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không:
 - › Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.
 - › Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác.
 - › Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay và tại các tỉnh, thành phố.
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; Các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải: bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác.
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các avvv dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.

2.2. ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến 31/12/2021, Vietnam Airlines có



Danh sách các đơn vị phụ thuộc tại Việt Nam

1. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Tuy Hòa
2. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Chu Lai
3. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đồng Hới
4. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Khu vực miền Bắc
5. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Khu vực miền Trung
6. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hải Phòng
7. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Vinh
8. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Điện Biên
9. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Buôn Ma Thuột
10. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nha Trang
11. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quy Nhơn
12. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đà Lạt
13. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Huế
14. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pleiku
15. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cần Thơ
16. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Phú Quốc

17. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Rạch Giá
18. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thanh Hóa
19. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP Khu vực miền Nam
20. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP
Công ty Bay dịch vụ Hàng không
21. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP
Trung tâm Huấn luyện bay
22. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hà Nội
23. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Côn Đảo
24. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Cà Mau
25. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP
Trung tâm Bông Sen Vàng
26. Tạp chí Heritage
27. Đoàn bay 919
28. Đoàn tiếp viên
29. Trung tâm Khai thác Nội Bài
30. Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất

Danh sách các đơn vị phụ thuộc tại nước ngoài

1. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Tuy Hòa
2. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Anh
3. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Campuchia
4. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Siem Reap
5. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Canada
6. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đài Loan
7. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Kaoshiung
8. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Đức
9. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hàn Quốc
10. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Busan
11. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Hongkong
12. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Lào
13. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Luang Prabang
14. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Liên Bang Nga
15. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Malaysia
16. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Mỹ

17. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Myanmar
18. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nhật Bản
19. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Osaka
20. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Fukuoka
21. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Nayoga
22. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Pháp
23. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Singapore
24. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thái Lan
25. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Úc
26. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Melbourne
27. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Trung Quốc
28. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thượng Hải
29. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Quảng Châu
30. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Thành Đô
31. Chi nhánh TCT HKVN - CTCP tại Indonesia
32. Văn phòng đại diện TCT HKVN
Khu vực châu Âu/EU

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Thành lập Hãng hàng không
quốc gia Việt Nam

1993



Giới thiệu biểu tượng mới -
Bông Sen Vàng gắn với các cải
tiến vượt trội về chất lượng
dịch vụ, mở rộng mạng đường
bay và nâng cấp đội máy bay

2002



Trở thành thành viên
chính thức của IATA

2006

09/2014: Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt
phương án cổ phần hóa
VNA

11/2014: Chào bán thành
công cổ phần lần đầu
ra công chúng tại
Sở giao dịch chứng
khoán TP.HCM

2014

1995

Thành lập Tổng công ty
Hàng không Việt Nam
gồm Hãng hàng không
quốc gia Việt nam
và 20 doanh nghiệp
trong ngành

2003

Tổ chức lại hoạt động theo
mô hình Công ty mẹ - con
theo Quyết định số
372/QĐ-TTg ngày
04/04/2003 của Thủ tướng
Chính phủ

Tiếp nhận đưa vào khai
thác tàu bay hiện đại
Boeing 777 đầu tiên, khởi
đầu chương trình hiện đại
hóa đội bay



2010

Chuyển thành Công ty
TNHH MTV do Nhà nước
làm Chủ sở hữu

Chính thức là thành
viên thứ 10 của Liên
minh Hàng không toàn
cầu SkyTeam





03/2015: Tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất thành lập CTCP

04/2015: Chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/04/2015

07/2015: Trở thành hãng hàng không đầu tiên của Châu Á và thứ 2 trên thế giới tiếp nhận máy bay thế hệ mới Airbus A350-900, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới

Hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng và đăng ký chứng khoán

LOTUSMILES

01/2017: Cổ phiếu Vietnam Airlines chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM với mã chứng khoán HVN, giá trị vốn hóa nằm trong top đầu của thị trường

09/2017: Nhận chứng chỉ của Skytrax lần 2 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao

12/2017: Chào đón hành khách thứ 200 triệu sau 20 năm thành lập và đạt 1,5 triệu hội viên Bông Sen Vàng

05/2019: Cổ phiếu HVN chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) vào ngày 07/05/2019

07/2019: Nhận chứng chỉ Skytrax lần 4 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao

08/2019: Chính thức đón tàu bay Boeing B787-10 đầu tiên

08/2019: Chính thức được Bộ Giao thông vận tải Mỹ cấp phép mở rộng hợp tác liên danh linh hoạt hai chiều với hãng hàng không Delta Airlines

10/2019: Chào đón tàu bay thứ 100 trong đội tàu bay của Vietnam Airlines



Hãng hàng không Việt Nam duy nhất được Skytrax xếp hạng 5 sao về an toàn phòng chống dịch COVID-19

11/2021: Hãng hàng không Việt Nam đầu tiên và duy nhất khai thác đường bay thẳng thường lệ giữa Việt Nam – Hoa Kỳ

2015

2017

2019

2021

2016

07/2016: Chính thức được công nhận là Hãng hàng không quốc tế 4 sao theo tiêu chuẩn của Skytrax

07/2016: Hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings INC (Nhật Bản), ký kết Hợp đồng bán cổ phần và Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật với ANA Holdings INC.



2018

07/2018: Nhận chứng chỉ Skytrax lần 3 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao

10/2018: Ký thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Vingroup xây dựng các sản phẩm kết hợp hàng không và du lịch trên toàn bộ mạng đường bay và cơ sở lưu trú du lịch của hai bên

11/2018: Chính thức đón tàu bay Airbus A321NEO đầu tiên



2020

05/2020: Kỷ niệm 25 năm thành lập Vietnam Airlines

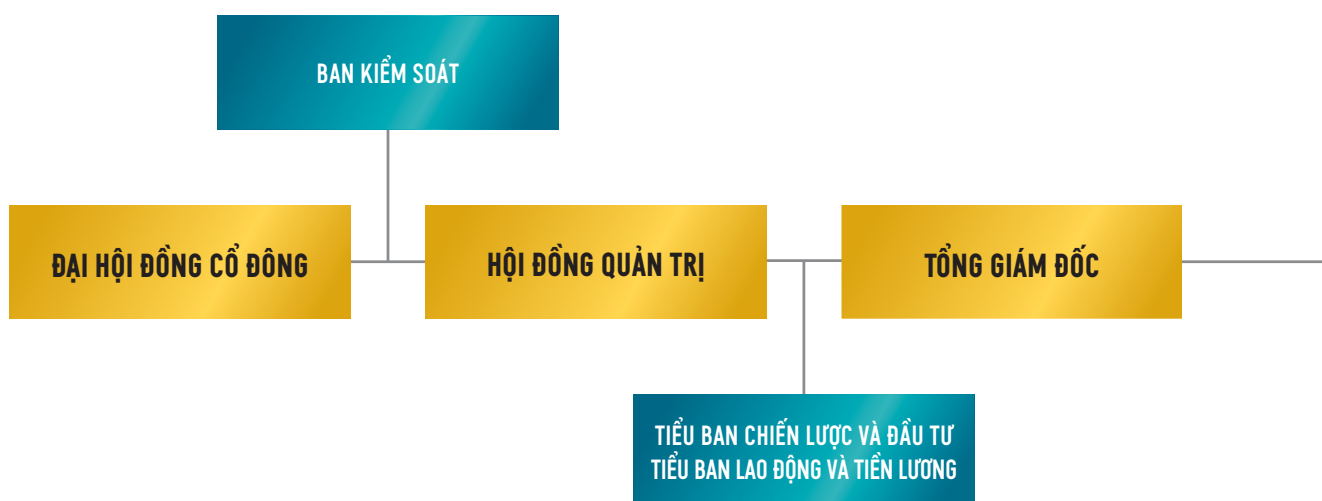
Thực hiện thành công 180 chuyến bay tới hơn 30 quốc gia để đưa 52.500 đồng bào hồi hương.

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Vietnam Airlines là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

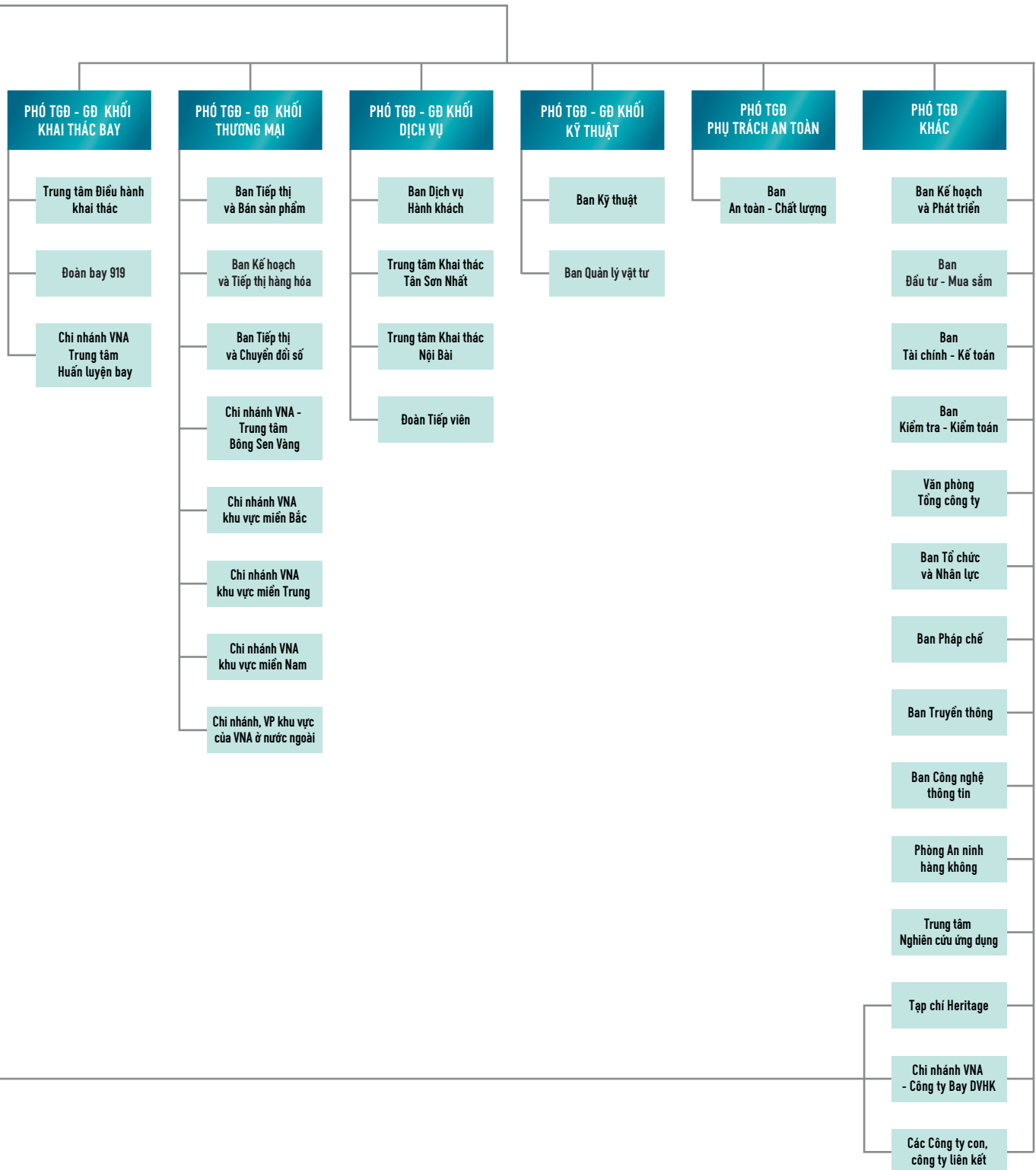
Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Vietnam Airlines gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.



Những thay đổi về cơ cấu tổ chức trong năm 2021

Cùng với Vietnam Airlines, các doanh nghiệp thành viên trong VNA đều đồng loạt thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức và lao động nhằm giảm bớt đầu mối xử lý công việc, tinh giản gọn nhẹ lực lượng lao động, phân công lại nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình mới trên nguyên tắc tối ưu hóa năng suất lao động. Một số công tác nổi bật trong năm 2021:

- ▶ Báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về tái cơ cấu tổ chức trong Đề án tổng thể các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Vietnam Airlines do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 kéo dài giai đoạn 2021 - 2025.
- ▶ Hoàn thành tái cơ cấu các cơ quan, đơn vị thuộc Khối Kỹ thuật, Khối Khai thác bay, Ban An toàn - Chất lượng, Đoàn Tiếp viên, Ban Dịch vụ hành khách.
- ▶ Tiếp tục triển khai tái cơ cấu Chi nhánh khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các Chi nhánh địa phương; Trung tâm khai thác Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất và các bộ phận khai thác sân bay tại các sân bay địa phương.



4.2. BAN LÃNH ĐẠO VIETNAM AIRLINES

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐẶNG NGỌC HÒA

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Chủ tịch Ủy ban chiến lược và đầu tư;
Ủy viên Ban chấp hành VCCI khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không



Ông LÊ TRƯỜNG GIANG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Chủ tịch Tiểu ban Lao động và Tiền lương;
Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)

Năm sinh: 1967

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông ĐINH VIỆT TÙNG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc SCIC;
Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Licoji;
Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo Minh

Năm sinh: 1974

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng



Ông LÊ HỒNG HÀ

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu
Hàng không Việt Nam (SKYPEC);
Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị
Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật



Ông TẠ MẠNH HÙNG

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Hãng hàng không quốc gia
Cambodia Angkor Air (K6)

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý



Ông TRƯƠNG VĂN PHƯỚC

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Các tổ chức khác: Thường trực Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ;
Ủy viên Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Năm sinh: 1959

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng



Ông TOMOJI ISHII

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Các tổ chức khác: Phó Chủ tịch cao cấp Chiến lược doanh nghiệp
ANA HOLDINGS, INC.

Năm sinh: 1966

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2020

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học chính trị

BAN GIÁM ĐỐC



Ông LÊ HỒNG HÀ

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC); Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2019 - 2024

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật



Ông TRỊNH NGỌC THÀNH

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS); Thành viên Hội đồng tư vấn của IATA; Thành viên Hội đồng điều phối giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam

Năm sinh: 1964

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1988

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông NGUYỄN CHIẾN THẮNG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)

Năm sinh: 1972

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật hàng không



Ông TÔ NGỌC GIANG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Đoàn trưởng Đoàn bay 919

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1995

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học/ Phi công



Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA); Thành viên Ban tổ chức Hội nghị toàn quốc về Logistics các giải pháp giảm chi phí, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông

Năm sinh: 1963

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông NGUYỄN HỒNG LĨNH

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt (VFT)

Năm sinh: 1962

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1984

Trình độ chuyên môn: Phi công



Ông ĐINH VĂN TUẤN

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Các tổ chức khác: Tổng Giám đốc CTCP Pacific Airlines (PA)

Năm sinh: 1970

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển



Ông TRẦN THANH HIỀN

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Cho Thuê Máy Bay Việt Nam (VALC)

Năm sinh: 1963

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ THIÊN KIM

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1967

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1993

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY



Ông NGUYỄN XUÂN THÙY

Chức vụ hiện tại: Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV

Kỹ thuật máy bay (VAECO)

Năm sinh: 1962

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1992

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông MAI HỮU THỌ

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1962
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1984
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Bà NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
Tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch tổng hợp - SCIC
Năm sinh: 1979
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2021
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư

Ông Đặng Ngọc Hòa, Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Tiểu Ban
Ông Lê Hồng Hà, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Thành viên
Ông Tạ Mạnh Hùng, Thành viên HĐQT - Thành viên
Ông Lê Trường Giang, Thành viên HĐQT - Thành viên
Ông Trần Thanh Hiền, Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán - Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung, Trưởng ban Kế hoạch và Phát triển - Thành viên
Ông Lê Đức Cảnh, Trưởng ban Đầu tư mua sắm - Thành viên
Ông Đỗ Đông Hưng, Phó phòng Thư ký HĐQT - Thư ký

2. Tiểu ban Lao động và Tiền lương

Ông Lê Trường Giang, Thành viên HĐQT - Chủ tịch Tiểu ban
Ông Nguyễn Chiến Thắng, Phó Tổng giám đốc - Thành viên
Ông Vũ Đình Thủy, Trưởng ban TCNL - Thành viên
Ông Triệu Hải Đăng, Trưởng phòng, Ban Tổ chức và Nhân lực - Thư ký

4.3. Danh sách các công ty con, công ty liên kết

(tính đến 31/12/2021)

Danh sách các công ty con

ST	CÔNG TY CON	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.093.117	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	SKYPEC	202 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không	800.000	100,00
3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	VACS	Sân bay Tân Sơn Nhất - P.2 Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay	85.448	100,00
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	VIAGS	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ mặt đất sân bay	250.000	100,00
5	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (PA)	PA	112 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hàng không	3.522.081	68,85
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	261.669	55,13
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	46-48 Hậu Giang - P.4 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	93.726	55,00
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất	TECS	Số 6 Thăng Long - P.4 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không	51.430	51,00
9	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO	VINAKO	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi	8.578	65,05
10	Công ty Cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài	NCS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan	179.491	60,17
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	83.158	51,00
12	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	VFT	117 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh	Đào tạo phi công	66.000	51,52
13	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không	AITS	412 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông	58.032	52,73
14	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	ALSIMEXCO	Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Xuất Nhập Khẩu Lao động	10.000	51,00
15	Cty CP Sabre Việt Nam	SABRE VN	Tầng 5, Tòa nhà Đệ Nhất 53 Quang Trung, P. Nguyễn Du Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ liên quan đến phân phối hệ thống sabre và hệ thống cuộc gọi	5.200	51,69

Danh sách các công ty liên kết

ST	CÔNG TY CON	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam	VALC	Tầng 6, 18 Lý Thường Kiệt Phường Phan Chu Trinh Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay	63.315.837 (USD)	32,48
2	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	K6	206A, Preah Norodom Blvd Sangkat Tonle Basac Khan Chamkarmon, Phnom Penh Cambodia	Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không	100.000.000 (USD)	14,00
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng	Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	42.677 (triệu đồng)	36,11
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không	AIRIMEX	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	31.113 (triệu đồng)	41,31
5	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp hàng không	APLACO	Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề Q. Long Biên - Hà Nội	Công nghiệp nhựa cao cấp	17.280 (triệu đồng)	30,41

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

5.1. THÔNG TIN CỔ PHẦN

LOẠI CỔ PHẦN	Cổ phần phổ thông
MỆNH GIÁ	10.000 đồng/cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH	2.214.394.174 cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	2.214.394.174 cổ phần

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I. TRONG NƯỚC	2.083.180.286	40.823	94,07
1. Cá nhân	143.955.826	40.765	6,5
2. Tổ chức	1.939.224.460	58	87,57
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	1.222.368.291	1	55,2
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	689.488.080	1	31,14
Khác	27.368.089	56	1,24
II. NƯỚC NGOÀI	131.213.888	731	5,93
1. Cá nhân	2.824.109	690	0,13
2. Tổ chức	128.389.779	41	5,8
ANA Holdings Inc.	124.438.698	1	5,62
Khác	3.951.081	40	0,18
TỔNG CỘNG	2.214.394.174	41.554	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 03/11/2021)

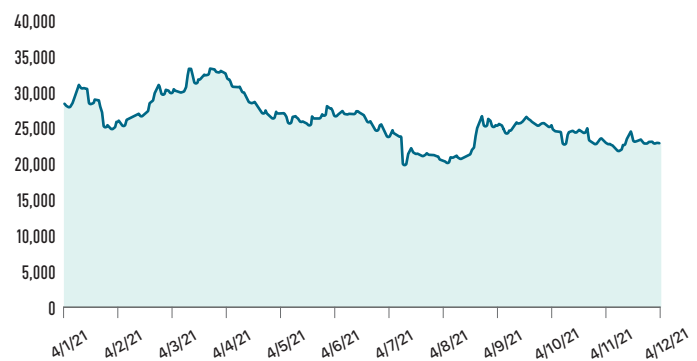
Danh sách cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần):

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	1.222.368.291	55,2
2	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	689.488.080	31,14
3	ANA HOLDINGS INC.	124.438.698	5,62

Dữ liệu thống kê

Mã cổ phiếu	HOSE:HVN
Ngành	Hàng không
Giá đóng cửa (31/12/2021)	23.150
Cao nhất 52 tuần	33.800
Thấp nhất 52 tuần	20.100
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng) tại ngày 31/12/2021	51.263
Số cổ phiếu lưu hành	2.214.394.174

Diễn biến giá cổ phiếu HVN

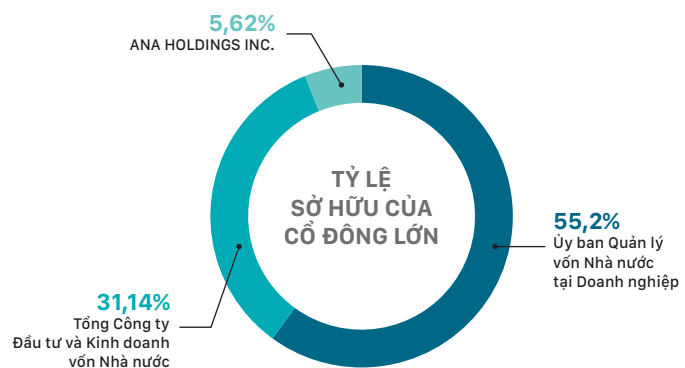
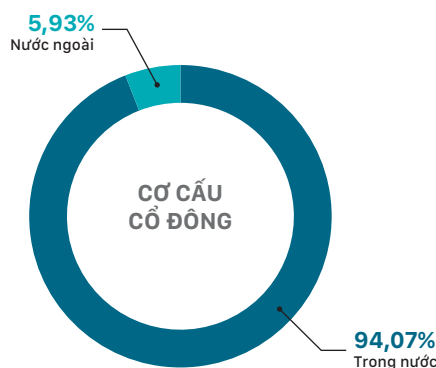


Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM	VỐN ĐIỀU LỆ	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
1	04/2015		11.198.648.400.000	
2	07/2016	1.076.689.380.000	12.275.337.780.000	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài
3	12/2018	1.907.570.690.000	14.182.908.470.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
4	09/2021	7.961.033.270.000	22.143.941.740.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Tại thời điểm 31/12/2021, chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu (CĐKT 410) là 22.143.941.740.000 đồng, tăng 7.961.033.270.000 đồng so với 01/01/2021. Trong năm 2021, Vietnam Airlines đã hoàn thành phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn 7.961 tỷ đồng,

trong đó Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước SCIC đã thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông Nhà nước. Sau khi hoàn thành đợt tăng vốn, cơ cấu cổ đông của Vietnam Airlines như sau:



6. SỰ KIỆN TIÊU BIỂU



Đại hội Cổ đông thường niên
ngày 14/07/2021

04.2021

07.2021

10.2021



Vietnam Airlines Festa trong khuôn khổ
"Lễ hội Du lịch và văn hóa Ẩm thực
Hà Nội năm 2021" từ ngày 16-18/4/2021



Lễ ra mắt thẻ tín dụng quốc tế VNA Visa
và sàn thương mại điện tử VNAMall
ngày 19-21/10/2021

CHUỖ SỰ KIỆN MỸ



Diễn đàn
*"Thúc đẩy giao thương
Việt Nam - Hoa Kỳ
trong hoàn cảnh mới"*
ngày 16/11/2021



Lễ ký hợp tác VNA - NovaGroup
ngày 10/12/2021

11.2021

12.2021



Lễ khai trương
chuyến bay thẳng
thương mại thường lệ
đầu tiên SGN-SFO
ngày 28/11/2021



Lễ khai trương
chuyến bay thẳng thương mại
thường lệ đầu tiên SFO-SGN
ngày 29/11/2021



Lễ ký hợp tác VNA - SpaceSpeakers Group
ngày 18/12/2021

7. DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG



Giải thưởng Sao vàng Đất Việt
(VNA lọt Top 100)



Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về bản sắc văn hóa

**Hãng hàng không hàng đầu Châu Á
về hạng Phổ thông**
do World Travel Awards trao tặng



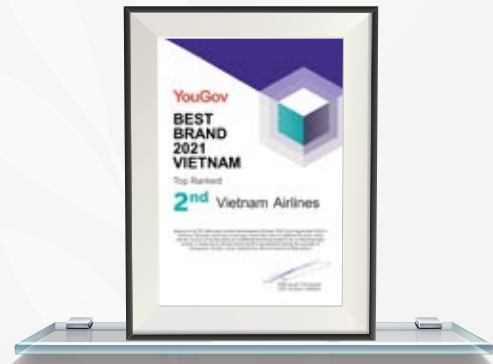
Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng
do Hội Sở hữu trí tuệ trao tặng



Hãng hàng không MICE tốt nhất Châu Á
do World Mice Awards trao tặng



Thương hiệu quốc gia Việt Nam
do Bộ Công thương trao tặng



Top Thương hiệu tốt nhất năm 2021
do YouGov trao tặng



Hãng hàng không an toàn COVID
COVID-19 Airline Safety rating
xếp hạng cao nhất do Skytrax trao tặng



Giải thưởng Quan hệ công chúng và Truyền thông
xuất sắc năm 2021 về Quản trị thương hiệu
cho sự kiện truyền thông đường bay Mỹ
do VNPR Awards trao tặng



VNR500 – Top 500 doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam
(VNA xếp hạng 26)



Top 10 thương hiệu có trải nghiệm
khách hàng xuất sắc tại Việt Nam
Theo KPMG

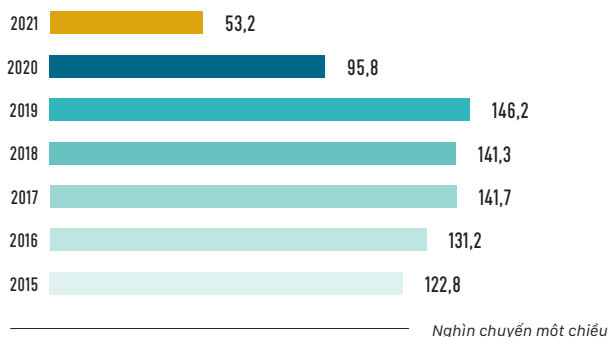
IV. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

1. CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC CƠ BẢN

SỐ LIỆU VIETNAM AIRLINES (VNA VÀ VASCO)

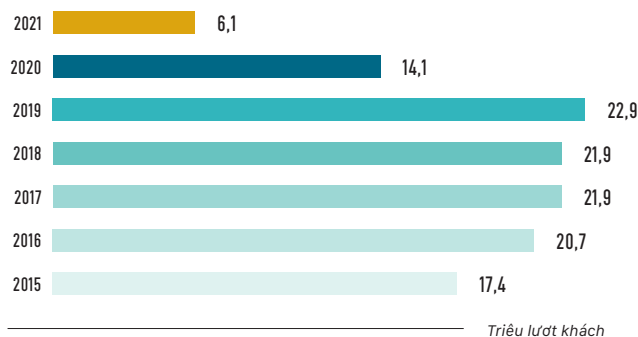
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2021/2020
Chuyến bay	nghìn chuyến 1 chiều	122,8	131,2	141,7	141,3	146,2	95,8	53,2	55,60%
Khách vận chuyển	triệu lượt khách	17,4	20,7	21,9	21,9	22,9	14,1	6,1	43,50%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	nghìn tấn	208,4	271	323	341,5	348	195,9	219,8	112,60%
Khách luân chuyển	tỷ hành khách. Km	28,7	32,8	34,8	36,3	37,6	15,2	5,1	33,90%
Ghế luân chuyển	tỷ ghế.Km	35,8	40,6	42,7	44,7	46,5	19,4	7,2	37,10%
Hệ số sử dụng ghế	%	80,70%	80,80%	81,50%	81,30%	80,90%	78,30%	71,60%	-6,70%

CHUYẾN BAY



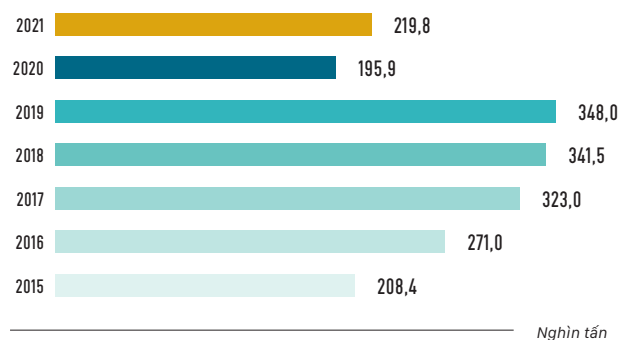
Nghìn chuyến một chiều

KHÁCH VẬN CHUYỂN

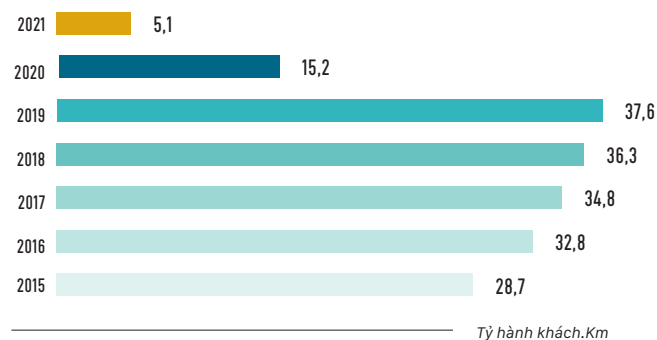


Triệu lượt khách

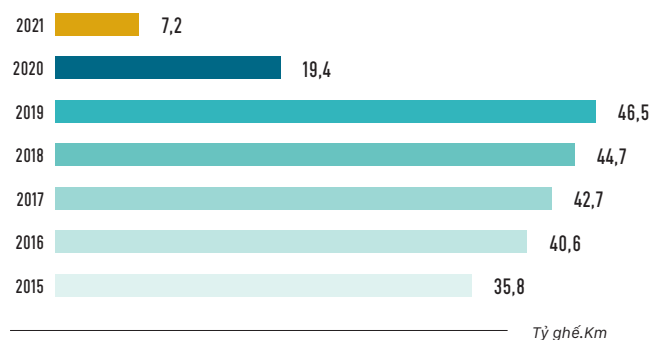
HÀNG HÓA, BƯU KIẾN VẬN CHUYỂN



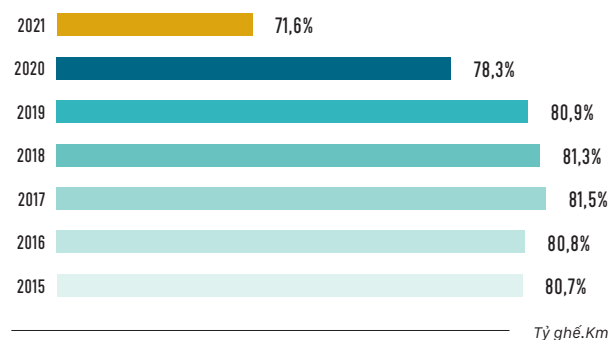
KHÁCH LUÂN CHUYỂN



GHẾ LUÂN CHUYỂN



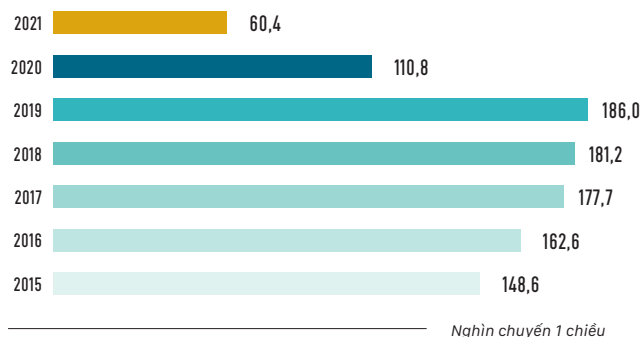
HỆ SỐ SỬ DỤNG GHẾ



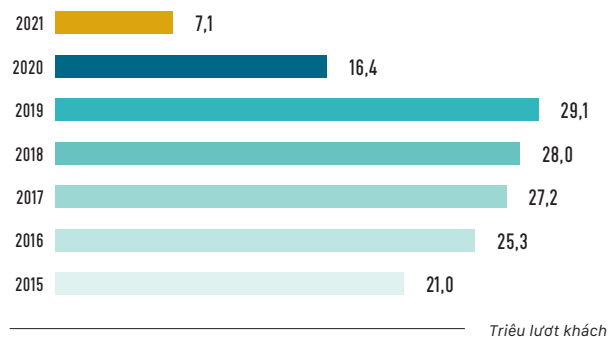
SỐ LIỆU VIETNAM AIRLINES GROUP (VNA, VASCO VÀ PA)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2021/2020
Chuyến bay	nghìn chuyến 1 chiều	148,6	162,6	177,7	181,2	186	110,8	60,4	54,50%
Khách vận chuyển	triệu lượt khách	21	25,3	27,2	28	29,1	16,4	7,1	43,10%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	nghìn tấn	209	289	344	366	371,3	201,7	222,2	101,80%
Khách luân chuyển	tỷ hành khách. Km	31,6	36,3	39,2	41,5	42,9	17	5,8	34,30%
Ghế luân chuyển	tỷ ghế.Km	39,2	44,9	48	50,8	52,8	21,6	8,2	37,80%
Hệ số sử dụng ghế	%	81,00%	80,80%	81,70%	81,70%	81,20%	78,50%	71,40%	-7,10%

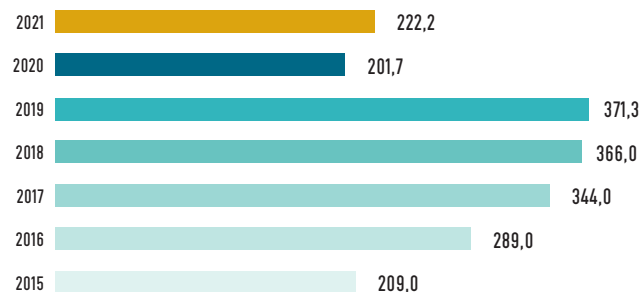
CHUYẾN BAY



KHÁCH VẬN CHUYỂN

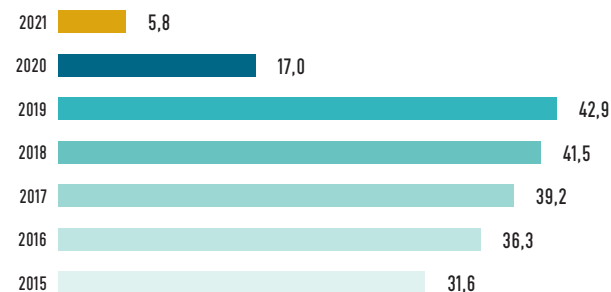


HÀNG HÓA, BƯU KIẾN VẬN CHUYỂN



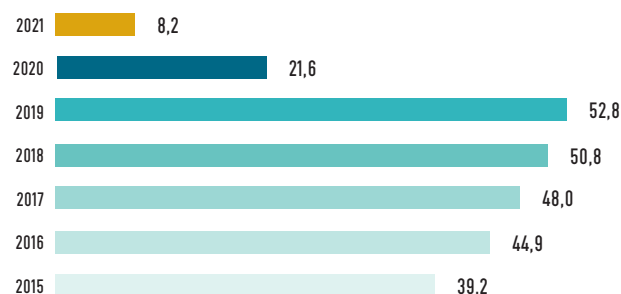
Nghìn tấn

KHÁCH LUÂN CHUYỂN



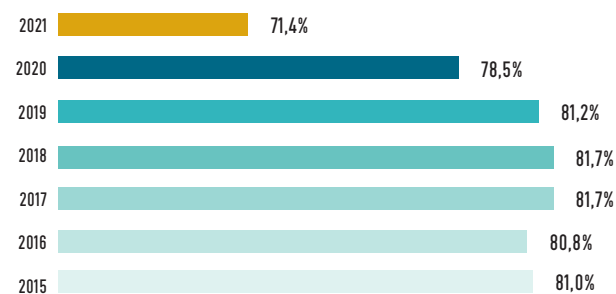
Tỷ hành khách.Km

GHẾ LUÂN CHUYỂN



Tỷ ghế.Km

HỆ SỐ SỬ DỤNG GHẾ

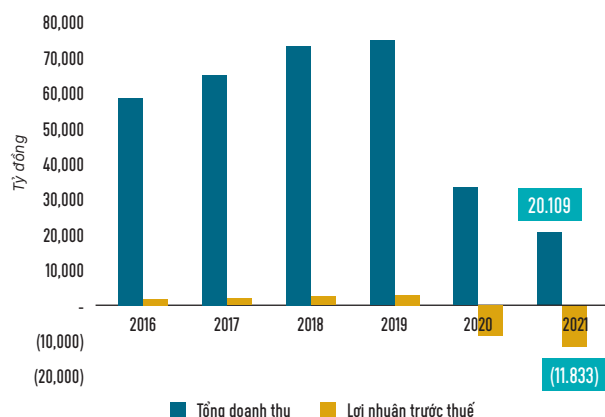


Tỷ ghế.Km

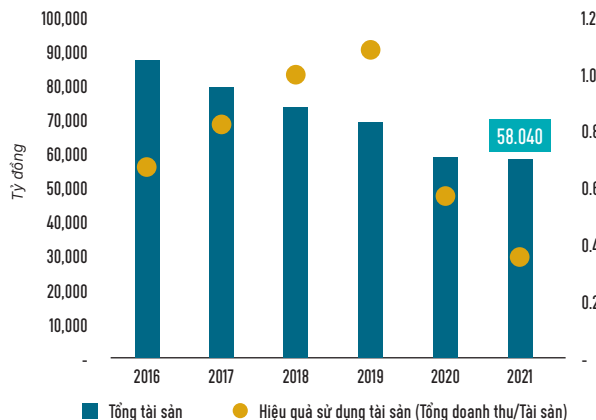
2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

CÔNG TY MẸ

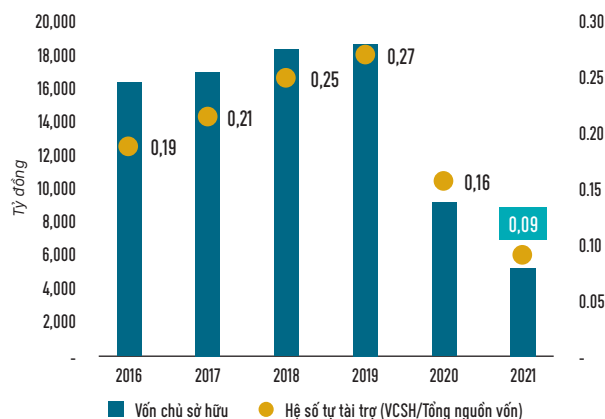
HIỆU QUẢ KINH DOANH



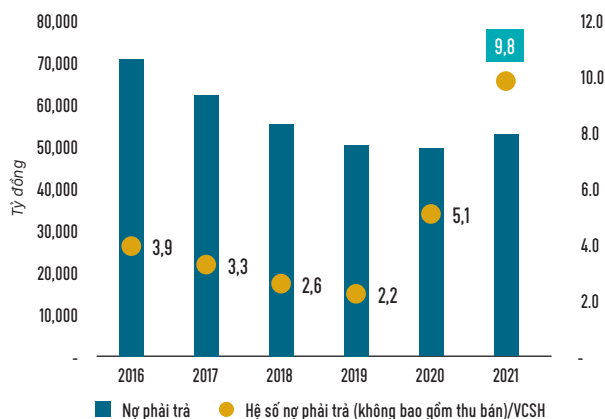
HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN



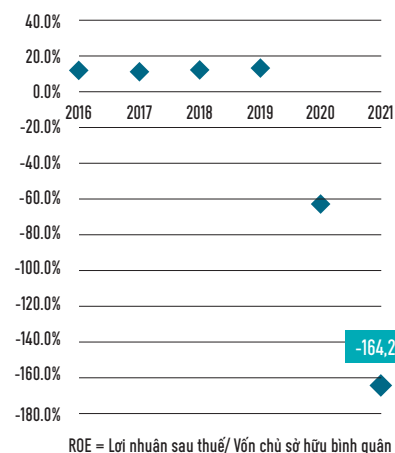
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN



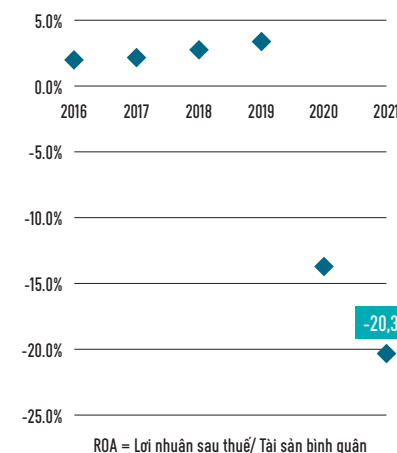
NỢ PHẢI TRẢ VÀ HỆ SỐ NỢ



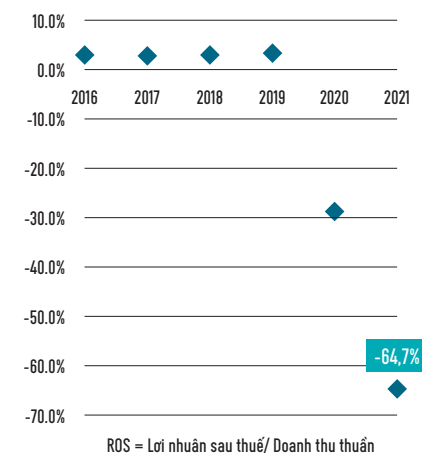
ROE



ROA

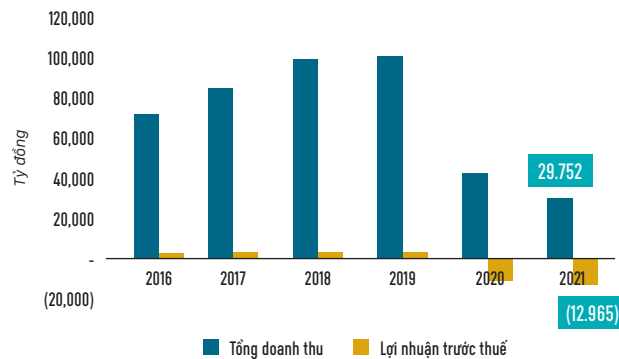


ROS

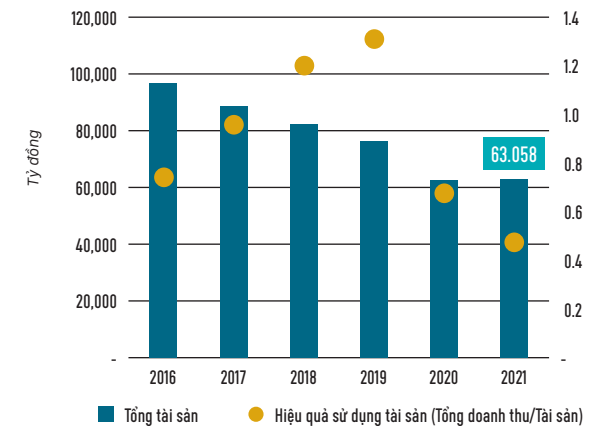


HỢP NHẤT

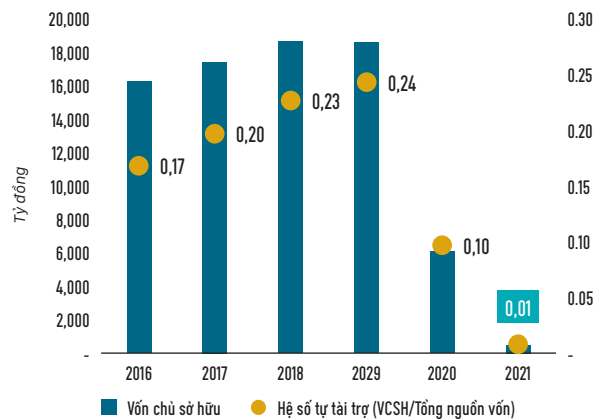
HIỆU QUẢ KINH DOANH



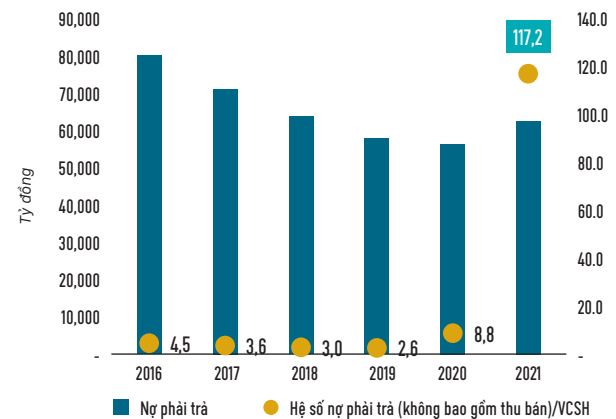
HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN



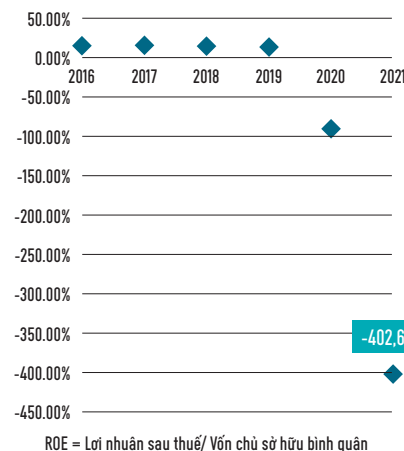
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN



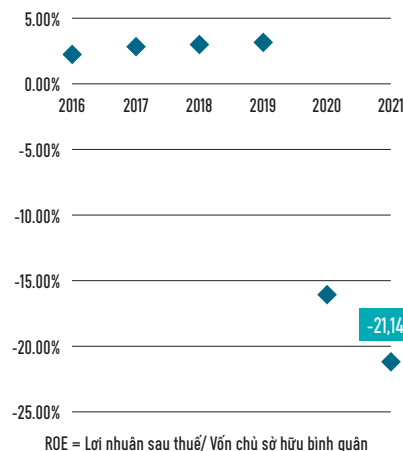
NỢ PHẢI TRẢ VÀ HỆ SỐ NỢ



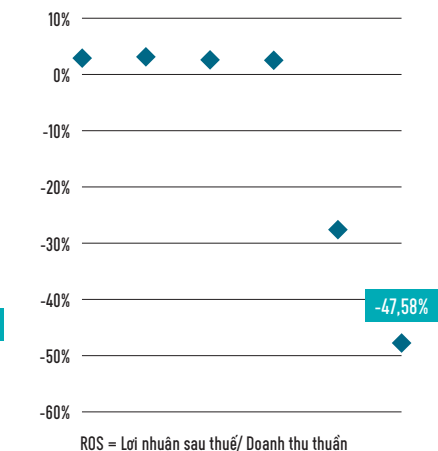
ROE



ROA



ROS



V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VIETNAM AIRLINES

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2021, Tổng công ty Hàng không Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 14/07/2021. ĐHĐCĐ đã thông qua các nội dung chính bao gồm: Các chỉ tiêu chính của kế hoạch SXKD năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát; Phương án kiện toàn Ban Kiểm soát; Phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ; Chủ trương bán 6 tàu ATR72 để thay thế bằng đội tàu bay phản lực khu vực; Phương án lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2022 - 2024; và 04 văn bản pháp lý thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (Điều lệ Vietnam Airlines, Quy chế nội bộ về quản trị Vietnam Airlines, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

Đại dịch COVID-19 xảy ra trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam đã làm thay đổi toàn bộ kế hoạch khai thác và hoạt động SXKD của Tổng công ty. Trước các ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, Tổng công ty gặp rất nhiều khó khăn và khủng hoảng, rơi vào tình trạng thâm hụt dòng tiền và thua lỗ, đối mặt với nguy cơ mất khả năng thanh khoản.

Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020, theo đó Quốc hội đã nhất trí với đề nghị của Chính phủ cho phép Tổng công ty chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và giao SCIC thay mặt Chính phủ đầu tư mua cổ phiếu tại Tổng công ty thuộc quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước theo phương thức chuyển giao quyền mua. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 194/NQ-CP ngày 31/12/2020 để thực hiện Nghị quyết của Quốc hội. Tổng công ty đã hoàn thành phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, kịp thời bổ sung nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp duy trì hoạt động và vượt qua khủng hoảng.

Ngày 14/12/2021, Tổng công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 để thông qua các nội dung lớn: Những định hướng lớn trong Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021 - 2025; Sửa đổi ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Tổng công ty; Báo cáo Phương án kiện toàn nhân sự HĐQT và Ban Kiểm soát.

HĐQT đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường theo đúng quy định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp để xem xét và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đối với các nội dung không cần thảo luận trực tiếp để thông qua Nghị quyết HĐQT, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản.

Các nội dung lớn đã được HĐQT ban hành Nghị quyết: Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển của Tổng công ty và các doanh nghiệp vốn góp; Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng/ quý/ 6 tháng đầu năm của Tổng công ty; Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ

thường niên và bất thường của Tổng công ty và các công ty con; Tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT quý và cả năm 2021; Chính sách nhân lực, tiền lương ứng phó khủng hoảng do đại dịch COVID-19; Công tác tái cơ cấu, nhân sự, kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 của Tổng công ty; Các chủ trương lớn của Tổng công ty như phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, vay tái cấp vốn...

Để đảm bảo hiệu quả của việc xem xét và ban hành các Nghị quyết HĐQT, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT tổ chức thẩm định, soát xét các nội dung trình HĐQT.



2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện việc giám sát, chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các hoạt động của Ban Giám đốc theo đúng chức năng, thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty. Cụ thể:

HĐQT công ty thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua các cuộc họp trực tiếp/ trực tuyến của HĐQT, các cuộc họp, làm việc trực tiếp của HĐQT với Tổng công ty và hệ thống báo cáo (Báo cáo tài chính, Báo cáo hoạt động SXKD, các báo cáo kiểm tra giám sát và đánh giá hiệu quả SXKD của công ty).

HĐQT tổ chức làm việc trực tiếp theo chuyên đề, dự án quan trọng và những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết để kịp thời đưa ra chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền, nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động của Tổng công ty tuân thủ pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

Bên cạnh đó, để tăng cường công cụ hỗ trợ hiệu quả công tác giám sát, HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo thường xuyên rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy định phù hợp với quy định của Nhà nước, quản trị doanh nghiệp và tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát, HĐQT đã đưa ra ý kiến đóng góp với Ban Giám đốc nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý doanh nghiệp.

Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc còn được thực hiện thông qua hệ thống giám sát, kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty.

Định kỳ, HĐQT đều xem xét báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT Tổng công ty.



Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng của Tổng công ty và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng, quý trong năm 2021.
- Xem xét phương án SXKD của Tổng công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch năm.
- Chỉ đạo Ban giám đốc tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để ứng phó với đại dịch COVID-19,

đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục như: tổ chức sản xuất, xây dựng các kịch bản SXKD sát với diễn biến thị trường, diễn biến dịch bệnh; tăng cường hoạt động vận chuyển hàng hóa, tận dụng mọi cơ hội tăng thu và dòng tiền cho Tổng công ty; điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự, tiền lương để người lao động và Tổng công ty cùng chia sẻ khó khăn theo từng giai đoạn diễn biến của dịch bệnh; cắt giảm chi phí, triệt để tiết kiệm và cắt giảm ngân sách; quản lý chặt chẽ dòng tiền, đàm phán giãn hoãn thanh toán để đảm bảo cân đối dòng tiền...

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Trong năm 2021, các Tiểu ban thuộc HĐQT đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu, hỗ trợ hoạt động cho HĐQT trên các nội dung sau:

- **Tiểu ban Chiến lược và đầu tư** tham mưu cho HĐQT nhiều vấn đề lớn như: tái cơ cấu các khối dịch vụ, thương mại, khai thác bay, các báo cáo về tái cơ cấu các khoản đầu tư tại K6 và PA, kế hoạch phát triển đội bay 2020 - 2025, các báo cáo về giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty thông qua việc bổ sung thanh khoản 12.000 tỷ đồng, và trình Ủy ban Quản lý vốn đề án tái cơ cấu tổng thể. Ngoài ra, tiểu ban cũng tham mưu về một số dự án lớn của Tổng công ty như đề án về tham gia một số dự án tại sân bay Long Thành, đề án về tái cơ cấu đội tàu bay.
- **Tiểu ban Nhân sự và tiền lương** đã kiện toàn nhân sự và Quy chế tổ chức hoạt động để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tiểu ban đã tham mưu cho HĐQT về các định hướng chính sách điều hành, sử dụng nhân lực, chế độ chính sách đối với người lao động năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.
- HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 1747/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 06/12/2021 thông qua chủ trương không tổ chức Ủy ban Kiểm toán/ Tiểu ban Kiểm toán thuộc HĐQT, từ đó chấm dứt hoạt động của Ủy ban Kiểm toán thuộc HĐQT tại Quyết định số 05/QĐ-HĐQT/TCTHK ngày 02/04/2015.

Tổng công ty có Ban Kiểm tra kiểm toán thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát cho HĐQT và Ban Điều hành. Trong năm 2021, Ban Kiểm tra kiểm toán đã xây dựng đề báo cáo Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt, ban hành quy chế kiểm toán nội bộ theo hướng dẫn tại Nghị định 05/2019-NĐ-CP và Thông tư 66/2020/TT-BTC, chỉnh sửa quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm tra kiểm toán phù hợp với quy định của Nhà nước về công tác kiểm toán nội bộ và thực tế hoạt động của Ban Kiểm tra kiểm toán.

Năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên lao động thuộc Ban Kiểm tra kiểm toán cũng bị cắt giảm theo chủ trương chung của Tổng công ty. Số lượng nhân sự làm công tác Kiểm toán nội bộ gồm 9 người trong đó có 2 lao động ban là chủ nhiệm và thành viên của Ủy ban Kiểm toán. Tuy nhiên, Ban Kiểm tra kiểm toán đã nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao với các công việc cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thành các chuyên đề kiểm toán nội bộ được chuyển tiếp từ năm 2020, trong đó:
 - › Các chuyên đề báo cáo HĐQT: chuyên đề kiểm tra, giám sát việc sử dụng đội tàu bay A350/B787 và chuyên đề đánh giá việc sử dụng đội tàu bay A32F.
 - › Các chuyên đề báo cáo Tổng Giám đốc: chuyên đề kiểm toán quy trình quản lý phụ tùng vật tư của Tổng công ty trên AMASIS; chuyên đề kiểm toán đánh giá chất lượng dữ liệu trên hệ thống MIS; chuyên đề đánh giá hợp đồng hợp tác với CAE và chuyên đề đánh giá hiệu quả reconfig tàu A321 203 ghế.
- Thực hiện thẩm tra quyết toán các dự án hoàn thành theo yêu cầu của HĐQT, báo cáo HĐQT kết quả theo quy định, bao gồm dự án hoàn thành chuyển đổi cấu hình 6 tàu bay A321 và dự án hoàn thành chuyển đổi cấu hình 8 tàu A321.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc và HĐQT:
 - › Soát xét các tờ trình của Tổng Giám đốc trình HĐQT.
 - › Tổng hợp báo cáo, đánh giá hoạt động của kiểm soát viên định kỳ hàng tháng/ quý theo quy định.
 - › Tham gia thẩm định kế hoạch 2022 của Tổng công ty và đơn vị góp vốn.
- Thực hiện các nhiệm vụ do Ban Kiểm soát giao:
 - › Tham gia thẩm định BCTC 2020 và soát xét BCTC 6 tháng 2021 theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
 - › Tham gia thực hiện 2 chuyên đề của Ban Kiểm soát: Giám sát triển khai hệ thống AQD và Giám sát thực hiện quy định GDPR.
- Theo dõi tình hình thực hiện kiến nghị của các cơ quan Nhà nước (Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Kiểm toán Nhà nước).
- Theo dõi thực hiện hợp đồng kiểm toán độc lập giai đoạn 2019 - 2021 và thực hiện việc lựa chọn đối tác kiểm toán BCTC của Tổng công ty giai đoạn 2022 - 2024.

4. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Năm 2021, Ban điều hành đã linh hoạt, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đưa Vietnam Airlines vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD:

- Trên cơ sở định hướng của HĐQT, Ban điều hành đã thường xuyên nắm bắt diễn biến thị trường, chỉ đạo xây dựng và triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững.
- Thực hiện tốt chế độ báo cáo về tình hình hoạt động SXKD trên các lĩnh vực và các mặt hoạt động. Bên cạnh việc phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo đã chú trọng trong việc dự báo, đánh giá tình hình thị trường giai đoạn tiếp theo để đưa ra các kịch bản điều hành, nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Vietnam Airlines và các văn bản quản lý nội bộ khác.

Khi triển khai Nghị quyết HĐQT, Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ cụ thể đến các cơ quan, đơn vị, trong đó nêu rõ tiến độ, thời hạn hoàn thành và yêu cầu báo cáo. Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. VỀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Định hướng xây dựng kế hoạch: Tổng công ty xác định các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 như sau:



ĐẢM BẢO AN TOÀN TUYỆT ĐỐI KHAI THÁC là nhiệm vụ tiên quyết, là cơ sở, tiền đề cho sự phục hồi và phát triển của Tổng công ty. Vì vậy, đây tiếp tục là công tác được chú trọng hàng đầu; trong đó việc giám sát, kiểm tra tình trạng kỹ thuật và quy trình đảm bảo an toàn, đặc biệt khi khai thác trở lại sau thời gian dài ngừng khai thác do dịch bệnh sẽ là trọng tâm của công tác an toàn năm 2022.



VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC VÀ THƯƠNG MẠI: Xây dựng các phương án điều hành theo các kịch bản về thị trường, chủ động các giải pháp ứng biến theo diễn biến của thị trường. Đối với khai thác quốc tế: chủ động phối hợp với các đối tác, sớm khôi phục lại hoạt động khai thác các đường bay quốc tế trên cơ sở kế hoạch mở cửa của Chính phủ, kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường, giành và giữ thị phần cũng như đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn lực. Đối với khai thác chở khách nội địa: đảm bảo vai trò chủ đạo vận tải hành khách nội địa chỉ VNA Group với mục tiêu thị phần đạt trên 50%. Tiếp tục mở rộng khai thác hàng hóa trên cơ sở tận dụng nguồn lực sẵn có. Mục tiêu thị phần nội địa đạt trên 60%, thị phần quốc tế đạt trên 12%, tiếp tục điều chỉnh giá bán phù hợp nhằm tăng hiệu quả khai thác hàng hóa.



VỀ CẮT GIẢM CHI PHÍ VÀ CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN: Tiếp tục đàm phán với các chủ nợ, đặc biệt là các chủ tàu bay trong việc giảm bớt khoản nợ cũ và giảm giá thuê cho các hợp đồng thuê hiện tại; trả sớm tàu bay đang thuê, lùi thời gian nhận tàu đối với các hợp đồng đã ký. Đồng thời, tiếp tục kiến nghị và triển khai các giải pháp hỗ trợ thanh khoản của Nhà nước với vai trò là chủ sở hữu của Tổng công ty; đẩy nhanh việc triển khai các giải pháp tái cơ cấu danh mục đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và tiếp tục triển khai tái cơ cấu tài sản (bán/ bán và thuê lại tàu bay cũ) để đảm bảo dòng tiền.



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ: Đảm bảo hài hòa chất lượng dịch vụ 4 sao với An toàn dịch bệnh; tiếp tục triển khai chiến dịch "Nâng tầm dịch vụ" với việc giới thiệu các dịch vụ mới và nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiến tới mục tiêu đạt tiêu chuẩn 5 sao về chất lượng nguồn nhân lực.



VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ: Ưu tiên nguồn lực cho các dự án chuyển đổi số; trong đó tập trung các dự án nâng cao trải nghiệm khách hàng và các dự án nâng cao chất lượng hệ thống quản lý; các dự án thương mại điện tử có cơ hội tăng doanh thu cần triển khai nhanh theo hướng thí điểm và điều chỉnh.



CHUẨN BỊ CÁC KẾ HOẠCH DÀI HẠN: Đánh giá và dự báo các thay đổi về thị trường và nhu cầu hành khách trong bối cảnh bình thường mới sau đại dịch; xác định hướng phát triển của Tổng công ty trong dài hạn; tổ chức lại mô hình SXKD đảm bảo khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường và kinh doanh có hiệu quả.



GHẾ HẠNG THƯƠNG GIA NGÀ PHẪNG - ÊM ÁI

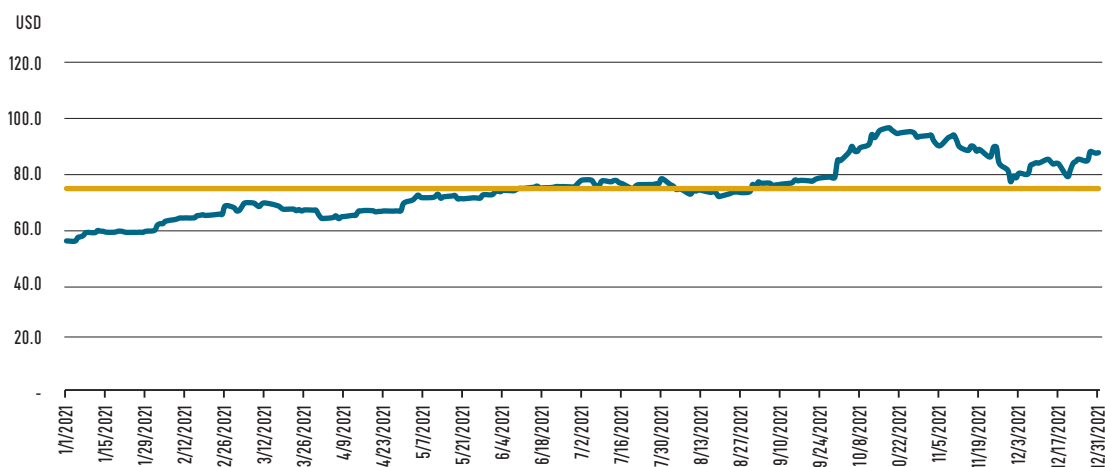
VI. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021

1. TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2021

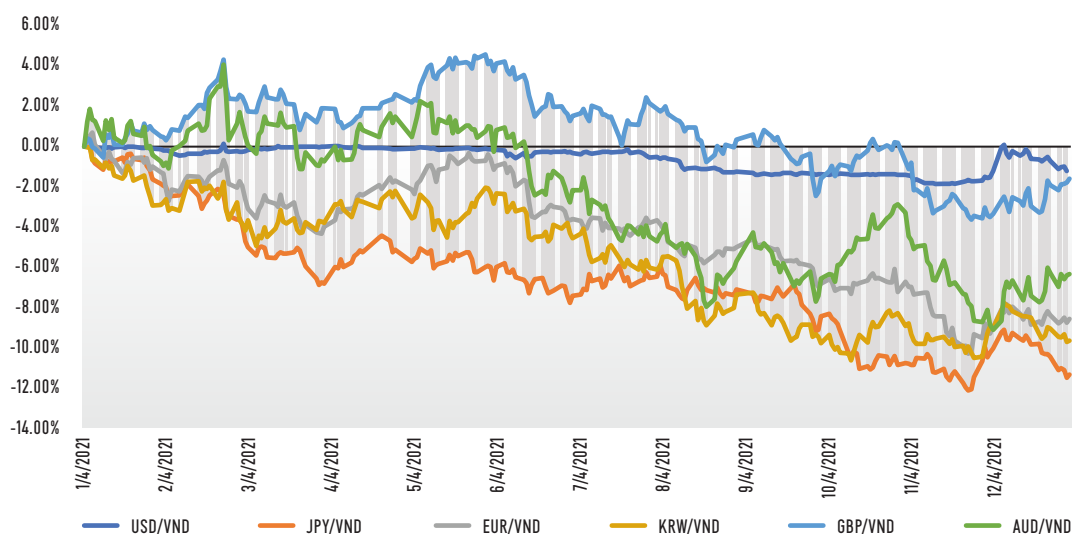
Giá nhiên liệu bình quân năm 2021 khoảng 72,6 USD/thùng, cao hơn 25,8 USD/thùng so với năm 2020. Đây là một phần nguyên nhân tác động đến chi phí và hiệu quả SXKD của Tổng công ty.

Trong năm 2021, đồng VND và CNY có xu hướng tăng giá so với USD, ngoài ra hầu hết các đồng tiền chủ chốt khác (EUR, JPY, AUD, GBP, KRW) đều mất giá so với USD làm giảm rủi ro tỷ giá của Vietnam Airlines.

GIÁ NHIÊN LIỆU - JET KEROSENE



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ (%)



Quốc tế

Mạng bay quốc tế thường lệ đi/ đến Việt Nam tiếp tục bị “đóng băng” trong cả năm 2021, chỉ còn đối tượng khách chuyên gia hoặc công dân hồi hương, hoạt động vận tải hành khách quốc tế thường lệ hoàn toàn bị đình trệ. Tính chung cả năm, khách tổng thị trường quốc tế chỉ đạt 434 nghìn khách, bằng 1,3% so với trước đại dịch (năm 2019).

Với các tác động trên, các hãng hàng không Việt Nam hầu như chỉ có thể khai thác được 60 - 70% công suất đội tàu bay.

Đánh giá của các tổ chức hàng không thế giới

Theo báo cáo tháng 10/2021, Hiệp hội vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) đã nhận định đại dịch COVID-19 là cú sốc lớn nhất để lại những hậu quả lâu dài nhất cho ngành hàng không thế giới. Thông thường, những sự kiện trước đây như sự kiện 11/09/2001, dịch SARS năm 2003 hay cuộc đại khủng hoảng kinh tế năm 2009 đều chỉ làm lượng khách luân chuyển toàn thế giới sụt giảm 5% - 20% và chỉ mất 6 - 18 tháng để phục hồi. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 đã kéo dài trong 2 năm và chưa có dấu hiệu kết thúc, sản lượng khách luân chuyển năm 2021 chỉ bằng 40% so với năm 2019, mức lỗ dự kiến của các hãng hàng không là khoảng 60 tỷ USD.

Nội địa

Đối với thị trường nội địa, dịch bệnh bùng phát ở Việt Nam vào hai cao điểm quan trọng là cao điểm Tết Nguyên đán và cao điểm hè, nhiều tỉnh và thành phố thực hiện giãn cách xã hội nên nhu cầu đi lại của hành khách giảm mạnh. Khách tổng thị trường nội địa ước tính đạt 14,4 triệu khách, giảm 61,4% so với 2019 và thấp hơn 47,7% so với dự báo giữa năm. Không chỉ sản lượng khách sụt giảm mạnh, theo ước tính số liệu của 10 tháng đầu năm, giá vé bình quân các chặng nội địa giảm 18% so với cùng kỳ.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC

2.1. MẠNG ĐƯỜNG BAY

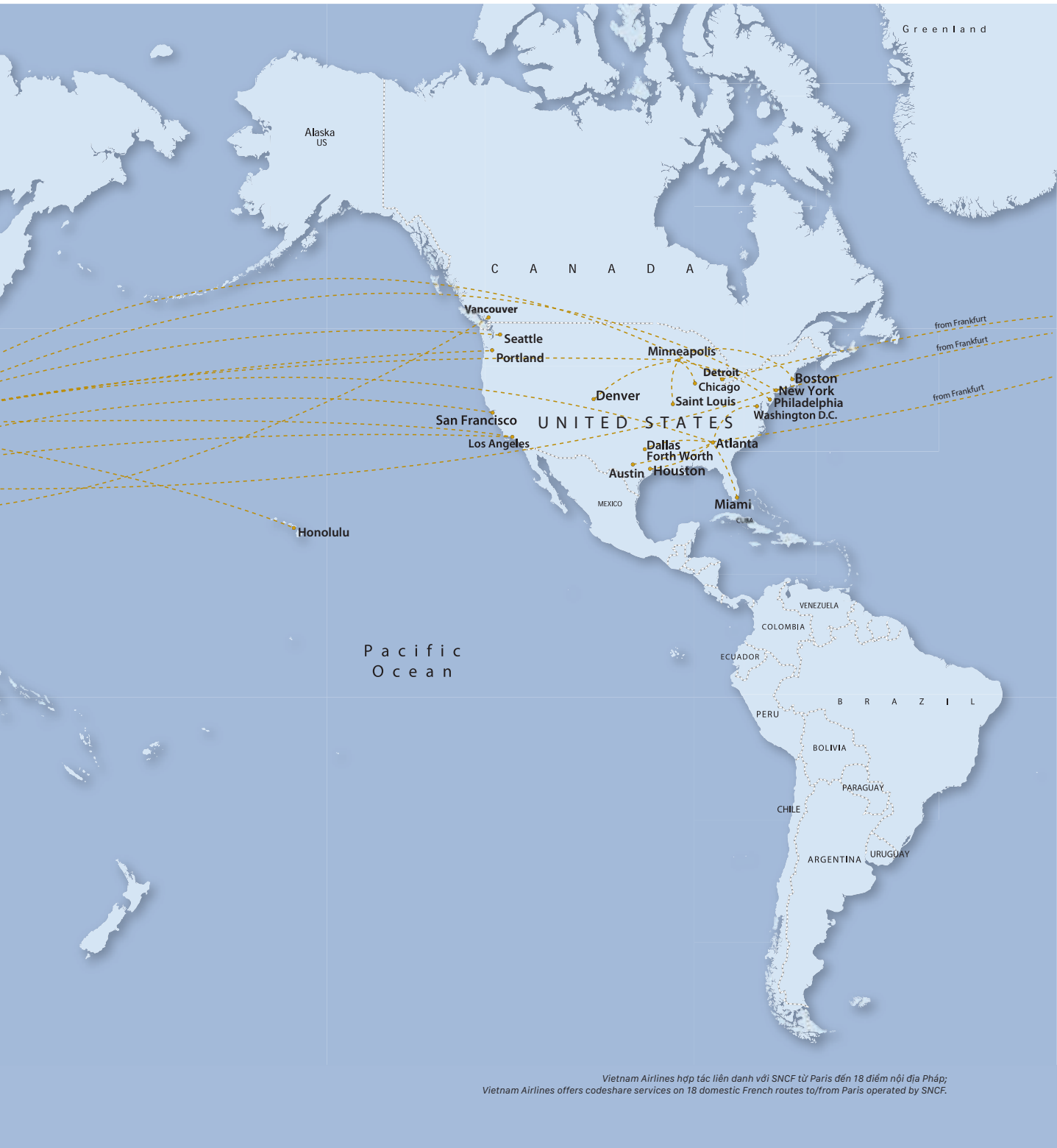
Đến hết năm 2019, Vietnam Airlines có mạng đường bay quốc tế gồm 61 đường bay đến 33 điểm thuộc 18 quốc gia và vùng lãnh thổ. Kể từ cuối tháng 3/2020, hầu hết các đường bay đều đang tạm ngừng khai thác. Quá trình này kéo dài đến hết năm 2021 và khả năng phục hồi trong năm 2022 vẫn còn nhiều khó khăn cùng với việc xuất hiện của biến chủng COVID mới.

Trên các chặng bay nội địa, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu hành khách trong nước cũng như tối ưu hóa sử dụng đội tàu bay, Vietnam Airlines đã mở mới 22 đường bay nội địa, nâng tổng số đường bay khai thác lên 61 đường vào thời điểm tháng 07/2020. Đây cũng là số đường bay được mở mới nhiều nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Trong năm 2021, với tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh trong nước, lần lượt các tỉnh, thành phố bước vào trạng thái giãn cách xã hội từ tháng 6 - 10/2021, hầu hết các đường bay nội địa phải khai thác với tần suất rất thấp, các đường bay ngách từ Hải Phòng/ Thanh Hóa/ Vinh đi các điểm du lịch như Nha Trang/ Phú Quốc phải tạm ngừng khai thác. Trong năm 2022, với việc tỷ lệ tiêm vaccine trong cả nước đã đạt mức cao, Tổng công ty đã có lộ trình để khôi phục lại toàn bộ các đường bay nội địa.

Mạng đường bay quốc tế

(bao gồm các đường bay chuyên chở khách hồi hương và chở hàng, đã loại bỏ các đường bay khai thác dưới 05 chuyến/năm)





Mạng đường bay nội địa

(tổng số đường bay đã khai thác trong năm 2021)



Mạng đường bay châu Á



2.2. ĐỘI TÀU BAY

LOẠI MÁY BAY	THÁNG 1	THÁNG 12	TUỔI TRUNG BÌNH
A350	14	14	4,8 năm
A787-9	11	11	5,9 năm
A787-10	04	04	2,3 năm
AB21 CEO	51	49	10,3 năm
ATR72	07	07	12,2 năm
AB21 NEO	20	20	2,7 năm
TỔNG	107	105	

Ghi chú:

- Số lượng tàu bay nêu trên bao gồm 01 tàu VNA cho K6 thuê khô và không bao gồm các tàu thuê ướt trong giai đoạn ngắn hạn.
- Tàu A321CEO: Bàn giao 02 tàu bán vào tháng 12/2021.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐỘI BAY GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

LOẠI MÁY BAY	2021	2022	2023	2024	2025	2030
THÂN RỘNG VNA	29	29	33	33	33	37
THÂN HẸP VNA GROUP	89	89	86	93	100	123
THÂN HẸP VNA	71	71	62	66	70	86
THÂN HẸP VNA LCC	18	18	24	27	30	37
ATR-REGIONAL JETS	07	08	6-20	6-20	6-20	6-20
TỔNG SỐ	125	125	125-139	132-146	139-153	166-186

Ghi chú:

- Số lượng tàu bay 2021 - 2022 theo số thực tế hiện nay.
- Số lượng tàu bay 2023 - 2025, tầm nhìn tới 2030 theo số liệu tại Báo cáo Chiến lược SXKD giai đoạn 2021 - 2025.



VNA Group định hướng sử dụng đội tàu bay chở khách công nghệ mới, đơn giản về chủng loại.
Đội tàu bay sẽ có 03 dòng tàu bay chính theo tiêu chuẩn chung của quốc tế:

ĐỘI TÀU BAY THÂN RỘNG

Các tàu bay thân rộng sẽ tiếp tục khai thác các đường bay Mỹ, Châu Âu, Úc, Đông Bắc Á, và đưa vào khai thác các tần suất mới tại Châu Âu, Đông Bắc Á.

ĐỘI TÀU BAY THÂN HẸP

Khai thác thị trường nội địa, các đường bay quốc tế có dung lượng thấp hoặc tầm bay ngắn (dưới 5 giờ bay). Đội tàu này sẽ được chia theo nhóm tàu bay tương đương A321 và tương đương A320, trong đó VNA sử dụng tàu A321 có khoang thương gia, PA sử dụng tàu A321 và A320 cấu hình tối đa số ghế.

ĐỘI TÀU BAY PHẢN LỰC KHU VỰC (ATR72)

Khai thác đến các sân bay địa phương và sân bay hạn chế, các đường bay có dung lượng thị trường nhỏ, phối hợp sản phẩm với dòng tàu bay thân hẹp trên các đường bay dung lượng chưa đủ lớn cần tần suất để cạnh tranh, khai thác các đường bay mới và tới các sân bay mới (Sa Pa, Nà Sản, Lai Châu...).



2.3. THƯƠNG MẠI

a. Vận chuyển hành khách

Công ty mẹ

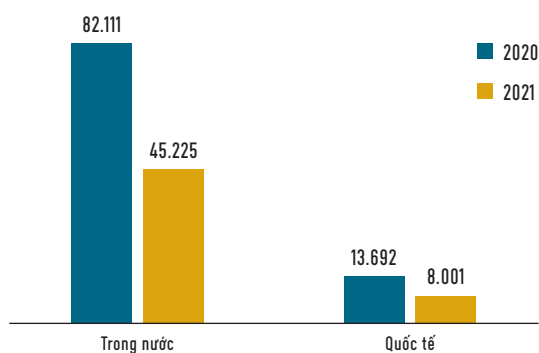
Trong điều kiện hoạt động SXKD có nhiều bất lợi, Tổng công ty đã linh hoạt điều hành, không ngừng tìm kiếm cơ hội khôi phục và phát triển, tận dụng mọi điều kiện để tăng doanh thu, trong đó các giải pháp nổi bật là đẩy mạnh vận tải hàng hóa, bay hồi hương và chở khách chuyên gia, mở thêm các đường bay mới.

Đặc biệt từ cuối tháng 11/2021, Vietnam Airlines đã chính thức khai thác đường bay thường lệ tới Mỹ với mục tiêu mở rộng mạng đường bay quốc tế, vừa để tận dụng, khai thác tối ưu nguồn lực đội tàu bay thân rộng. Ban đầu, Vietnam Airlines khai thác đường bay TP. Hồ Chí Minh - San Francisco với tần suất 2 chuyến/ tuần và dự kiến tăng lên 7 chuyến/ tuần sau khi dịch bệnh được kiểm soát. Các chuyến bay giữa Việt Nam và Mỹ được thực hiện hoàn toàn bằng đội tàu bay thân rộng hiện đại nhất của Vietnam Airlines là Boeing B787 và Airbus A350.

Từ khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát đến nay, Vietnam Airlines đã hoán cải 9 tàu bay thân rộng, 8 tàu bay thân hẹp vốn dùng để chở khách thành các tàu bay chở hàng bằng cách tháo ghế hoặc bọc nylon ghế trên khoang hành khách, thực hiện trung bình 160 chuyến bay chở hàng mỗi tuần đến nhiều nước trên thế giới. Kết quả, doanh thu vận tải của Vietnam Airlines trước COVID-19 chỉ chiếm 9% tổng doanh thu, đến nay đã đạt khoảng 30%. Năm 2021, doanh thu hàng hóa của Vietnam Airlines ước đạt 8.200 tỷ đồng, chiếm khoảng 48% doanh thu công ty mẹ. Ngoài ra, với hơn 280 chuyến bay hồi hương và chở khách chuyên gia trong năm 2021, Vietnam Airlines cũng tích lũy được khoản doanh thu gần 1.200 tỷ đồng.

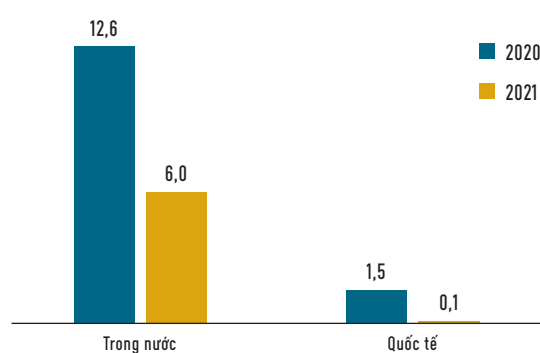
CHỈ TIÊU	2020	2021	2021/2020
TỔNG SỐ CHUYẾN BAY (CHUYẾN 1 CHIỀU)	95.803	53.226	55,60%
Trong nước	82.111	45.225	55,10%
Quốc tế (*)	13.692	8,01	58,40%
HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN (TRIỆU KHÁCH)	22,9	14,1	61,7%
Trong nước	12,6	6	48,00%
Quốc tế (*)	1,5	0,1	5,70%

CHUYẾN BAY



Chuyến 1 chiều

HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN



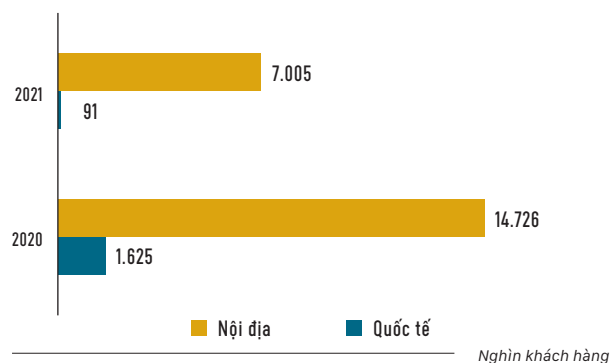
Triệu khách

VNA Group (Công ty mẹ và PA)

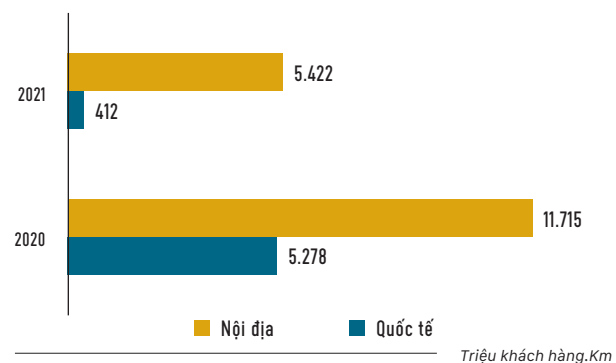
CHỈ SỐ	QUỐC TẾ			NỘI ĐỊA			TỔNG		
	2020	2021	2021/2020	2020	2021	2021/2020	2020	2021	2021/2020
Khách (Nghìn khách hàng)	1.625	91	5,6%	14.726	7.005	47,6%	16.350	7.096	43,4%
RPK (Triệu khách hàng.Km)	5.278	412	7,8%	11.715	5.422	46,3%	16.993	5.834	34,3%
ASK (Triệu ghế.Km)	7.604	907	11,9%	14.037	7.246	51,6%	21.640	8.153	37,7%
Ghế suất	69,4%	45,4%	-24,0%	83,5%	74,8%	-8,7%	78,5%	71,6%	-6,9%
Thị phần (*)	22,5%	17,0%	-5,5%	51,3%	48,0%	-3,3%	45,5%	46,5%	1,0%

* Không bao gồm thuê chuyến

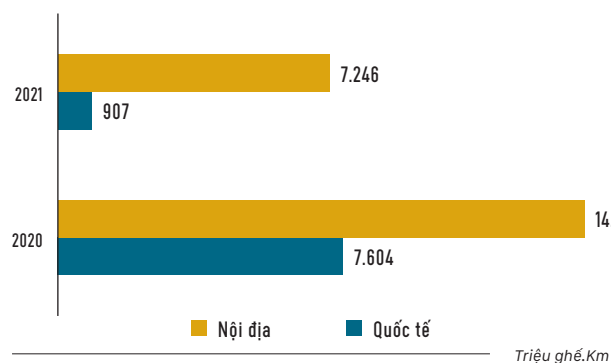
KHÁCH HÀNG



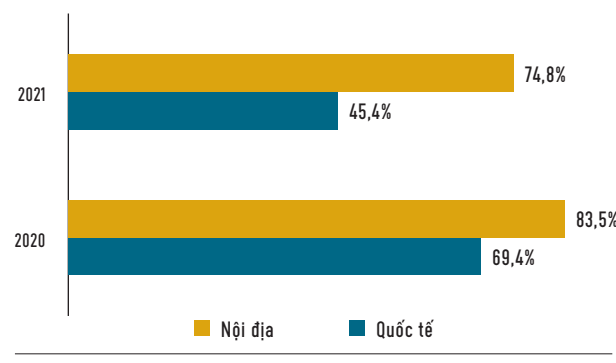
RPK



ASK



GHẾ SUẤT



b. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

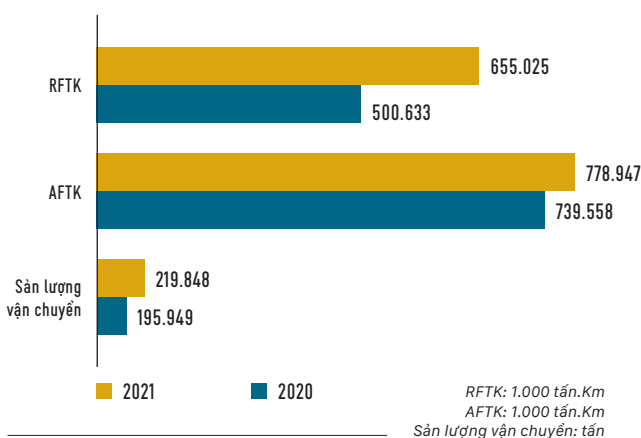
Công ty mẹ (VNA và VASCO)

Kết quả triển khai

CHỈ TIÊU VNA & VASCO	2020	2021	2021/2020
Sản lượng vận chuyển (Tấn)	195.949	219.848	112,2%
AFTK (1.000 tấn.Km)	739.558	778.947	105,3%
RFTK (1.000 tấn.Km)	500.633	655.025	130,8%
Thị phần	17,3%	16,5%	-78,0%

(Nguồn: Hệ thống báo cáo thương mại hàng hóa CRS)

CHỈ TIÊU VNA & VASCO



Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

CHỈ TIÊU	RFTK (1.000 TẤN.KM)			AFTK (1.000 TẤN.KM)			LOAD FACTOR (%)		
	2020	2021	2021/2020	2020	2021	2021/2020	2020	2021	2021/2020
Châu Âu	143.486	265.346	185%	160.369	295.331	184%	89,50%	89,80%	0,4%
Châu Úc	78.216	63.266	81%	90.060	69.681	77%	86,80%	90,80%	3,9%
Đông Bắc Á	155.892	190.826	122%	200.784	209.717	104%	77,60%	91,00%	13,4%
Đông Nam Á	14.863	15.276	103%	19.742	18.908	96%	75,30%	80,80%	5,5%
Nam Á		9.913			12.262			80,80%	
Đông Dương	151	35	23%	1.073	35	3%	14,10%	100,00%	85,9%
Trung Đông		8.737			9.709			90,00%	
Châu Phi	154	0	0%	448	0	0%	34,40%		
Châu Mỹ	82	3.404	4150%	737	3.745	508%	11,10%	90,90%	79,8%
Việt Nam	107.643	98.137	91%	265.771	166.155	63%	40,50%	59,10%	18,6%
TỔNG	500.487	654.940	131%	738.984	785.542	106%	67,70%	83,40%	15,6%

Tổng thị trường hàng hóa Việt Nam năm 2021 tăng 17,5% so với 2020 (quốc tế bằng 123,5%, nội địa bằng 87,6%).

Năm 2021, dịch bệnh COVID-19 vẫn chưa chấm dứt, các chuyến bay chở khách chưa khai thác trở lại. Trong bối cảnh đó, Vietnam Airlines vẫn tiếp tục tăng cường dùng tàu bay chở khách để chuyên chở hàng hóa, tối ưu hóa nguồn lực sẵn có và đóng góp một phần doanh thu cho hoạt động SXKD của hãng trong giai đoạn đầy khó khăn này.

Vietnam Airlines đã triển khai được 7.483 chuyến bay chuyên chở hàng hóa bằng máy bay Boeing B787, Airbus A350, A321 từ hai thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đi Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Israel, Thái Lan và Úc... Các chuyến bay chở hàng được khách hàng mua nguyên chuyến với doanh thu cam kết cho Vietnam Airlines và hệ số sử dụng tải luôn đạt mức 95 - 100%.

Bên cạnh hàng hóa phục vụ nền kinh tế và đời sống xã hội, các chuyến bay chở hàng của Vietnam Airlines còn vận chuyển hàng phục vụ chiến dịch phòng, chống dịch COVID-19 gồm khẩu trang y tế, trang phục chống dịch, trang thiết bị, vật tư y tế, đặc biệt là những chuyến bay vận chuyển vaccine... Những chuyến bay chở hàng là nỗ lực của Hãng hàng không Quốc gia nhằm góp phần đảm bảo thông thương, duy trì hoạt động SXKD, đặc biệt là xuất/ nhập khẩu hàng hóa, cải thiện đời sống xã hội của người lao động trong các khu công nghiệp và nhà máy lớn cũng như đồng hành cùng Chính phủ trong công cuộc phòng, chống dịch COVID-19.

Với những nỗ lực bán của Vietnam Airlines, việc khai thác hàng hóa toàn mạng bay của VNA năm 2021 đạt kết quả như sau: Sản lượng hàng hóa bưu kiện luân chuyển đạt 655 triệu tấn.km, bằng 131% so với 2020, trong đó quốc tế đạt 556 triệu tấn.km bằng 142% và nội địa đạt 98 triệu tấn.km, bằng 91% so với 2020.

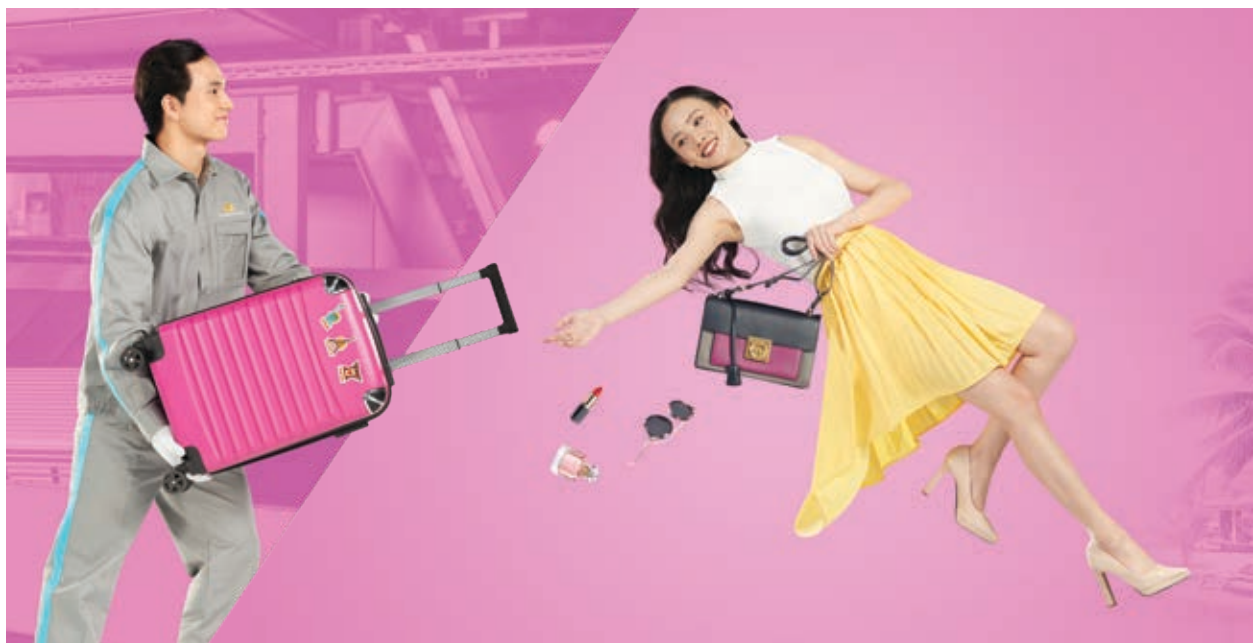
Công ty con PA

Kết quả triển khai

CHỈ TIÊU	2020	2021	2021/2020
Hàng hóa vận chuyển (tấn)	5.768	2.369	41,1%
Nội địa (tấn)	5.571	2.319	41,6%
Quốc tế (tấn)	197	50	25,4%

Đánh giá phân tích thị trường khai thác theo khu vực

CHỈ TIÊU	RFTK (1000 TẤN.KM)		
	2020	2021	2021/2020
Đông Bắc Á	21	71	340%
Đông Nam Á	89	29	33%
Việt Nam	5.130	2.504	49%
TỔNG	5.240	2.604	50%



c. Chương trình khách hàng thường xuyên (Lotusmiles)

Chương trình Bông Sen Vàng có số lượng hội viên đạt 3,7 triệu tính đến ngày 31/12/2021. Để đạt được kết quả như trên, Chương trình đã triển khai nhiều giải pháp nhằm thu hút khách hàng tham gia, cụ thể:

- Phát triển hội viên qua hình thức hội viên giới thiệu hội viên.
- Phát triển hội viên thông qua các tập khách hàng của các công ty, tổ chức, đối tác của Bông Sen Vàng.
- Phát triển hội viên tại các hội chợ, sự kiện du lịch trong nước.
- Phát triển hội viên bằng hình thức tăng cường truyền thông đến khách hàng của website và hành khách bay trên Vietnam Airlines trên nền tảng số B2C.
- Phát triển hội viên từ nguồn khách mua vé của Vietnam Airlines.

Nâng cấp hệ thống: Hướng tới mục tiêu trở thành hãng hàng không số và chất lượng dịch vụ 5 sao, Chương trình Bông Sen Vàng đã chuyển đổi thành công hệ thống quản lý khách hàng thường xuyên. Nhiều tính năng mới đã được giới thiệu đến hội viên:

- Tài khoản gia đình cho phép các thành viên trong gia đình gồm bố mẹ, vợ chồng, con gộp dặm để lấy thưởng cho gia đình.
- Hội viên có thể gia hạn dặm thưởng sắp hết hạn trong vòng 6 tháng có trả phí.
- Hội viên có thể khôi phục dặm thưởng đã hết hạn trong vòng 6 tháng có trả phí.

Chương trình đã không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ thông qua việc triển khai các chính sách:

- Ưu đãi gia hạn thẻ và dặm thưởng: Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, trong năm 2021, Chương trình Bông Sen Vàng tiếp tục triển khai chính sách gia hạn thẻ cho hội viên Bạch kim, Vàng, Titan nhằm mục đích bảo toàn ưu đãi và giữ chân khách hàng. Ngoài ra, hội viên có dặm hết hạn trong năm 2021 đã được gia hạn để lấy thưởng.
- Khuyến khích khách hàng mua vé trên website và app Vietnam Airlines bằng chương trình **"Mua vé online, nhân hai dặm thưởng"**.
- Triển khai chương trình **FridaySmiles**. Theo đó, hội viên được hưởng nhiều ưu đãi khi giao dịch (đăng ký mới, mua dặm/chặng, chuyển đổi dặm thưởng sang dặm/chặng bay xét hạng, mua vé máy bay bằng dặm và tiền) vào các ngày thứ sáu hàng tuần.
- Ưu đãi cho tài khoản gia đình: Hội viên tham gia Tài khoản gia đình thành công được cộng 1.000 dặm thưởng. Gia đình bay cùng nhau, mỗi thành viên được cộng thêm 20% dặm thưởng cho mỗi chặng bay.
- Chương trình khuyến khích hội viên mua dặm/chặng nâng hạng thẻ.
- Triển khai chương trình bán số thẻ Bông Sen Vàng đẹp.
- Lợi ích cộng dặm: Bổ sung thêm chính sách cộng dặm đối với một số loại vé đặc biệt như vé giảm giá cho nhân viên Vietnam Airlines và vé trên chuyến bay thuê chuyến.
- Phần thưởng hàng không: Bổ sung thêm các mức lấy thưởng cho hội viên trên các chặng bay giữa Việt Nam và Mỹ.
- Phần thưởng phi hàng không: Tiếp tục cung cấp các sản phẩm trả thưởng đa dạng như: cước điện thoại MobiFone, điểm VinID, điện thoại Iphone, Samsung, phụ kiện du lịch, chăm sóc sức khỏe, sản phẩm sống xanh và nhiều quà tặng hấp dẫn khác.

Cải thiện trải nghiệm khách hàng:

- Đăng nhập tài khoản dễ dàng thân thiện hơn: Ngoài số thẻ, giờ đây hội viên có thể đăng nhập tài khoản bằng email hoặc số điện thoại di động. Ngoài mật khẩu, hội viên có thể cài đặt đăng nhập bằng vân tay hoặc nhận diện khuôn mặt.
- Rút ngắn thời gian cộng dặm: Sau chuyến bay cất cánh 120 phút là dặm sẽ được cộng vào tài khoản hội viên thay vì phải chờ 5 ngày như trước đây.



Ngoài ra, Chương trình Bông Sen Vàng đã triển khai nhiều ưu đãi khác từ các đối tác như: giảm giá phòng khách sạn, ẩm thực, chăm sóc sức khỏe.

Trong lĩnh vực hợp tác, Chương trình Bông Sen Vàng có mạng lưới gồm 21 đối tác hàng không và 34 đối tác phi hàng không là các thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực (tài chính, ngân hàng, viễn thông, khách sạn, ẩm thực, du lịch, thuê xe, mua

sắm, làm đẹp), mang đến cho hội viên nhiều cơ hội trải nghiệm khác biệt, thú vị và gia tăng lợi ích. Trong năm 2021, chương trình đã mở rộng hợp tác thẻ Liên kết với ngân hàng Sacombank ngoài các đối tác thẻ Liên kết truyền thống tại Việt Nam là Vietcombank, Techcombank, TPBank, Standard Chartered Bank, VPBank, Vietinbank, VIB và đối tác Sumitomo Mitsui tại thị trường Nhật Bản.

2.4. DỊCH VỤ

Đánh giá tổng thể về chất lượng dịch vụ năm 2021

- Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và biến động. Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng toàn diện đến các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội Việt Nam và thế giới. Trong đó, ngành du lịch nói chung và vận tải hàng không nói riêng chịu tác động đầu tiên, kéo dài và thiệt hại nặng nề do tâm lý e ngại của hành khách và các lệnh hạn chế di chuyển của cơ quan chức năng. Để giải tỏa rào cản tâm lý cho khách hàng, năm 2021 dịch vụ của Vietnam Airlines luôn đặt nhiệm vụ phòng chống dịch để bảo vệ an toàn cho hành khách, an toàn cho nhân viên lên hàng đầu. Với nhiều nỗ lực và các giải pháp đã triển khai, năm 2021, Vietnam Airlines tham gia chương trình COVID-19 Airline Safety Rating của Skytrax, đồng thời trực tiếp và phối hợp các cơ quan đơn vị triển khai điều chỉnh tại từng touchpoint theo khuyến cáo của Skytrax, góp phần mang về chứng chỉ cao nhất, 5 sao cho Vietnam Airlines trong công tác triển khai phòng chống dịch.
- Chỉ số NPS, CSI tiếp tục đạt kết quả tốt, đặc biệt là giai đoạn Q1 và Q2.2021 (giai đoạn Q3 do ảnh hưởng của dịch, dịch vụ hàng không gần như đóng băng nên không có số liệu để so sánh). NPS trung bình đạt 51 điểm, vượt mục tiêu 13 điểm, vượt cùng kì 9 điểm. CSI trung bình đạt 4.15, vượt mục tiêu 0.25, vượt cùng kì 0.17. Kết quả này thể hiện khách hàng rất chia sẻ và luôn ghi nhận nỗ lực của Vietnam Airlines trong điều chỉnh chính sách dịch vụ, giữ vững sự ổn định của sản phẩm lịch bay và chính sách thương mại được điều chỉnh linh hoạt đối với từng giai đoạn phát triển của dịch bệnh đáp ứng sự mong đợi của khách hàng.

Các cải tiến về chất lượng

- Trong năm 2021, Vietnam Airlines đã tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh, hợp lý hóa các tiêu chuẩn (suất ăn, đồ uống, dụng cụ, vật tư y tế phòng chống dịch, giải trí, báo chí), quy trình dịch vụ tại mặt đất (khai thác sân đỗ, chống phá băng, khai thác hàng nguy hiểm, thay đổi phương thức đóng/mở cửa khoang khách) và trên chuyến bay (quy định phát thanh...) nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng đều, tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch.
- Bên cạnh đó, Vietnam Airlines vẫn không ngừng đổi mới sản phẩm, gia tăng các sản phẩm mới nhằm đảm bảo hiệu quả chi phí, tăng trải nghiệm khách hàng và tăng doanh thu.

Các công việc nổi bật trong năm

- Triển khai thực hiện công tác phục vụ đại biểu tham dự Đại hội lần thứ XIII của Đảng, phục vụ các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt đến Nhật Bản, Mỹ, Thụy Sĩ, Anh, Pháp, Ấn Độ...
- Chủ động triển khai theo chức năng, nhiệm vụ, quy trình phục vụ an toàn các chuyến bay chở khách, chở hàng quốc tế trong giai đoạn COVID-19, đón hơn 115.000 khách hồi hương và chuyên gia nhập cảnh. Trong đó đã trực tiếp liên lạc, tổ chức phục vụ, theo dõi khai thác an toàn đến 30 sân bay không có văn phòng chi nhánh tại 24 quốc gia mà Việt Nam không khai thác thường lệ.
- Phối hợp tốt với các ban chuyên môn trong việc xây dựng, cập nhật lịch bay trong từng giai đoạn ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19. Phối hợp với các cơ quan đơn vị của Tổng công ty triển khai các chuyến bay chở hàng khi ngừng khai thác chở khách và đạt kết quả tốt.

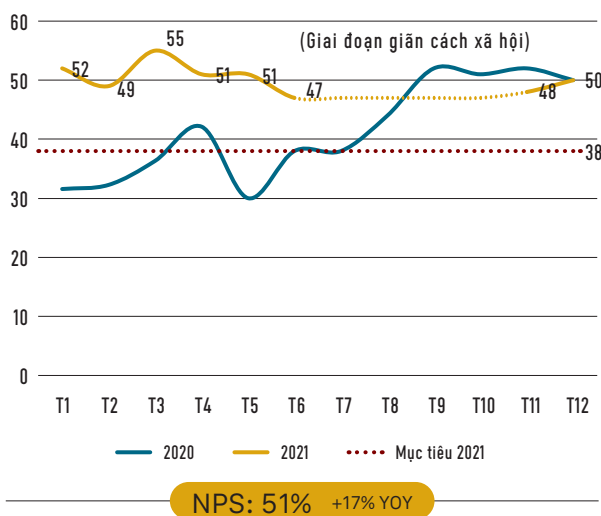
- Dịch vụ đóng vai trò chủ đạo trong chiến dịch đào tạo **"Xây dựng văn hóa dịch vụ nâng tầm"** nhằm mục đích vừa trau dồi, vừa nâng cao những kiến thức về dịch vụ và nghiệp vụ, là một phần quan trọng trong nỗ lực của Vietnam Airlines nhằm duy trì chất lượng 4 sao, hướng tới 5 sao.
- Tập trung triển khai các giải pháp về hợp đồng và quản trị chi phí, kiểm soát thanh toán, công nợ, giãn/hoãn thanh toán, cắt giảm chi phí của LVDV... Đã làm việc với các nhà cung ứng dịch vụ, đàm phán, triển khai các quy trình dịch vụ mới: làm tài tập trung, giảm thiểu các dịch vụ do đối tác cung cấp tại sân bay nước ngoài (vệ sinh tàu bay, cung cấp suất ăn...) đảm bảo tiết kiệm chi phí nhưng không ảnh hưởng tới hoạt động khai thác và chất lượng dịch vụ tổng thể.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty các nội dung về quản trị chất lượng, bao gồm quản trị theo quá trình và quản trị theo mục tiêu (hệ thống KPI, hệ thống quản trị APMP, quản trị theo sản phẩm...). Phát triển thành công các ứng dụng hỗ trợ cho hoạt động quản trị chất lượng như Chương trình E-Doc, quản trị Khắc phục phòng ngừa CAPA, quản trị hệ thống Customer Complain.

- Tiếp tục triển khai và phối hợp triển khai các dự án: Chuyển đổi hệ thống Sabre DCS tại các sân bay Vinh, Chu Lai, Côn Đảo; Phát triển dịch vụ đặt Dịch vụ đặc biệt trực tuyến (SSR Online); Phần mềm quản lý chuỗi cung ứng (LMS); Website pre-purchase (phối hợp với Ban Tiếp thị và Chuyển đổi số) ...

Các chỉ số đánh giá hài lòng của khách hàng

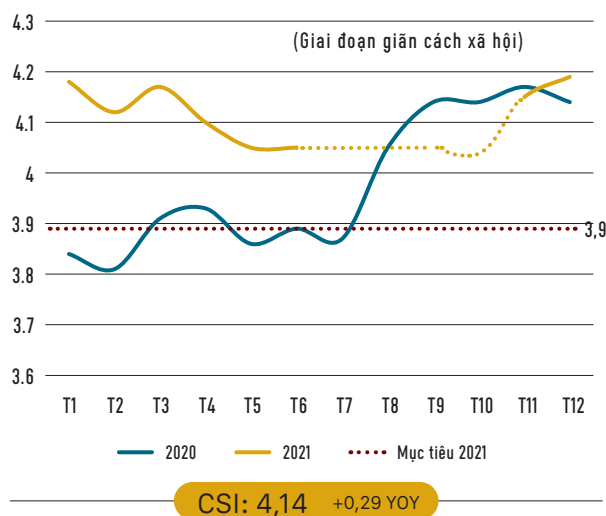
- Năm 2021, chỉ số thiện cảm khách hàng NPS (**Net Promoter Score**) đạt 51%, tăng 17 đơn vị so với cùng kỳ và vượt mục tiêu 13 đơn vị. Chỉ số NPS dao động quanh mức 51% thể hiện sự tin tưởng, yêu thích, và tiếp tục sử dụng dịch vụ của khách hàng đối với Vietnam Airlines mặc dù gặp nhiều điều kiện khó khăn về thủ tục di chuyển do dịch bệnh gây ra.
- Chỉ số hài lòng khách hàng CSI (**Customer Satisfaction Index**) trung bình năm 2021 đạt 4,14 điểm (trên thang đo 5 điểm), tăng 0,29 đơn vị so với cùng kỳ và vượt mục tiêu 0,24 đơn vị. Chỉ số CSI cũng dao động quanh mức 4,14 điểm và đạt đỉnh 4,19 điểm vào tháng cuối năm, đây cũng là mức CSI cao nhất từ trước đến nay, thể hiện chất lượng dịch vụ của Vietnam Airlines không ngừng được nâng cấp bất chấp điều kiện khó khăn, hạn chế về chi phí.

CHỈ SỐ THIÊN CẢM KHÁCH HÀNG (NPS)



Nguồn: Chương trình điều tra khách hàng thường xuyên Online Survey của VNA

CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG (CSI)



Các định hướng chính trong công tác dịch vụ năm 2022

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn đối với ngành hàng không do dịch bệnh vẫn còn tiếp diễn, thị trường quốc tế chưa có dấu hiệu phục hồi khi một số quốc gia vẫn cấm, hạn chế các chuyến bay thương mại. Với mục tiêu ổn định chất lượng dịch vụ 4 sao, từng bước đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao trong tương lai, Khối Dịch vụ tập trung vào các nội dung sau:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ 4 sao, triển khai chương trình văn hóa Dịch vụ nâng tầm kết hợp điều hành linh hoạt theo tình huống phòng chống dịch bệnh.
- Điều chỉnh tiêu chuẩn theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, phù hợp với xu thế và điều kiện mới.
- Tiếp tục áp dụng chuyển đổi số để tăng trải nghiệm cho khách hàng, tăng hiệu quả quản lý.
- Nhanh chóng áp dụng các chính sách, quy trình mới đối với các đường bay quốc tế theo triển khai của cơ quan quản lý nhà nước, các quốc gia, IATA...
- Quản lý chi phí hiệu quả.



2.5. KỸ THUẬT

Kết quả đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả, đáp ứng kế hoạch khai thác của Tổng công ty theo diễn biến của thị trường và yêu cầu chất lượng dịch vụ 4 sao

- Tối ưu hóa kế hoạch định kỳ bảo dưỡng tàu bay tại VAECO, và kế hoạch bảo dưỡng động cơ, càn và APU nhằm hoàn thành mục tiêu nâng tỷ lệ máy bay sẵn sàng khai thác.
- Nâng cao công tác chuẩn bị các nội dung công việc định kỳ (WP), chủ động lập kế hoạch bảo dưỡng ngắn, dài hạn để không bị động trong nguồn lực nhân công và phương tiện vật tư, lập kế hoạch, chuẩn bị các công việc liên quan để trả tàu bay đúng hạn giảm tỷ lệ quá hạn định kỳ.
- Tiếp tục thực hiện các chương trình kỹ thuật cơ bản (AD/SB, MOD) để nâng cao độ tin cậy thiết bị, hệ thống tàu bay, xây dựng chương trình tổng thể để cải thiện bảo dưỡng - sửa chữa và tìm kiếm hỏng hóc, duy trì và cải thiện công tác phối hợp Khối Khai thác bay - Kỹ thuật góp phần giảm số vụ gây gián đoạn khai thác.
- Phối hợp với cơ quan đơn vị liên quan sắp xếp số lượng tàu bay khai thác/ bảo quản dừng bay linh hoạt: xây dựng danh sách tàu bay bảo quản dừng bay theo thứ tự ưu tiên, triển khai bảo quản dừng bay theo thứ tự ưu tiên đã lập, đáp ứng yêu cầu khai thác tại từng thời điểm.
- Hoàn thành bảo dưỡng định kỳ đáp ứng điều kiện bán 02 tàu A321 VN-A344, VN-A345 (bàn giao tàu A344 vào tháng 11/2021 và tàu A345 vào tháng 01/2022) góp phần tăng doanh thu và giảm áp lực chi phí khi tàu không khai thác.
- Đảm bảo duy trì chất lượng nội thất tàu bay trong điều kiện ngân sách bị cắt giảm. Đồng thời chuẩn bị sẵn sàng nhân lực, vật lực thực hiện nâng tầm dịch vụ, hướng tới 5 sao. Ngoài ra, hoàn thành tháo ghế để thực hiện chờ hàng cho các tàu A321, A350 và B787.

Các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay, giảm chi phí kỹ thuật: Tổng công ty đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng tàu bay với chi phí tối ưu trong tình hình sản lượng khai thác sụt giảm mạnh do dịch bệnh:

- Chủ động phối hợp với các cơ quan đơn vị trong công tác sắp xếp tàu bay khai thác và bảo quản nhằm giảm chi phí bảo dưỡng động cơ, thiết bị,

thân tàu bay và nộp quỹ để tăng hiệu quả đối với từng chặng bay và chuyến bay, tối ưu chi phí và dòng tiền sử dụng trong năm.

- Chủ động đàm phán với đối tác sửa chữa hoặc cho thuê động cơ, thiết bị, pooling phụ tùng vật tư để giảm đơn giá, chi phí, phương thức tính giá, tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ phù hợp với tình hình thị trường và nhu cầu khai thác.
- Phối hợp chặt chẽ với ban Tài chính Kế toán để tối ưu hóa dòng tiền thanh toán với đối tác nhằm giảm chi phí vốn.
- Tiếp tục nghiên cứu thử nghiệm các nội dung chương trình tiết kiệm nhiên liệu, giảm trọng lượng tàu bay, căn chỉnh các bề mặt điều khiển. Phối hợp Trung tâm Điều hành khai thác và Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng tiếp tục phân tích số liệu tiêu thụ nhiên liệu để nâng cao hiệu quả các giải pháp. Tăng cường áp dụng công nghệ 4.0, A.I. và triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật, bảo dưỡng giảm tiêu hao nhiên liệu cho đội tàu bay. Chương trình bảo dưỡng CMR đã bổ sung thêm các nội dung bảo dưỡng tiết kiệm nhiên liệu, sẽ bắt đầu triển khai từ tháng 03/2022.
- Kiểm soát chặt chẽ các hợp đồng dịch vụ phụ tùng vật tư tư trọn gói/pooling, phanh bánh, hợp đồng bảo dưỡng nội thất với đối tác ngoại, các đơn hàng sửa chữa phương tiện vật tư ngoài pool, kiểm soát service level, TAT đảm bảo phương tiện vật tư cho tàu khai thác và định kỳ.

Định hướng phát triển cơ sở bảo dưỡng của Vietnam Airlines và VAECO:

- Tăng cường, đẩy mạnh hợp tác liên doanh liên kết với các đối tác lớn về lĩnh vực bảo dưỡng máy bay và cả về tài chính để học hỏi, tiếp cận và chuyển giao công nghệ bảo dưỡng mới, phương thức quản lý tiên tiến hiện đại vào mô hình của Tổng công ty, nhằm tối ưu chi phí bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, nâng cao năng lực cạnh tranh tiến tới là trung tâm bảo dưỡng của khu vực.
- Mở rộng năng lực trong lĩnh vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị. Trọng tâm là phát triển năng lực sửa chữa cấu trúc tàu bay đặc biệt là cho đội tàu bay thế hệ mới; xây dựng và hoàn thiện hệ thống hangar phục vụ bảo dưỡng tàu bay/động cơ/thiết bị đồng bộ tại sân bay mới Long Thành và các sân bay trọng điểm Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng.
- Nghiên cứu đầu tư trong lĩnh vực bảo dưỡng sửa chữa thiết bị tàu bay và phân xưởng phụ trợ để

nâng cao hiệu quả bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị một cách đồng bộ trước mắt phục vụ cho đội bay Tổng công ty và sau đó là cung cấp dịch vụ đối tác thứ ba.

- Đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong quản lý sửa chữa và bảo dưỡng, cụ thể gồm chuyển đổi sang hệ thống MRO IT mới đáp ứng yêu cầu quản lý của hãng hàng không khai thác hơn 100 tàu bay, tăng cường sử dụng các phần mềm ứng dụng của nhà sản xuất tàu bay, thiết bị, phần mềm tự nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.
- Phát triển Trung tâm huấn luyện thành trung tâm có phê chuẩn của EASA/ FAA Part 147, đáp ứng nhu cầu đào tạo của thị trường lao động qua đó có thể tăng nguồn thu góp phần gia tăng lợi nhuận của Tổng công ty, đảm bảo đội ngũ lao động đặc thù ổn định cả về chất lượng và số lượng cho công tác quản lý kỹ thuật và bảo dưỡng của Tổng công ty.
- Phát triển năng lực kỹ thuật độc lập để có thể thiết kế, chế tạo, xin nhà chức trách hàng không CAAV, FAA, EASA phê chuẩn các cải tiến (local mod) và thiết bị tự chế tạo (local parts) để chủ động hơn trong công tác bảo dưỡng.

Các chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến hoạt động bảo dưỡng

- Trong năm 2021, Tổng công ty đã thực hiện được khối lượng lớn các công việc góp phần vào hoàn thành kế hoạch SXKD, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Cụ thể như sau:

CÁC CHỈ SỐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021
ARL	94,31%
DR A321	99,66%
DR A350	99,49%
DR B787	99,31%
DR ATR72	99,58%

- Bảo dưỡng tàu bay:
 - › Bảo dưỡng ngoại trường: Đảm bảo kỹ thuật cho 91,794.50 giờ bay (trong đó: A321: 47,048.82 FH, A350: 20,732.44 FH, B787: 20,405.69 FH và ATR72: 3,607.55 FH).
 - › Bảo dưỡng nội trường:

LƯỢT CHECK	A321	A350	B787	ATR72
A check	0	103	47	25
Phase check	758			
C/ Y check	113	14	14	9
Check khác	283	37	45	3



2.6. KHAI THÁC

NỘI DUNG		THỰC HIỆN 2021	THỰC HIỆN 2020	KẾ HOẠCH 2021	% 2020	% KẾ HOẠCH
Tổng số giờ bay thực hiện		108.884	178.964	146.611	-39,2%	-25,7%
Tổng số chuyến bay thực hiện		50.261	87.44	80.645	-42,5%	-37,7%
Tổng số chuyến bay đúng giờ đi		47.188	78.866	/	-40,2%	/
Tổng số chuyến bay đúng giờ đến		46.16	74.114	/	-37,7%	/
Tổng số chuyến bay chuyên cơ		125	99	/	26,3%	/
OTP	Đi	93,90%	90,20%	88%	3,7%	5,9%
	Đến	91,80%	84,80%	80%	7,1%	11,8%
OSP	Đi	60,10%	47,00%	46%	13%	14,1%
	Đến	76,60%	61,80%	50%	14,7%	26,6%

- Năm 2021, tổng sản lượng chuyến bay quốc tế tăng trên 1,500 chuyến chủ yếu chờ hàng và tăng trên 1,400 chuyến chờ hàng nội địa tuy nhiên chờ khách nội địa giảm trên 35,600 chuyến ảnh hưởng tổng sản lượng chuyến bay khai thác giảm 37,7%, tương đương gần 30,400 chuyến so với kế hoạch.
- Các chỉ số đúng giờ (OTP) và đúng giờ tuyệt đối (OSP) đi, đến đều vượt so với mục tiêu.
- Các đơn vị Khối Khai thác đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021, ứng phó khủng hoảng do ảnh hưởng của dịch COVID-19 thành công các tháng đầu năm và khi dịch bùng phát trở lại vào cuối tháng 5/2021 rồi bùng phát mạnh vào tháng 7, 8, 9/2021 kéo dài và xuất hiện biến chủng mới. Trong thời gian này, 19 địa phương phía Nam, Đà Nẵng, Hà Nội thực hiện giãn cách theo chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị Khối Thương mại thực hiện tốt các chuyến bay chở y bác sỹ, trang thiết bị phòng chống dịch, vaccine, các chuyến bay chở hàng, chuyến bay hồi hương theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao với các đường bay dài, thời gian thực hiện nhiệm vụ dài. Thực hiện tốt các chuyến bay thuê chuyến đặc biệt năm 2021 và chuyến bay thẳng thường lệ đầu tiên đến Mỹ (SGN - SFO) ngày 28/11/2021.
- Phối hợp với Khối Thương mại và Khối Kỹ thuật triển khai bọc đầu/bảo quản tàu bay theo diễn biến của thị trường. Chuẩn bị sẵn các kịch bản ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 và thời tiết mưa, dông, bão.
- Triển khai tốt công tác phục vụ các Đại biểu tham dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII vào tháng 1/2021 và bầu cử Đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026.
- Trình Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn khai thác hỗn hợp VNA và VASCO, Mobile Operations áp dụng cho tuyến nội địa, xin nhân nhượng FDP, phê chuẩn EDTO 180min, Datalink, RNP-2 để chuẩn bị khai thác bay Mỹ.
- Triển khai các lớp huấn luyện đào tạo qua hệ thống E learning và hoàn thành công tác huấn luyện UPRT cho phi công các đội bay đáp ứng yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam. Triển khai E - Certificate cho phi công, tiếp viên và nhân viên điều hành kỹ thuật.
- Triển khai chương trình đánh giá kiểm soát khí phát thải các chuyến bay quốc tế (CORSA) và tiếp tục triển khai đánh giá, phân tích các giải pháp tiết kiệm năng lượng: Derate Climb, tối ưu hành trình bay và các giải pháp nâng cao độ tin cậy CFP.

2.7. AN TOÀN - AN NINH

Công tác an toàn

Năm 2021, là năm thứ hai đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp với hai đợt bùng phát (thứ 3 và thứ 4) trong thời gian dài đã gây hậu quả nặng nề về kinh tế - xã hội cho đất nước và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các phương án khai thác, SXKD liên tục thay đổi nhằm thích ứng với tình hình, chính sách của Chính phủ, quy định an toàn của Cục Hàng không Việt Nam và các nhà chức trách hàng không nước ngoài nơi Vietnam Airlines có đường bay đến. Ban An toàn - Chất lượng đã tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty tăng cường chính sách quản lý rủi ro trong điều kiện áp dụng nhiều biện pháp tiết giảm chi phí khi thị trường hàng không trong nước và quốc tế tiếp tục đóng băng với nhiều thách thức lớn hơn. Trong bối cảnh hết sức khó khăn, Ban An toàn - Chất lượng đã tập trung quản trị, tham mưu giúp lãnh đạo Tổng công ty duy trì đáp ứng các yêu cầu về an toàn, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, bám sát và thực hiện đúng tư tưởng, chủ đề hành động **"Đoàn kết - Sáng tạo - Bền vững và Hành động"**. Từ các chương trình và kế hoạch công tác của lãnh đạo các cấp, đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan triển khai toàn diện các mặt công tác, áp dụng

nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý, nhận diện, đánh giá rủi ro các nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn nhằm hạn chế thấp nhất các sự cố/vụ việc, đáp ứng các yêu cầu đột xuất cho hoạt động khai thác, SXKD của Tổng công ty. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn trong năm 2021 đã đạt hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu do Ủy ban An toàn Tổng công ty đề ra. Không để xảy ra tai nạn và sự cố nghiêm trọng loại B theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam. Tình hình an toàn năm 2021 đã được kiểm soát rất tốt, đạt và tốt hơn nhiều so mục tiêu đề ra (đạt 7.98 so với mục tiêu 9.5). Các vụ việc có nguyên nhân từ môi trường bên ngoài như chim va, sét đánh, đặc biệt là liên quan đến FOD được kiểm soát hiệu quả. Các vụ việc tiềm ẩn rủi ro tiếp tục giảm so với năm 2021, đặc biệt là các vụ việc Level 3 giảm mạnh.

Các nhiệm vụ chủ yếu, nổi bật đã thực hiện và hoàn thành trong năm 2021: Tham mưu giúp lãnh đạo Tổng công ty kiện toàn tổ chức Ủy ban An toàn VNA Group, cải tiến Hệ thống quản lý An toàn của Tổng công ty; hoàn thành kiện toàn tổ chức của Ban; đảm bảo nguồn lực lao động trong điều kiện Tổng công ty hết sức khó



khẩn; xin Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn các phương án chờ hàng, chờ khách trên Cabin tàu bay, bao gồm phương án có ghế và không ghế, các chuyến bay giải cứu/hồi hương người Việt từ nước ngoài về Việt Nam đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Tổng công ty; hoàn thành gia hạn thành công Chứng chỉ IOSA của IATA và Chứng chỉ AOC của Cục Hàng không Việt Nam đối với Vietnam Airlines. Đặc biệt, đã phối hợp với các cơ quan đơn vị trong Tổng công ty triển khai thực hiện và được FAA cấp Giấy phép bay thẳng thương mại thường lệ đến Mỹ theo FAR129 và một số FAOC đến các quốc gia khác trên thế giới. Tiếp tục thực hiện Chương trình Văn hóa An toàn năm 2021, chú trọng văn hóa chính trực, văn hóa báo cáo trong toàn Tổng công ty với mục tiêu nâng cấp Văn hóa An toàn đạt trên mức 4 và hướng tới mức 5 năm 2025; thực hiện đánh giá An toàn - Chất lượng linh hoạt, sáng tạo đạt hiệu quả trong điều kiện dịch phức tạp; duy trì khả phi liên tục các đội tàu bay của Tổng công ty đang khai thác; tiếp tục thúc đẩy, vận hành có hiệu quả Hệ thống AQD theo định hướng lãnh đạo tại các Nghị quyết của Đảng ủy Tổng công ty, đặc biệt là Nghị quyết về chuyển đổi số; sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống tài liệu An toàn - Chất lượng của Tổng công ty phù hợp với hoạt động khai thác trong điều kiện mới; giám sát việc tuân thủ thực hiện các yêu cầu về bảo quản, bảo dưỡng tàu bay khi dừng bay, đưa tàu bay vào khai thác sau bảo quản đúng quy định của Cục Hàng không Việt Nam; đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên trong Ban hiệu quả và đảm bảo phòng chống dịch an toàn cho người lao động trong suốt giai đoạn dịch.

Công tác an ninh

Chính sách an ninh hàng không

- Vietnam Airlines quyết tâm bảo đảm an ninh trong hoạt động khai thác, thực hiện bởi các cán bộ nhân viên có năng lực và được huấn luyện, trang thiết bị đầy đủ và được duy trì bảo dưỡng tốt, cùng với các quy trình chặt chẽ và có sự giám sát thực hiện phù hợp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng cho hành khách và toàn thể cán bộ nhân viên của Tổng công ty.
- Vietnam Airlines ban hành các Chương trình An ninh hàng không được Cục hàng không Việt Nam và nhà chức trách nước ngoài phê chuẩn nhằm tuân thủ các quy định về An ninh hàng không của Việt Nam và các quốc gia có hoạt động khai thác của Vietnam Airlines. Các Chương trình An ninh hàng không này đưa ra các quy định mang tính bắt buộc, yêu cầu các cán bộ nhân viên, cơ quan đơn vị của Vietnam Airlines và đơn vị cung cấp dịch vụ tuân

thủ, thực hiện nghiêm.

- Vietnam Airlines chấp nhận các chi phí về An ninh hàng không, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính được đầu tư để phục vụ cho công tác bảo đảm An ninh hàng không, góp phần bảo đảm an toàn cho hoạt động của Vietnam Airlines, giao thông đường không và an ninh quốc gia.
- Vietnam Airlines mong muốn những cam kết và chính sách an ninh trong các Chương trình An ninh hàng không và tài liệu liên quan khác được đảm bảo thực hiện bởi các cán bộ nhân viên một cách chuyên nghiệp trong mọi hoạt động khai thác của Vietnam Airlines. Mọi vi phạm trong công tác bảo đảm An ninh hàng không đều được điều tra, làm rõ, xử lý nghiêm và kịp thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định về An ninh hàng không.

Công tác đảm bảo an ninh hàng không

- Năm 2021, Vietnam Airlines gặp nhiều khó khăn và thách thức, trong đó môi trường kinh doanh vận tải hàng không chịu nhiều tác động bởi các bất ổn về kinh tế, chính trị thế giới và khu vực. Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế có xu thế gia tăng, xung đột chính trị tại các quốc gia, khu vực tiếp tục leo thang ảnh hưởng đến sản lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách trong nước và quốc tế. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 bùng phát trở lại đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành hàng không và Vietnam Airlines, làm thay đổi cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển của Vietnam Airlines.
- Trước tác động của bối cảnh tình hình nêu trên, Vietnam Airlines đã thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp quản lý, điều hành, trong đó đã bám sát sự chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước, Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan để triển khai có hiệu quả các nội dung, yêu cầu công tác bảo đảm An ninh hàng không theo quy định, bảo đảm an ninh cho hoạt động khai thác của Vietnam Airlines trên tất cả các lĩnh vực, các địa bàn hoạt động, góp phần tích cực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines. Một số kết quả công tác nổi bật:
 - › Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung Chương trình An ninh hàng không lần 7 của Vietnam Airlines, đáp ứng quy định pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động khai thác của Vietnam Airlines; hoàn thành thủ tục An ninh hàng không đường bay Mỹ, góp phần quan trọng giúp Vietnam Airlines được TSA và FAA

phê duyệt đủ năng lực An ninh hàng không để khai thác thương mại thường lệ đến Mỹ từ ngày 28/11/2021. Thực hiện tốt công tác đánh giá lĩnh vực An ninh hàng không của Vietnam Airlines theo tiêu chuẩn IOSA của IATA, bảo đảm không có khuyến cáo, góp phần tích cực phục vụ việc đánh giá gia hạn chứng chỉ IOSA năm 2021 của Vietnam Airlines.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các phương án bảo đảm an ninh tuyệt đối cho các chuyến bay VIP nội địa, 06 chuyến bay chuyên cơ đi nước ngoài, các chuyến bay thuê chuyến đi nước ngoài vận chuyển công dân Việt Nam về nước, các chuyến bay thuê chuyến vận chuyển hàng hóa và các chuyến bay thương mại nội địa; nắm chắc tình hình an ninh liên quan để chủ động, kịp thời triển khai các biện pháp An ninh hàng không cho các đường bay, địa bàn khai thác tại các khu vực có nguy cơ mất an ninh, ứng phó có hiệu quả với các tình huống có thể ảnh hưởng đến hoạt động

khai thác (áp dụng biện pháp kiểm soát An ninh hàng không tăng cường cấp độ 1 dịp Tết Nguyên đán năm 2021, 30/4-01/5/2021, Quốc khánh 02/09/2021, trong thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; xem xét điều chỉnh đường bay trước xung đột quân sự tại Afghanistan...).

- Triển khai hàng loạt các biện pháp trong bảo đảm an ninh đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, tàu bay, kiểm soát an ninh nội bộ, bảo đảm an ninh thông tin, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, trộm cắp hành lý, hàng hóa...; kịp thời phát hiện, điều tra làm rõ và xử lý theo quy định 21 vụ việc vi phạm và liên quan đến An ninh hàng không, không có vụ việc nghiêm trọng, giảm sâu 31 vụ việc so với năm 2020, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh cho tất cả các chuyến bay và hoạt động khai thác của Vietnam Airlines tại địa bàn trong và ngoài nước.

Thống kê vụ việc An ninh hàng không năm 2021

STT	NỘI DUNG VỤ VIỆC	NĂM 2021 (vụ)	NĂM 2020 (vụ)	SỐ SÁNH
1	Khách dọa bom/chất nổ, vũ khí	0	1	1 ↓
2	Khách gây rối, không chấp hành hướng dẫn	2	9	7 ↓
3	Khách hút thuốc trên tàu bay	2	4	2 ↓
4	Khách sử dụng điện thoại, Ipad trên tàu bay	3	3	-
5	Khách say bia/rượu	2	0	2 ↑
6	Khách trộm cắp trên tàu bay	0	4	4 ↓
7	Khách sử dụng giấy tờ giả	0	6 (9 pax)	6 ↓
8	Khách sử dụng giấy tờ khác tên/sai quy định	0	0	-
9	Khách vận chuyển vũ khí sai quy định	0	1	1 ↓
10	Khách mang theo vật cấm, công cụ hỗ trợ sai quy định	0	2	2 ↓
11	Trộm cắp tại mặt đất	0	1	1 ↓
12	Mất tài sản trong hành lý ký gửi của khách	0	1	1 ↓
13	Đồng bộ hành khách/nhầm chuyến	4	3	1 ↑
14	Mất/Khách trộm áo phao	0	0	-
15	Tổ bay vi phạm	0	1	1 ↓
16	Vi phạm an ninh khác	8	16	8 ↓
TỔNG CỘNG		21	52	31 ↓

2.8. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lao động

Số lao động hợp nhất của Tổng công ty tính đến 31/12/2021 là 18.978 người, bao gồm 5.626 của Công ty mẹ và 13.352 người của các Công ty con, công ty liên kết.

Trong đó, đối với Công ty mẹ: Lao động được tính là lao động trong danh sách quản lý của các cơ quan đơn vị (không bao gồm công ty thành viên ALSIMEXCO), có bao gồm người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, làm việc bán thời gian theo chính sách sử dụng lao động do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Công ty mẹ

Lao động

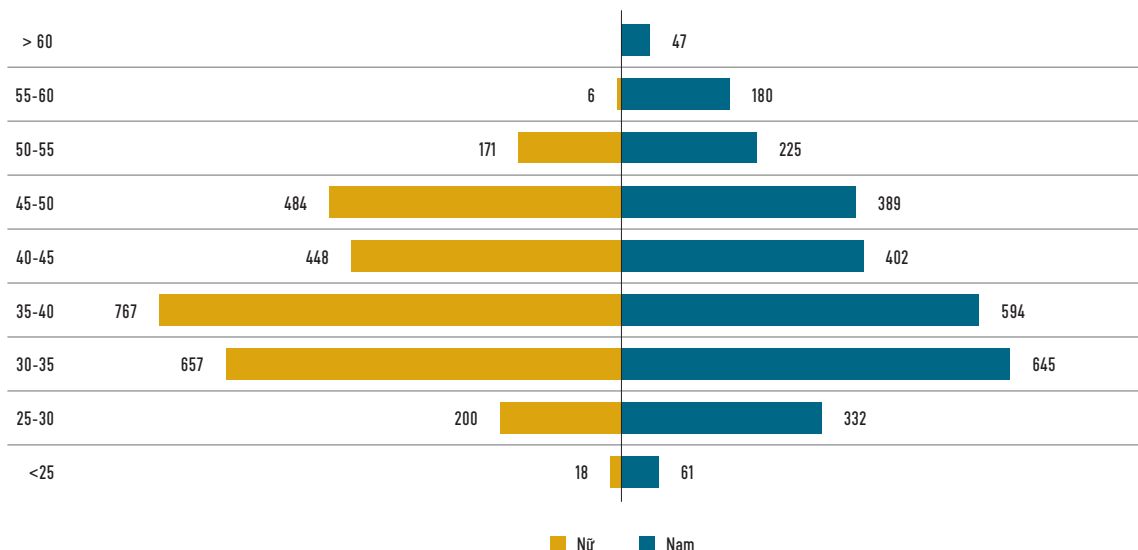
Lao động sử dụng bình quân trong năm là 4.201 người, tính trên số đi làm và đã quy đổi theo tỷ lệ ngày công làm việc thực tế trong tháng; riêng phi công, tiếp viên tính theo số lượng thực tế khai thác bay.

Thu nhập bình quân

Từ năm 2020, những tác động, ảnh hưởng của đại dịch đến nền kinh tế nói chung và ngành vận tải hàng không nói riêng là rất nặng nề. Sang đến năm 2021, liên tục bùng phát nhiều đợt dịch trên cả nước, xuất hiện các biến chủng mới. Nhiều địa phương thực hiện giãn cách và tăng cường giãn cách xã hội, áp dụng các biện pháp chưa từng có tiền lệ, trên phạm vi rộng dẫn đến nhu cầu đi lại sụt giảm nghiêm trọng, hoạt động vận tải hàng không gần như đóng băng.

Do ảnh hưởng của đại dịch trực tiếp đến chỉ tiêu khoán lương tấn-km, nên căn cứ theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP, quỹ tiền lương và thu nhập bình quân năm 2020 của người lao động đã giảm mạnh, chỉ bằng 49% so với năm 2019. Nếu tiếp tục theo cách xác định của năm 2020, quỹ tiền lương năm 2021 chỉ đạt 25% so với năm 2019, do đó sẽ ảnh hưởng nặng nề tới thu nhập và đời sống của người lao động.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH VÀ ĐỘ TUỔI



Trong năm 2021, Tổng công ty đã chủ động, tích cực trao đổi, làm việc với Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để góp ý sửa đổi Nghị định 20/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 của Chính phủ về thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, qua đó có cơ sở xác định nguồn quỹ tiền lương tốt hơn, tạo điều kiện cải thiện thu nhập cho người lao động ngay cả trong tình huống dịch bệnh khách quan gây ảnh hưởng xấu tới tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

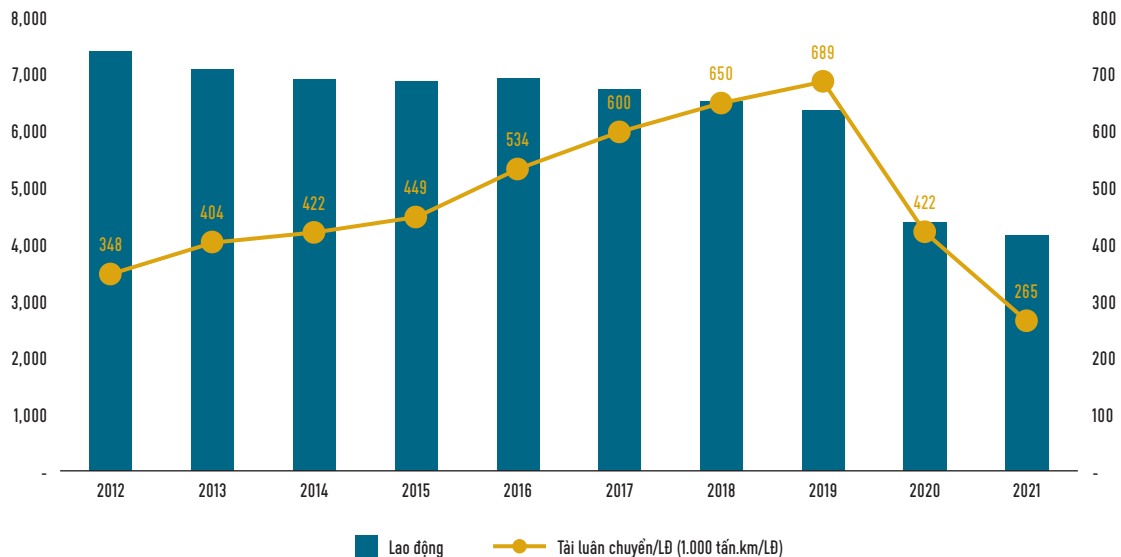
Trên cơ sở nguồn quỹ tiền lương năm 2021 xác định theo Nghị định số 87/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 20/2020/NĐ-CP, Tổng công ty đã điều hành linh hoạt chính sách tiền lương để ứng phó khủng hoảng dịch bệnh, phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của Tổng công ty từng giai đoạn. Qua đó, tạo điều kiện ổn định đời sống cho người lao động, giữ chân lao động chất lượng cao, tạo tiền đề để Tổng công ty sớm khôi phục, phát triển sau đại dịch.

Các chỉ tiêu về năng suất lao động

Lao động: Năm 2021, Tổng công ty tiếp tục điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự, tiền lương để người lao động và Tổng công ty cùng chia sẻ các khó khăn theo từng giai đoạn diễn biến của dịch, tương ứng với quy mô hoạt động SXKD. Việc sử dụng lao động được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên giữ vị trí việc làm đối với lực lượng lao động đặc thù chuẩn bị cao nhất nguồn lực cho giai đoạn phục hồi của thị trường, hạn chế tối đa chi phí phát sinh do sử dụng lao động gián cách khi sản lượng thấp.

Năng suất lao động: Do ảnh hưởng bởi những làn sóng dịch COVID-19 liên tiếp trong năm 2021, sản lượng khai thác sụt giảm nặng nề, năng suất lao động theo RTK năm 2021 đạt 265 nghìn tấn.km/lao động, bằng 88% so với kế hoạch (Kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ thường niên 2021) và 63% so với năm 2020.

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG



Kết quả triển khai

Tuyển dụng

Tổng công ty tiếp tục chương trình tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo lực lượng lao động đặc thù theo hình thức xã hội hóa, tiếp nhận Phi công cơ bản để đưa vào huấn luyện chuyển loại khai thác bay.

Đào tạo

Năm 2021, toàn hệ thống đã tích cực chủ động đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo huấn luyện cho cán bộ, người lao động trong toàn Tổng công ty, do đó mặc dù năm 2021 dịch bệnh COVID còn diễn biến hết sức phức tạp nhưng công tác đào tạo huấn luyện năm 2021 vẫn được triển khai chủ động theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra. Các điểm nổi bật như sau:

STT	NỘI DUNG ĐÀO TẠO	SỐ LƯỢNG
1	Huấn luyện các môn IOSA theo yêu cầu của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác bay đối với phi công, tiếp viên, nhân viên điều hành khai thác bay, nhân viên kỹ thuật và nhân viên khai thác mặt đất	15.781
2	Huấn luyện UPRT	941
3	Huấn luyện Văn hóa an toàn	125
4	Huấn luyện Văn hóa nâng tầm dịch vụ	1.169
5	Đào tạo theo phương thức khai thác mới, mở đường bay mới	5.419
5.1	Khai thác hàng hóa trên CABIN	5.119
5.2	Đóng mở cửa khoang khách từ bên ngoài	300
6	Đào tạo mở đường bay tới Mỹ (An ninh hàng không, đào tạo người khuyết tật)	1.934
7	Hội thảo quản trị công ty, Hội thảo chuyển đổi số	547
8	Bồi dưỡng chuyên viên cao cấp	05
9	Đào tạo Thạc sỹ Quản trị khai thác hàng không (MSc) tại trường Đại học Quốc tế RMIT	02



Đánh giá chung: Công tác đào tạo năm 2021 đã đạt được những thành tích sau:

- Tổ chức đào tạo các môn IOSA theo qui định của Cục Hàng không Việt Nam: 100% nhân viên hàng không (Phi công, nhân viên điều phối bay, nhân viên kỹ thuật máy bay, nhân viên khai thác mặt đất) được đào tạo các môn IOSA theo đúng qui định của Cục Hàng không Việt Nam, góp phần giữ vững an toàn khai thác bay của Tổng công ty.
- Hoàn thành yêu cầu đánh giá gia hạn chứng chỉ năm 2021 của IATA (IOSA) và Cục Hàng không Việt Nam (AOC): Năm 2021 tổ chức IATA và Cục Hàng không Việt Nam đã thực hiện đánh giá định kỳ Tổng công ty Hàng không Việt Nam, với kết quả IATA đã phê chuẩn gia hạn chứng chỉ IOSA, Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn gia hạn chứng chỉ AOC.
- Toàn hệ thống đã tích cực, chủ động thay đổi phương thức huấn luyện, đẩy nhanh việc số hóa hệ thống chương trình, giáo trình huấn luyện đưa lên hệ thống E-Learning nhằm chủ động về tiến độ huấn luyện, cũng như đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong huấn luyện.

Tình hình hoạt động và các đặc điểm nổi bật trong hoạt động của các cơ sở đào tạo của Vietnam Airlines:

Năm 2021 được đánh giá là năm bản lề thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo huấn luyện tại 03 trung tâm đào tạo (TTHL, VIAGS, VAECO), cụ thể như sau:

- Thực hiện số hóa 100% giáo trình đào tạo các môn IOSA (lý thuyết) trên hệ thống E-Learning để triển khai đào tạo theo hình thức trực tuyến.
- Tổ chức đào tạo các môn IOSA đảm bảo chất lượng và hiệu quả: Đảm bảo 100% nhân viên hàng không được đào tạo các môn IOSA theo đúng qui định của Cục Hàng không Việt Nam.
- Tổ chức đào tạo kịp thời, hiệu quả cho trên 7.000 lượt nhân viên hàng không để đáp ứng yêu cầu khai thác mới, yêu cầu mở đường bay tới Mỹ của Tổng công ty.

Văn hoá doanh nghiệp

Song song với 25 năm hình thành và phát triển của Vietnam Airlines là sự xây dựng và kết tinh của văn hóa, tạo cho Vietnam Airlines có nét văn hóa riêng biệt. Văn hóa doanh nghiệp của Vietnam Airlines không đơn thuần chỉ là văn hóa giao tiếp mà còn bao gồm cả tầm nhìn sứ mệnh, giá trị cốt lõi, các quy tắc, phong cách quản lý, mục tiêu, chiến lược phát triển và hành vi, thái độ của mọi thành viên trong Vietnam Airlines.

Trong bối cảnh dịch COVID-19 kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp, giá trị văn hóa của Vietnam Airlines càng được phát huy mạnh mẽ, giúp Vietnam Airlines có sức mạnh để thích ứng với những thay đổi, những khó khăn từ môi trường bên ngoài, mọi thành viên cùng đồng lòng để vượt qua. Đồng thời, Vietnam Airlines vẫn luôn chú trọng truyền tải thông điệp về giá trị văn hóa của Vietnam Airlines đến với khách hàng và cổ đông thông qua việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu có định hướng và chiều sâu văn hóa.



2.9. TRUYỀN THÔNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Công tác phát triển thương hiệu năm 2021

Năm 2021, nhìn chung công tác thương hiệu tập trung làm nổi bật hình ảnh VNA Group với thông điệp nỗ lực vượt đại dịch, cùng đất nước, chính phủ chống dịch và phục hồi kinh tế thông qua các chiến dịch quảng cáo truyền thông: Bay an toàn bay Vietnam Airlines, tất cả vì sức khỏe hành khách, tăng cường chờ hàng, vận chuyển y bác sĩ, vật tư y tế, kích cầu du lịch, kết nối giao thương... Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh những ưu thế nổi trội về sản phẩm, dịch vụ, Vietnam Airlines đã thực hiện các chiến dịch Siêu tàu bay B787/A350, VNAXPRESS, hạng Thương gia, mobile app, hàng không số, đường bay thẳng đến Mỹ, từ đó thu hút sự ủng hộ lớn của dư luận, tạo tiền đề cho công tác bán.

Đối với các chương trình bán, hoạt động quảng cáo truyền thông đã bám sát thị trường (thực hiện khoảng 100 chương trình) trên cơ sở điều hành hiệu quả các kênh phương tiện, tối đa sử dụng kênh sở hữu để tiết kiệm chi phí, trong đó các kênh trả tiền đã đạt đúng kế hoạch lượt view, click, lượt tương tác... mang lại lượt truy cập lớn vào website trong mỗi chương trình và doanh thu trực tiếp cho kênh bán online. Ngoài ra Vietnam Airlines cũng thực hiện các tuyến bài viết về chính sách vé linh hoạt mùa dịch và triển khai các livestream giới thiệu sản phẩm trên mạng xã hội giúp thúc đẩy bán.

Năm 2021, cũng là năm thành công trong việc xây dựng và triển khai nhiều công cụ truyền thông mới như Spirit TV, mạng xã hội, đa dạng hóa phương tiện, nội dung (Infographic, Tiktok, Livestream) để tăng tương tác với khách hàng một cách hiệu quả và nhanh chóng.

Với mục tiêu mở rộng tệp khách hàng trẻ và thâm nhập vào các nhóm cộng đồng, Vietnam Airlines đã và đang hợp tác với các đối tác lớn như Rap Việt, SpaceSpeakers, VGS. Qua đó tăng cường quảng bá hình ảnh và mở ra cơ hội hợp tác bán các gói sản phẩm combo cũng như các sản phẩm đồng thương hiệu.

Về kết quả thực hiện KPI

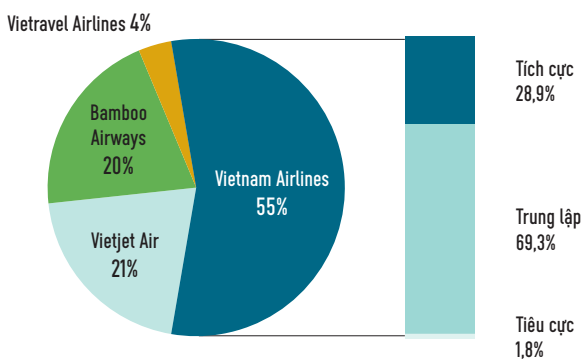
TIÊU CHÍ	KH2021	TH2021
Thị phần truyền thông VNA Group (Báo chí)	>55%	55,4%
Thị phần truyền thông VNA Group (Mạng XH)	>55%	58,7%
Sắc thái thảo luận	Tiêu cực < 0,5%	Tiêu cực 0,2%

Kênh báo chí, VNA Group chiếm 55,4% thị phần báo chí (Vietjet Air chiếm 20,6%, Bamboo Airways chiếm 20,4%, và Vietravel Airlines chiếm 3,6%) với tổng lượng tin bài nội dung về VNA đạt 62.066 tin bài; sắc thái tích cực 28,9% - trung lập 69,3% - tiêu cực 1,8%.

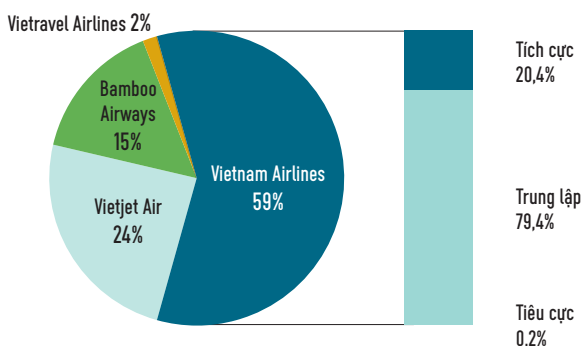
Kênh mạng xã hội, VNA Group chiếm 58,7% thị phần mạng xã hội (Vietjet Air 24,3%, Bamboo Airways 15,4%, Vietravel Airlines 1,6%) với tổng lượng thảo luận 2.140.044 thảo luận; tổng tương tác: 13.182.021; sắc thái tích cực 20,4% - trung lập 79,4% - tiêu cực 0,2%.

Tỷ lệ tiêu cực của báo chí và mạng xã hội: 0,2%.

KÊNH BÁO CHÍ



KÊNH MẠNG XÃ HỘI



Chương trình Quảng cáo tiêu biểu



Sự kiện truyền thông tiêu biểu





Kế hoạch phát triển thương hiệu năm 2022

- Chủ đề truyền thông: Việt Nam - Vietnam Airlines an toàn; Sản phẩm dịch vụ đẳng cấp, vượt trội; Hàng không số.
- Công cụ truyền thông: Tiếp tục cập nhật các công cụ truyền thông mới, hiện đại, tăng tương tác với khách hàng.
- Hợp tác với các tỉnh/thành phố, các tập đoàn, công ty lớn để mở rộng hệ sinh thái, đa dạng sản phẩm của Vietnam Airlines đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng.

- Kế hoạch KPI

TIÊU CHÍ	KH2022
Thị phần truyền thông VNA Group (Báo chí, mạng xã hội)	56%
Sắc thái thảo luận - Tiêu cực	< 0,4%
Sắc thái thảo luận - Tích cực	> 24%



2.10. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Các ứng dụng công nghệ thông tin mới

Năm 2021, Vietnam Airlines đã triển khai đầy mạnh các giải pháp CNTT nhằm tiến tới mục tiêu đưa Vietnam Airlines trở thành Hãng hàng không số; nghiên cứu ứng dụng các giải pháp CNTT thông minh trong tất cả các lĩnh vực nhằm tối ưu hóa quy trình công việc, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu và mang lại trải nghiệm cho khách hàng phù hợp với yêu cầu phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0. Cụ thể như:

- Hoàn thành nâng cấp hệ thống quản lý KHTX mới CLM; nghiên cứu triển khai phần mềm quản trị nguồn nhân lực HRMS, phần mềm tự động hóa quy trình công việc BPM.
- Hoàn thành nâng cấp hệ thống xây dựng kế hoạch bay/ điều hành bay Netline SCHED/ Netline OPS; nâng cấp các ứng dụng phục vụ Trung tâm Bông Sen Vàng, Tài chính kế toán.
- Đưa các ứng dụng quản lý phòng chờ LAMS, quản lý Giftcard, sàn thương mại điện tử VNAMall, phần mềm quản lý kho cung ứng vào khai thác.
- Hoàn thành triển khai hệ thống Customer Experience Management/ Customer Data Hub nhằm xây dựng và làm giàu nguồn dữ liệu khách hàng, phục vụ công tác phát triển hội viên mới và nâng cao tính trải nghiệm cho khách hàng.
- Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung (Data Warehouse) trong toàn Tổng công ty, tổ chức và khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu thông qua các hệ thống báo cáo phân tích thông minh (Business Intelligent).
- Hoàn thành triển khai giai đoạn 2 hệ thống CRM B2B.
- Triển khai Hệ thống quản lý Hợp đồng CNTT, Quản lý TTB CNTT và triển khai áp dụng chữ ký số cho công tác nghiệm thu chất lượng dịch vụ CNTT.
- Tiếp tục mở rộng việc triển khai kết nối DCP Webservices cho các đại lý truyền thống và OTA để mở rộng mạng bán.
- Triển khai phân hệ quản lý Kế hoạch và quản lý bảng giá trên nền tảng Salesforce. Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị thương mại theo công nghệ mới (Salesforce) đối với mảng thương mại hàng hóa và Bông Sen Vàng.
- Triển khai 02 ứng dụng theo dõi hiệu suất, dự báo trước hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, tối ưu hóa hoạt động bay dựa trên nền tảng Big Data của Airbus (Skywise).
- Hoàn thành các thủ tục kết nối phục vụ khai thác bay Mỹ; thiết lập hạ tầng CNTT phục vụ các sân bay

trong và ngoài nước/phục vụ hệ thống đại lý bán vé dựa trên công nghệ WAN ảo - SASE.

- Đảm bảo hệ thống hạ tầng hội nghị truyền hình và VPN phục vụ hoạt động làm việc từ xa của cán bộ nhân viên của Tổng công ty trong suốt giai đoạn bị ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19.

Đánh giá độ sẵn sàng của các hệ thống CNTT

Độ sẵn sàng các hệ thống CNTT trung bình trong năm 2021 là 99,98%, tăng 0,01% so với năm 2020.

Các chính sách về an toàn thông tin, bảo mật thông tin

- Đảm bảo an ninh thông tin cho các hệ thống CNTT, đạt KPI về an toàn thông tin đã đề ra như: Tỷ lệ các máy trạm cài đặt các phần mềm an toàn thông tin đạt 100%; Tỷ lệ các máy chủ cài đặt các phần mềm an toàn thông tin đạt 100%; Tỷ lệ xử lý các sự cố về an toàn thông tin đạt 100%.
- Hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa cho cán bộ nhân viên trong giai đoạn cách ly do dịch COVID-19 luôn được đảm bảo an toàn. Các dịch vụ và giải pháp an toàn thông tin khác được tối ưu để ứng phó với khó khăn về ngân sách của Vietnam Airlines trong giai đoạn dịch.
- Cam kết thực hiện đánh giá an toàn thông tin và khắc phục các lỗ hổng bảo mật đối với các hệ thống CNTT quan trọng và các hệ thống mới. Tiếp tục duy trì chứng nhận tuân thủ tiêu chuẩn bảo mật quốc tế PCI DSS của Hiệp hội thẻ thanh toán quốc tế.
- Các trường hợp khiếu nại về bảo vệ dữ liệu được gửi đến DPO được giải quyết, các sự cố an toàn thông tin như Booking không; DDoS website thương mại điện tử được khắc phục nhanh chóng.
- Tổ chức đánh giá nhận thức người dùng về an toàn thông tin và diễn tập tấn công lừa đảo qua Email. Triển khai thay thế các SSL, đưa về mô hình quản lý tập trung. Triển khai các giải pháp chống giả mạo đối với email gửi từ bên ngoài. Triển khai phương án tách domain hệ thống Email marketing, nâng cao độ an toàn và hiệu quả của Email Marketing. Thực hiện nghiên cứu, triển khai thử nghiệm các giải pháp an toàn thông tin mới như PAM, SOAR và EDR.

Lộ trình và các giải pháp để trở thành doanh nghiệp số 4.0 (Digital Airline)

- Đẩy mạnh triển khai nghiên cứu các giải pháp chuyển đổi hạ tầng số, tổ chức nguồn dữ liệu số và đẩy mạnh khai thác các báo cáo thông minh (BI). Tổ chức kho dữ liệu dùng chung DWH chung bao gồm tất cả các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu khai thác và quản trị dữ liệu trên môi trường Cloud. Ban hành chính sách quản trị dữ liệu, quy trình khai thác dữ liệu trong toàn Tổng công ty.
- Triển khai đồng bộ các hệ thống công nghệ thông tin theo chuẩn mực ngành hàng không dựa trên các quy trình tiêu chuẩn, tiên tiến (Best Practice) của ngành hàng không. Triển khai ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác dự báo, tối ưu

hóa sử dụng nhiên liệu; nhận dạng sinh trắc học (Biometric); khai thác dữ liệu lớn (Big Data) vào các lĩnh vực thương mại, điều hành khai thác, tự động hóa phục vụ khách hàng, nâng cao tính trải nghiệm của khách hàng.

- Tăng cường ứng dụng và triển khai các hệ thống CNTT vào hoạt động bảo dưỡng kỹ thuật, dự báo hỏng hóc sớm để nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.
- Thực hiện nâng cấp hệ thống giám sát an ninh thông tin SOC; triển khai thành công ISO 27001 và các hệ thống quản lý truy cập, phân quyền trên các ứng dụng quan trọng; hoàn thiện mô hình an ninh thông tin hướng đến từng ứng dụng; triển khai các mô hình quản lý phân quyền trên lớp ứng dụng và CSDL, đảm bảo việc quản lý, truy xuất, truy vết dữ liệu khi có yêu cầu.



2.11. TÁI CƠ CẤU CÔNG TY MẸ VÀ DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN

Tổ chức lại sản xuất kinh doanh

Đối với công tác điều hành:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khai thác các chuyến bay hồi hương, chờ chuyên gia trong giai đoạn mạng bay quốc tế chưa phục hồi.
- Tăng tốc độ triển khai công việc, các dự án quan trọng.
- Tập trung đàm phán JV; Triển khai mở rộng hợp tác; Nâng cao hiệu quả các hợp tác hiện tại; theo dõi hợp đồng hợp tác VN/BL.

Đối với công tác bán hàng khách:

- Tăng tỷ trọng online nội địa.
- Ra nhập hệ sinh thái các sàn, ví thương mại điện tử tại Việt Nam. Kết nối với các Metasearch lớn toàn cầu và khu vực.
- Đẩy mạnh doanh thu bán các sản phẩm bổ trợ.
- Tăng cường hiệu quả công tác quản trị bán, quản trị kênh bán đại lý, CA đến từng chuyên viên bán thông qua công cụ B2B đồng thời phát triển cả về số lượng và chất lượng công tác bán khách doanh nghiệp.
- Mở rộng kênh bán gián tiếp, tăng cường mức độ bao phủ của đại lý, người bán của Vietnam Airlines tại các tỉnh thành.
- Cá nhân hóa quá trình bán và phục vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

- Nâng cao năng lực quản trị điều hành về sản phẩm, giá, chỗ.
- Đổi mới mô hình hoạt động thuê chuyên nhằm đạt mục tiêu doanh thu.
- Tập trung công tác bán doanh thu cao trên Vietnam Airlines và bán khách giá thấp trên PA.
- Triển khai cơ chế thu nhập gắn với kết quả bán tới khối quản trị.
- Tiếp tục phát triển hội viên Bông Sen Vàng. Đẩy mạnh hợp tác phi hàng không và nâng cao chất lượng phục vụ hội viên đồng thời mở rộng các kênh phân phối bán dặm.

Đối với hàng hóa:

- Duy trì thị phần hàng hóa nội địa của VNA Group ở mức 60% (Thị phần đường trực HANSNG > 62%, thị phần hàng doanh thu cao > 80%).
- Duy trì hệ số sử dụng tải trên các đường bay quốc tế chở khách thường lệ và hồi hương ở mức > 90%. Xây dựng các đường bay chuyên chở hàng hóa thường lệ đến Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông, Úc và Thái Lan. Hoàn thiện và đưa vào sử dụng các ứng dụng báo cáo, lập kế hoạch, quản lý giá trên nền tảng Salesforce.

Tái cơ cấu tài chính Công ty mẹ

Đại dịch COVID-19 tiếp tục làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lực tài chính của Tổng công ty trong năm 2021, để lại những hậu quả nặng nề, lâu dài đến tình hình tài chính và các cân đối tài chính của Tổng công ty. Bên cạnh các giải pháp ứng phó mang tính cấp bách như cắt giảm, tiết kiệm chi phí theo quy mô sản lượng, đàm phán giảm giá, giãn/ hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác đặc biệt là các đối tác cho thuê tàu bay, Tổng công ty cũng đã xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp tái cơ cấu tài chính trong năm 2021 bao gồm:

- Tái cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành gần 8.000 tỷ đồng, giúp nâng quy mô vốn điều lệ lên mức 22.143 tỷ đồng.

- Triển khai thành công gói vay tái cấp vốn quy mô 4.000 tỷ đồng để bổ sung dòng tiền, giúp gia tăng khả năng thanh khoản cho Vietnam Airlines.
- Tiếp tục cơ cấu nợ vay trong, ngoài nước và sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay ngắn hạn. Việc đạt được kết quả cơ cấu nợ vay với các đối tác ECAs và Eximbank đã giúp giảm gánh nặng dòng tiền cho Vietnam Airlines trong năm 2021 và giai đoạn tiếp theo, đồng thời lãi suất cơ cấu nợ đạt được mức thấp hơn đáng kể so với lãi suất vay trung hạn USD trong nước giúp tiết kiệm chi phí vốn.
- Tái cấu trúc tài sản thông qua việc hoàn thành ký hợp đồng bán thanh lý tàu bay A321 CEO sản xuất năm 2004 và thực hiện bán và thuê lại (Sale & leaseback) động cơ dự phòng, giúp bổ sung dòng tiền và thu nhập cho Vietnam Airlines.

Tái cơ cấu Doanh nghiệp thành viên

Trên cơ sở đánh giá vai trò, vị trí của các doanh nghiệp thành viên trong chuỗi dây chuyền vận tải hàng không cũng như thực trạng tài chính của Vietnam Airlines do tác động của đại dịch COVID-19, năm 2021, Vietnam Airlines đã nghiên cứu, xây dựng và đề xuất lên Ủy ban Quản lý vốn phương án tái cơ cấu toàn diện các doanh nghiệp thành viên để Vietnam Airlines có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải hàng không và các dịch vụ đồng bộ; đồng thời thực hiện mục tiêu gia tăng thu nhập, cải thiện dòng tiền, từng bước xóa lỗ lũy kế và tạo nguồn vốn đầu tư phát triển cho Công ty Mẹ để sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi; nâng cao hiệu quả SXKD, thu hút nguồn lực từ bên ngoài để tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp thành viên. Bên cạnh đó, trong năm 2021, Vietnam Airlines đã tích cực triển khai công tác tái cơ cấu vốn của Vietnam Airlines tại K6 và hoàn thành việc thăm dò thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư mới để xây dựng phương án, quy trình tái cơ cấu cổ đông tại PA.

Công tác tái cơ cấu Nhân lực - Tiền lương

Với lực lượng lao động lớn, đa dạng lĩnh vực hoạt động, Vietnam Airlines đã phải áp dụng các biện pháp tổ chức lại lao động, bố trí lực lượng lao động vừa đảm bảo an toàn chuyến bay thương mại, vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch theo quy định của Việt Nam và quốc tế và phù hợp với quy mô của sản xuất kinh doanh từng giai đoạn. Cụ thể:

Lao động Việt Nam:

- Phi công, Tiếp viên: điều hành theo sản lượng thực tế, đảm bảo duy trì năng định, chứng chỉ, hạn chế bay giãn cách và sử dụng nguồn lực hiệu quả, an toàn; cập nhật việc thực hiện tiêm đủ liều vaccine và quy định thời gian cách ly y tế theo quy định.
- Lao động trực tiếp khối mặt đất: bố trí trên cơ sở bám sát sản lượng chuyến bay thực tế, khung giờ thực hiện hoạt động bay khai thác, định mức lao động, vị trí làm việc, tiết kiệm sử dụng nguồn lực.
- Thực hiện các biện pháp: thắt chặt sử dụng nguồn lực, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; cắt giảm tối đa nhân lực ở các khâu, công việc chưa cần thiết nhằm tiết kiệm tối đa các chi phí. Ưu tiên sử dụng nhân lực đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, đa nhiệm trong công việc. Nhân sự chưa đủ tiêu chuẩn cần tập trung đào tạo, tự đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine, xác định thứ tự ưu tiên để bảo vệ người lao động, đáp ứng yêu cầu khai thác an toàn, hiệu quả.

Lao động nước ngoài:

- Tiếp tục chính sách sử dụng nguồn lực tối thiểu để phục vụ các hoạt động khai thác hàng hóa, giải cứu.
- Việc điều hành nguồn lực linh hoạt, lực lượng lao động nước ngoài được hạn chế sử dụng tối đa. Lực lượng lao động đặc thù phi công, tiếp viên được ưu tiên bố trí có trọng tâm, trọng điểm để duy trì năng định, chứng chỉ, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong khai thác. Cùng với công tác truyền thông, các chính sách điều hành đã nhận được sự ủng hộ của người lao động trong giai đoạn khó khăn.

2.12. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc.

Năm 2021, Vietnam Airlines tiếp tục giữ quan hệ tốt với nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings Inc. (ANA). Hai bên tiếp tục xúc tiến đàm phán về khả năng hợp tác liên doanh và tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, trong đó tập trung vào các nội dung về quản trị doanh nghiệp, thương mại, khai thác, dịch vụ khách hàng, công nghệ thông tin và kỹ thuật.

Hợp tác thương mại

Năm 2021, thị trường hàng không tiếp tục bị ảnh hưởng bởi COVID-19, việc hợp tác giữa Vietnam Airlines và các hãng hàng không gần như đóng băng. Trong giai đoạn này, Vietnam Airlines tiếp tục đàm phán với các đối tác linh hoạt điều chỉnh phương án hợp tác trong từng thời điểm để đáp ứng với các thay đổi của thị trường và xây dựng kế hoạch hợp tác trong giai đoạn hậu COVID-19. Ngoài ra, để hỗ trợ cho đường bay thẳng đi/đến Mỹ, Vietnam Airlines đã đàm phán mở rộng hợp tác nội địa Mỹ với các đối tác Mỹ.

Về hợp tác liên doanh, Vietnam Airlines tạm ngừng hợp tác với Air France từ tháng 3/2020 do Vietnam Airlines ngừng khai thác các đường bay kết nối Việt Nam và Pháp. Trong năm 2021, Vietnam Airlines tập trung hoàn thiện hồ sơ xin phê duyệt các Nhà chức trách có liên quan của Việt Nam và Đài Loan về hợp đồng hợp tác kinh doanh (Joint Business - JB) giữa Vietnam Airlines và China Airlines.

Về hợp tác đa phương: Vietnam Airlines tiếp tục tham gia vào các hoạt động và dự án chung của SkyTeam, tạo động lực để Vietnam Airlines nâng cấp hệ thống và tiêu chuẩn dịch vụ của Hãng và đáp ứng yêu cầu của Liên minh SkyTeam. Trong năm 2021, Vietnam Airlines đã tích cực tham gia công tác xây dựng và triển khai dự án Check-in (cho phép hành khách tự làm thủ tục check-in trên chuyến bay của các hãng SkyTeam trong hành trình đa chặng), giúp mang đến trải nghiệm thông suốt cho hành khách trong bối cảnh dịch bệnh COVID còn diễn biến phức tạp; đồng hành cùng SkyTeam cam kết theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững do Liên Hiệp Quốc đề xuất. Vietnam Airlines cũng tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động chung của IATA, phát huy vai trò và ảnh hưởng của Vietnam Airlines đối với các chính sách chung theo hướng có lợi cho Việt Nam; trong đó nghiên cứu IATA Travel Pass để triển khai áp dụng trong giai đoạn thị trường phục hồi hậu COVID.

Hợp tác với chính quyền địa phương

Hợp tác giữa Vietnam Airlines và các tỉnh, thành phố không ngừng được tăng cường và mở rộng. Năm 2021, Vietnam Airlines tiếp tục ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với UBND 9 tỉnh/thành phố là Khánh Hòa, Ninh Bình, Quảng Trị, Đắk Lak, Nghệ An, Ninh Thuận, Quảng Nam, Cần và Đồng Nai; Tiếp tục duy trì, triển khai các hoạt động xúc tiến du lịch, văn hóa, thương mại với các tỉnh, thành phố đã có hợp tác từ trước như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh...

Các thỏa thuận hợp tác được ký kết nhằm phối hợp đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch, đầu tư thương mại, hàng không, điểm đến và đặc biệt khôi phục ngành dịch vụ hàng không nói riêng, ngành du lịch nói chung sau ảnh hưởng của đại dịch COVID-19; Xây dựng chính sách hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau một cách hiệu quả; Tăng cường quảng bá hình ảnh, khẳng định vai trò hợp tác toàn diện giữa Vietnam Airlines và các tỉnh/thành phố trong quá trình hoạt động và phát triển, từ đó vừa nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa đóng góp vào công cuộc quảng bá du lịch, xúc tiến thương mại và phát triển kinh tế của các địa phương cũng như cả nước.

Hợp tác với Tập đoàn kinh tế

Thỏa thuận hợp tác giữa Vietnam Airlines với các tập đoàn kinh tế nhằm phát huy thế mạnh của mỗi bên trên các lĩnh vực hoạt động và kinh doanh, tăng cường hợp tác toàn diện hướng tới mục tiêu là đối tác chiến lược của nhau trong quá trình hoạt động và phát triển. Thông qua hoạt động hợp tác toàn diện, Vietnam Airlines và các tập đoàn này sẽ cùng xúc tiến các hoạt động hỗ trợ nhau, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh để khai thác tốt nhất thế mạnh của mỗi bên, tiềm năng của thị trường trong và ngoài nước, trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mỗi bên và các lĩnh vực khác mà hai bên cùng quan tâm; thông qua hợp tác để tăng cường lợi ích cho cán bộ, công nhân viên của các bên.

Trong năm 2021, Vietnam Airlines đã mở rộng ký kết hợp tác toàn diện với các tập đoàn lớn như Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường, Tập đoàn BRG, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank), Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB), Công ty Cổ phần NovaGroup, Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Minh, Tập đoàn Công nghệ Viễn thông Quân đội Viettel... và tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đã có hợp tác từ trước như VinGroup, Sun Group, Saigon Tourist...



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Kế hoạch đầu tư tư phát triển năm 2021 của Vietnam Airlines đã được HĐQT phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-HĐQT/TCTHK ngày 16/8/2021 với tổng giá trị là 281,8 tỷ đồng. Tuy nhiên dịch bệnh tiếp tục diễn biến ngày càng phức tạp trong năm 2021 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty đã chủ động rà soát, cắt giảm, giãn tiến độ, chỉ tập trung vào các Dự án cần triển khai ngay phục vụ SXKD. Tổng hợp tình hình thực hiện năm 2021 như sau:

DANH MỤC ĐẦU TƯ	KH 2021		TH 2021		%TH/KH	
	Số dự án	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	Số dự án (*)	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	Số dự án	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)
Đầu tư tài sản						
Tàu bay	1	1,8				0%
Xây dựng cơ bản	16	127,85	3	89,4	18,6%	69,9%
Trang thiết bị, CNTT	14	47,15	2	9,5	14,3%	20,1%
Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	2					
Dự phòng thực hiện đầu tư		105,0				
TỔNG CỘNG	33	281,8	5	171,0	15,1%	35,1%

(*) Tổng số dự án chuẩn bị đầu tư được phê duyệt, số dự án thực hiện đầu tư hoàn thành được đưa vào sử dụng và dự án hoàn thành quyết toán trong năm 2021.

3.1. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN NĂM 2021

a. Đầu tư tàu bay

Dự án 50 tàu bay thân hẹp đã được Sở Tài nguyên Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư tiếp theo theo quy định.

b. Đầu tư trang thiết bị

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trang thiết bị năm 2021 là 9,5 tỷ đồng (giá trị khối lượng đã thực hiện trong kỳ là 23,4 tỷ đồng) để triển khai một số dự án nhỏ cần thực hiện ngay để phục vụ SXKD, bao gồm đầu tư thay thế và mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình, UPS 150 KVA cho toà nhà M2...

c. Đầu tư xây dựng

Tổng giá trị thực hiện đầu tư xây dựng năm 2021 là 89,4 tỷ đồng (giá trị khối lượng đã thực hiện trong kỳ là 114,8 tỷ đồng), chủ yếu giải ngân cho các Dự án sau:

- Dự án điều chỉnh Khu làm việc văn phòng bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ hàng không tại 200 Nguyễn Sơn - giai đoạn 2: Đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong Q1/2021.
- Dự án xây dựng trung tâm giao dịch thương mại hàng không Việt Nam tại thành phố Pleiku.
- Thanh toán giá trị còn lại cho Dự án cải tạo mở rộng trạm nguồn cung cấp điện 200 NS đã hoàn thành từ trước năm 2020 nhưng được giãn tiến độ thanh toán.

3.2. ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP

a. Các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp năm 2021

Năm 2021, Tổng công ty không thực hiện 2 khoản vốn góp đã lên kế hoạch, bao gồm: TCS (86 tỷ bằng cổ tức) và NASCO (21,4 tỷ từ Quỹ đầu tư phát triển).

b. Đánh giá chung về hiệu quả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Trong năm 2021, hoạt động của nhiều doanh nghiệp vốn góp trong VNA Group, đặc biệt là các doanh nghiệp vận tải hàng không và cung ứng dịch vụ trong dây chuyền vận tải hàng không gặp nhiều khó khăn hơn so với năm 2020 do dịch bệnh COVID-19 kéo dài và bùng phát mạnh trên diện rộng tại nhiều tỉnh thành phố, nhiều khu công nghiệp và khu chế xuất. Các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách xã hội dài ngày đã dẫn tới sự gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa dịch vụ và làm ngưng trệ hoạt động SXKD. Bên cạnh đó, chính sách phòng chống COVID-19 của Nhà nước liên tục được điều chỉnh theo diễn biến của dịch bệnh nên các doanh nghiệp bị động trong quá trình điều hành SXKD cũng như phát sinh thêm nhiều chi phí. Các doanh nghiệp đã nỗ lực tìm kiếm nhiều giải pháp để vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh vừa đáp ứng nhu cầu tổ chức sản xuất, mở rộng thêm các dịch vụ mới nhằm tăng doanh thu, triệt để tiết giảm chi phí, tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong VNA Group nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của VNA Group.

c. Kết quả kinh doanh của các công ty có vốn góp trong năm 2021

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty con

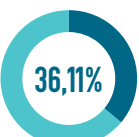
TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		VAECO		Là Công ty TNHH Một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty là cung ứng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy bay và động cơ, phụ tùng máy bay. Công ty được thành lập và xây dựng theo các tiêu chuẩn quy định của Cục Hàng không Việt Nam - CAAV, Cục Hàng không liên bang Mỹ - FAA và Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế - ICAO. Với các tiêu chuẩn như vậy, VAECO đáp ứng các yêu cầu về bảo dưỡng, sửa chữa cho tất cả các loại máy bay của VNA và hơn 40 hãng hàng không quốc tế bay đến Việt Nam. Theo Báo cáo tài chính trước kiểm toán năm 2021, tổng doanh thu hợp nhất của VAECO là 1.430 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 7,6 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 0,23%. Năm 2021, VAECO bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19 nhưng Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động điều hành sản xuất linh hoạt, thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm chi phí để đảm bảo Công ty có lợi nhuận đồng thời phục vụ kỹ thuật cho Vietnam Airlines và các hãng hàng không khác tuyệt đối an toàn, chất lượng, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD liên tục trong thời kỳ dịch bệnh.
2		SKYPEC		Là Công ty với bề dày kinh nghiệm và chuyên nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế với hệ thống kho chứa trên 210.000m³, mạng lưới hoạt động tại 18 cảng hàng không trên toàn lãnh thổ Việt Nam và 04 sân bay quốc tế lớn của Hàn Quốc. Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng rất khắt khe của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, Công ty không ngừng nâng cao và đầu tư bổ sung dàn xe tra nạp, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại và đã có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 với 10 phép thử tiêu chuẩn, Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001-2015 do Tổ chức QMS chứng nhận để luôn sẵn sàng phục vụ các khách hàng hàng không trong và ngoài nước một cách tối ưu nhất. Công ty đã áp dụng hệ thống giám sát thông minh, tích hợp GPS và camera hành trình, số hóa xe tra nạp, đảm bảo chuỗi cung ứng nhiên liệu của SKYPEC luôn được kiểm soát chặt chẽ. SKYPEC là nhà cung cấp nhiên liệu cho tất cả các hãng hàng không trong nước và gần 100 hãng hàng không nước ngoài đang khai thác tại Việt Nam. Dưới tác động của dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp trong năm 2021, điều kiện hoạt động SXKD của SKYPEC vẫn còn nhiều bất lợi, tuy nhiên SKYPEC đã và đang duy trì thực hiện tốt với các giải pháp điều hành SXKD đã được triển khai từ năm 2020 khi dịch COVID-19 mới bùng phát để ứng phó đại dịch, đảm bảo hoạt động SXKD được liên tục, vượt qua khó khăn, khủng hoảng và hiệu quả mang lại qua các giải pháp: giải pháp phòng chống dịch bệnh, giải pháp về điều hành hàng hóa, giải pháp quản trị và sử dụng hiệu quả chi phí SXKD, giải pháp về tái cấu trúc, sử dụng lao động, giải pháp về đảm bảo dòng tiền, quản lý công nợ.... nên mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, hoạt động SXKD của SKYPEC năm 2021 với tổng sản lượng đạt gần 653.211 tấn; chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 9.822,98 tỷ đồng, và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 101,11 tỷ đồng, chỉ số ROE đạt 9,98%.

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
3		VACS		Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không. Công ty đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO và cập nhật lên phiên bản mới nhất là ISO 9001:2015, cùng nhiều hệ thống quản lý chất lượng khác như ISO 45001:2018 (thay thế cho tiêu chuẩn OHSAS), HACCP... Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, các đường bay quốc tế đã cắt giảm, tạm ngừng khai thác nên sản lượng cung ứng suất ăn của VACS sụt giảm nghiêm trọng. Tuy nhiên, VACS đã nỗ lực tìm kiếm và triển khai các giải pháp tăng doanh thu phụ trợ, tiết kiệm chi phí: cung cấp suất ăn cho các khu cách ly, bệnh viện dã chiến; tiết kiệm tối đa các khoản chi phí chung, chi phí quản lý; điều chỉnh chính sách lao động, tiền lương. Song do dịch bệnh kéo dài, công ty phát sinh thêm nhiều chi phí phòng chống dịch bệnh như chi phí khử khuẩn, chi phí tổ chức sản xuất 3 tại chỗ... nên kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2021 của VACS lỗ 54 tỷ đồng
4		VIAGS		Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, tàu bay của các hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Với tiền thân là các xí nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất có hơn 25 năm kinh nghiệm, VIAGS sở hữu hơn 4.000 nhân viên tay nghề cao, được đào tạo từ cơ bản đến chuyên môn sâu và hệ thống trang thiết bị hiện đại luôn được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng cao nhất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISAGO. Năm 2021, do dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, điều kiện hoạt động SXKD của VIAGS vẫn còn nhiều bất lợi, tuy nhiên VIAGS đã và đang duy trì thực hiện tốt với các giải pháp điều hành SXKD đã được triển khai từ năm 2020 khi dịch Covid-19 mới bùng phát để ứng phó đại dịch, đảm bảo hoạt động SXKD được liên tục, vượt qua khó khăn, khủng hoảng và hiệu quả mang lại qua các giải pháp: giải pháp phòng chống dịch bệnh; giải pháp về quản lý dòng tiền, quản lý công nợ, vốn vay; giải pháp về quản trị và sử dụng hiệu quả chi phí SXKD Năm 2021, tổng sản lượng chuyến bay thực hiện đạt 49.370 chuyến, lợi nhuận trước thuế đạt 20,3 tỷ đồng, tỷ suất ROE là 5,2%. Năm 2021, VIAGS nhận được một số giải thưởng về chất lượng dịch vụ của các hãng hàng không (Eva Air, Raya Airways).
5		Pacific Airlines		Là hãng hàng không do VNA sở hữu 68,85% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hàng không. Năm 2021 thị trường hàng không nội địa chịu ảnh hưởng của các đợt bùng phát dịch liên tiếp làm nhu cầu đi lại suy giảm nghiêm trọng. Đặc biệt từ tháng 7 đến tháng 9, PA hầu như không còn khai thác các chuyến bay nội địa thường lệ, chỉ còn thực hiện vài chuyến bay hồi hương quốc tế và thuê chuyến; từ tháng 10/2021 thị trường nội địa được khai thác trở lại với số chuyến bay rất hạn chế và phải tuân thủ nghiêm các quy định phòng chống dịch bệnh. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu tăng cao ở mức bình quân cả năm đạt 72,61 USD/thùng (tăng 13,3% so với dự kiến đầu năm) làm phát sinh thêm chi phí. Trước tình hình hết sức khó khăn của PA, Vietnam Airlines đã có những giải pháp phối hợp nguồn lực, đàm phán với nhà cung cấp việc giãn/hoãn thanh toán, hỗ trợ giảm giá nhằm giúp PA vượt qua giai đoạn khủng hoảng. Song do phải ngừng khai thác quốc tế, thị trường nội địa đóng băng như nêu trên, kết quả năm 2021 PA lỗ 2.308 tỷ đồng.
6		NCTS		Là công ty hoạt động trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa chuyên nghiệp, hàng đầu tại khu vực phía Bắc, trong đó VNA sở hữu 55,13% vốn điều lệ. Trong tình hình dịch bệnh lan rộng với diễn biến phức tạp, toàn bộ quy trình phục vụ các chuyến bay đã được công ty chỉ đạo cụ thể, sát sao, bố trí nguồn lực phù hợp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các hãng hàng không, đồng thời đảm bảo công tác cách ly, phòng ngừa nguy cơ lây nhiễm ở mức độ cao nhất. Công ty luôn chú trọng thực hiện đúng cam kết với khách hàng, được các hãng hàng không đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, nhận được nhiều thư khen của các hãng như Etihad Airways, Asiana Airlines và đặc biệt là Eva Airways với giải thưởng "Best Station Performance Award for Excellent in Cargo Handling" năm 2020. NCTS đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh, tăng doanh thu và tiết kiệm chi phí để giữ vững hiệu quả hoạt động với chỉ tiêu tổng doanh thu đạt 751 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 281 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 85%.

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
7		TCS		Là công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá cho các chuyến bay quốc tế tại Sân bay Tân Sơn Nhất, trong đó VNA sở hữu 55% vốn điều lệ. Trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát mạnh tại TP.HCM, TCS đã nỗ lực đảm bảo công tác phục vụ không bị gián đoạn, giữ vững chất lượng dịch vụ và an ninh an toàn của các chuyến bay. Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí để giữ hiệu quả SXKD ở mức cao, tổng doanh thu của TCS đạt 981 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 597 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 510%.
8		TECS		Là công ty do VNA sở hữu 51% vốn điều lệ, hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: Dịch vụ khai thác và xử lý hàng hóa chuyên phát nhanh, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... Công ty đã tập trung nguồn nhân lực, triển khai các biện pháp để khai thác triệt để nguồn hàng, theo sát diễn biến phức tạp của dịch bệnh và của thị trường, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với chỉ tiêu tổng doanh thu của TECS đạt 473 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 126 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 189%.
9		VINAKO		Là Công ty do VNA sở hữu 65,05% vốn điều lệ, trong năm 2021, hoạt động SXKD truyền thống của VINAKO là giao nhận hàng hoá, đặc biệt là hàng xuất quốc tế đến thị trường Nhật Bản tiếp tục chịu ảnh hưởng rất lớn từ việc đóng cửa các đường bay thương mại do ảnh hưởng của dịch bệnh. Phát huy cơ hội khai thác hàng hoá thông qua hình thức Charter đã nắm bắt được trong năm 2020, năm 2021 nguồn thu chủ yếu của Công ty vẫn đến từ hoạt động này. Tuy dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến đội ngũ lãnh đạo trực tiếp và gây phát sinh tăng một số khoản chi phí phục vụ cho công tác phòng chống dịch bệnh, với sự hỗ trợ từ VNA, các giải pháp điều hành linh hoạt của Ban Giám đốc và sự nỗ lực của CBNV, VINAKO đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 29 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 255%.
10		NCS		Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, tiêu chuẩn HACCP, HALAL vào hoạt động sản xuất. Năm 2021, do dịch bệnh bùng phát diện rộng và kéo dài, hoạt động vận tải hàng không gần như đóng băng, tiêu chuẩn phục vụ suất ăn của các hãng hàng không thay đổi khiến cho hoạt động SXKD của NCS gặp rất nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Công ty đã có những chỉ đạo cụ thể, sát sao, bố trí nguồn lực phù hợp để đảm bảo công tác cách ly, phòng ngừa nguy cơ lây nhiễm ở mức độ cao nhất. Đồng thời, để cải thiện kết quả kinh doanh, NCS đã tìm nhiều giải pháp để đẩy mạnh việc cung ứng các sản phẩm phi hàng không ra thị trường như bánh trung thu, cung cấp suất ăn nhẹ cho trường học, các sản phẩm phục vụ Tết ..., triển khai sắp xếp, tổ chức lại các phòng/ban nhằm nâng cao năng suất lao động, thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi phí để cải thiện kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, do dịch bệnh ảnh hưởng quá nặng nề nên kết quả năm 2021 NCS bị lỗ 76,8 tỷ đồng.

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
11		NASCO		Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. NASCO đang hoạt động theo Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Năm 2021, cũng như các doanh nghiệp trong dây chuyền dịch vụ đồng bộ vận tải hàng không, hoạt động SXKD của NASCO bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp như tiết giảm tối đa các chi phí, nỗ lực tìm kiếm mở rộng thêm khách hàng mới, lĩnh vực kinh doanh mới để tăng doanh thu từ các hoạt động phụ trợ và duy trì được doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh quá nặng nề nên năm 2021 Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với tổng doanh thu hợp nhất đạt 264,7 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất lỗ 128 tỷ đồng.
12		VFT		Hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các hãng hàng không trong khu vực. Trong năm 2020, ĐHĐCĐ VFT đã thông qua để án triển khai huấn luyện đào tạo phi công cấp độ ATO 01, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Hiện Công ty đang triển khai các thủ tục và bước công việc cần thiết để có thể chính thức triển khai việc đào tạo phi công theo đề án đã được phê duyệt. Năm 2021, mặc dù VFT còn gặp nhiều khó khăn đến từ các đối thủ cạnh tranh và đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh đến các chương trình đào tạo phi công, song nhờ phát triển thêm dịch vụ đào tạo khác và tiết kiệm tối đa chi phí nên lợi nhuận trước thuế đạt 9,7 tỷ đồng, ROE đạt 11,47%.
13		AITS		Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. AITS hiện nay đóng vai trò quan trọng trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: Hệ thống camera an ninh, access control tòa nhà M2; Trang thiết bị phòng làm việc thông minh (SMO); Hệ thống phần mềm ứng dụng phục vụ Ban Tài chính kế toán và Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm; Hệ thống CLM; Hệ thống quản lý, giao nhận thiết bị Ipad và Wifi Box;... Năm 2021, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 6,1 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 7,87%.
14		ALSIMEXCO		Là đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ thuộc ngành Hàng không, trong đó nổi bật nhất với lĩnh vực cung ứng dịch vụ lao động trong lĩnh vực hàng không với doanh thu cung ứng cho VNA chiếm đến 80-90% tỷ trọng. Do vậy, trong thời điểm dịch bệnh, cũng như VNA, hoạt động SXKD chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đứng trước những khó khăn này, Công ty đã tận dụng kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý và cung ứng lao động, lợi thế trong cùng Group với các công ty con của VNA để tìm kiếm cơ hội ký thêm các hợp đồng mới, cải thiện kết quả SXKD của Công ty và phần nào bù đắp được sự sụt giảm nghiêm trọng của lĩnh vực kinh doanh chính, tận dụng hiệu quả nguồn tiền nhàn rỗi và kiểm soát chi phí tối đa, đảm bảo Công ty vẫn có lãi trong năm 2021, lợi nhuận trước thuế đạt 39 triệu đồng.
15		SABRE VIỆT NAM		Hoạt động trong lĩnh vực thiết lập thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống phân phối toàn cầu Sabre (GDS), Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, Dịch vụ trả lời điện thoại, Dịch vụ đại lý bán vé máy bay. Từ năm 2017, Sabre Việt Nam đã triển khai Dịch vụ chăm sóc khách hàng phục vụ Vietnam Airlines và năm 2020 bắt đầu mở rộng thêm dịch vụ chăm sóc khách hàng bên ngoài khác. Năm 2021, ảnh hưởng của dịch bệnh nói chung lên toàn thị trường cùng với sự cạnh tranh gay gắt với các GDS lớn khác gây khó khăn cho lĩnh vực GDS của Công ty. Cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh, việc triển khai tìm kiếm các khách hàng mới, tăng DT ngoài VNA cho Công ty cũng chưa được triển khai thực hiện như dự kiến. Do vậy, lĩnh vực CSKH tiếp tục là nguồn thu chính giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch với lợi nhuận trước thuế đạt 7 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 102%.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		VALC		Hoạt động trong lĩnh vực mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay. VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các hãng hàng không thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Năm 2021, khách hàng chính của VALC là VNA tiếp tục gặp khó khăn về dòng tiền. VALC đã triển khai các hỗ trợ cho VNA như giảm tiền thuê tàu bay, giãn tiến độ thanh toán, hoàn quỹ phục hồi tính năng động cơ, thay thế điều khoản đặt cọc bằng mở L/C; song song với đó nỗ lực đàm phán với ECA, các Ngân hàng tài trợ để giãn tiến độ thanh toán các khoản nợ gốc tương ứng. Lợi nhuận trước thuế đạt 15,8 triệu USD, tỷ suất ROE đạt 19,7%.
2		CAMBODIA ANGKOR AIR (K6)		Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia do Vietnam Airlines tham gia góp vốn. Năm 2021, cũng như các hãng hàng không trong khu vực và thế giới, hoạt động SXKD của K6 tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Để giảm thiểu thiệt hại, K6 đã thực hiện các giải pháp tái cơ cấu, giảm quy mô hoạt động, chỉ duy trì khai thác một số đường bay chính với tần suất tối thiểu, triệt để cắt giảm chi phí, đàm phán giãn hoãn thanh toán, tận dụng mọi cơ hội để tăng cường khai thác chuyến bay thuê chuyến, chuyển bay chờ hàng giúp bổ sung dòng tiền duy trì hoạt động. Kết quả năm 2021 K6 lỗ 17,7 triệu USD.
3		MASCO		MASCO là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung, bao gồm sản xuất và cung ứng suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên máy bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo nghề... Năm 2021, hoạt động SXKD của MASCO bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19. Công ty đã thực hiện các giải pháp tích cực để tiết giảm chi phí, tăng doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh phi hàng không, tái cơ cấu lại các lĩnh vực kinh doanh để giảm thiểu thiệt hại và duy trì hoạt động. Tuy nhiên, do bị ảnh hưởng nặng nề nên kết quả kinh doanh năm 2021 MASCO lỗ 14,8 tỷ đồng.
4		AIRIMEX		Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Năm 2021, dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Airimex. Để khắc phục khó khăn, Công ty đã triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu, tiết giảm chi phí để đảm bảo kết quả SXKD, trong năm 2021, tổng doanh thu của Airimex đạt 191,8 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2,3 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 5,9%.
5		APLACO		Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp nhựa. Aplaco là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành công nghiệp nhựa Việt Nam, có đầy đủ thiết bị và công nghệ hiện đại, sản xuất các loại sản phẩm hàng hoá có yêu cầu chất lượng cao, tiện dụng với kiểu dáng, màu sắc đa dạng, phong phú bao gồm: sản phẩm phục vụ các hãng hàng không, các sản phẩm nhựa bao bì đóng gói... đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tra nước ngoài (đặc biệt là thị trường châu Âu, châu Úc và Mỹ). Năm 2021, lợi nhuận trước thuế của Aplaco đạt 1,2 tỷ đồng.

Danh mục đầu tư khác

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		SPT		Là công ty cổ phần trong đó VNA sở hữu 0,36% vốn điều lệ (tương đương 4,3 tỷ VND), ngành nghề kinh doanh chính của SPT là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Hiện VNA chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2021 của công ty.

d. Tình hình tăng/ giảm vốn đầu tư của Vietnam Airlines tại các công ty con, công ty liên kết

Năm 2021, Tổng công ty không thực hiện góp vốn đầu tư mới vào các doanh nghiệp khác. Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Vietnam Airlines tại K6 với Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng và lộ trình triển khai, VNA đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp 35 triệu USD tại K6 – tương đương với 35% vốn điều lệ của K6.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH BẮT BUỘC THEO THÔNG TƯ 96/2020/TT-BTC

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

CHỈ TIÊU (Công ty mẹ)	ĐƠN VỊ TÍNH	2020	2021	CHÊNH LỆCH % 2021 SO 2020
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	58.571	58.040	-0,9%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	30.468	18.312	-39,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	-9.596	-12.209	27,2%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	852	376	-55,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-8.743	-11.833	35,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-8.755	-11.848	35,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	0%	0%	
Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	16	12	-22,8%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,15	0,19	30,4%
» Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,14	0,18	34,5%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	84,4%	90,9%	7,8%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	45,3%	55,7%	23,0%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	39,0%	35,2%	-9,9%
» Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,07	9,79	93,3%
» Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,39	10,01	85,5%
» Hệ số Vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn Vốn	%	15,6%	9,1%	-41,9%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	110,4	95,2	-13,8%
» Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,52	0,32	-39,3%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-28,73%	-64,70%	125,17%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-63,07%	-164,16%	160,29%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-13,73%	-20,32%	48,04%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-31,49%	-66,67%	111,69%

(*) Ghi chú: Tỷ lệ chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm liền trước của năm báo cáo và thực hiện chi trả trong năm báo cáo.

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

CHỈ TIÊU (Hợp nhất)	ĐƠN VỊ TÍNH	2020	2021	CHÉNH LỆCH % 2021 SO 2020
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	62.562	63.058	0,8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	40.538	27.911	-31,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	-11.898	-13.132	10,4%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	938	167	-82,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-10.960	-12.965	18,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-11.178	-13.279	18,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	0%	0%	
Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	278	185	-33,3%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,25	0,28	9,3%
» Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,20	0,22	13,0%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	90,3%	99,2%	9,8%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	52,3%	65,3%	25,0%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	38,0%	33,8%	-11,0%
» Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn chủ sở hữu	Lần	8,8	117,2	1235,8%
» Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	9,3	119,3	1182,3%
» Hệ số Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	9,7%	0,8%	-91,4%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	17,7	18,5	4,5%
» Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,6	0,4	-31,7%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-27,6%	-47,6%	72,5%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-90,6%	-402,6%	344,5%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-16,1%	-21,1%	31,5%
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	-29,3%	-47,0%	60,3%
» Hệ số EPS	Đồng	-7.704	-7.909	2,7%
» Hệ số P/E	Lần	-3,67	-2,92	-20,4%

Đánh giá tổng quát

Trong năm 2021, thị trường hàng không tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng trước sự lan rộng của dịch bệnh COVID-19 trên toàn cầu và tại Việt Nam. Trước các ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh COVID-19, Vietnam Airlines đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để ứng phó, điều hành hoạt động SXKD linh hoạt sát diễn biến bệnh dịch và tình hình thị trường, tích cực thực hiện các giải pháp bổ sung nguồn thu, đàm phán giảm giá, cắt giảm, tiết kiệm triệt để chi phí, chủ động đề xuất các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nỗ lực tối đa để cải thiện kết quả SXKD, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục.

Mặc dù tình hình dịch bệnh thực tế xấu hơn rất nhiều so với dự báo khi lập kế hoạch báo cáo ĐHĐCĐ năm 2021, với các nỗ lực tự thân, các chính sách hỗ trợ, giảm thuế, phí của Nhà nước, kết quả SXKD năm 2021 của Vietnam Airlines đã giảm lỗ so với kế hoạch đã báo cáo ĐHĐCĐ phê duyệt: lỗ trước thuế của công ty mẹ là -11.833 tỷ đồng (thấp hơn 1.075 tỷ đồng so với kế hoạch), lỗ hợp nhất trước thuế là -12.965 tỷ đồng (thấp hơn 1.339 tỷ đồng so với kế hoạch). Tuy nhiên với kết quả lỗ lớn, tình hình tài chính của Vietnam Airlines tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các chỉ tiêu tài chính vẫn diễn biến theo chiều hướng tiêu cực.

4.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ VÀ HỢP NHẤT

Ảnh hưởng của dịch Covid và các giải pháp ứng phó của TCTHK

Thị trường hàng không quốc tế trong năm 2021 vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Với việc dịch bệnh diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới và sự xuất hiện của các biến chủng mới, phần lớn thời gian trong năm Chính phủ tiếp tục thực hiện các biện pháp hạn chế, kiểm soát với khách nhập cảnh. Dịch bệnh bùng phát ở Việt Nam vào hai mùa cao điểm quan trọng là cao điểm Tết và cao điểm Hè năm 2021, đặc biệt đợt bùng phát dịch COVID-19 lần thứ 4 trong nước được đánh giá là nghiêm trọng nhất kể từ khi đại dịch xuất hiện và đã khiến hoạt động vận tải hàng không nội địa hầu như đình trệ trong Q3/2021 và ảnh hưởng kéo dài hết năm. Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại, nỗ lực cải thiện kết quả SXKD, đảm bảo thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục, bao gồm:

- **Về tổ chức sản xuất:** Chủ động đánh giá, xây dựng các kịch bản SXKD và điều hành hoạt động SXKD sát với diễn biến của thị trường, diễn biến dịch bệnh; tận dụng mọi cơ hội tham gia chương trình vận chuyển đồng bào hồi hương, vận chuyển chuyên gia; gia tăng tối đa cả về phương tiện và chiếm lĩnh thị trường đối với hoạt động vận chuyển hàng hóa; tận dụng mọi cơ hội để tăng nguồn thu và dòng tiền cho doanh nghiệp. Tổng công ty theo dõi sát sao tình hình thị trường vận tải hàng không quốc tế và việc triển khai các giải pháp khôi phục hoạt động vận tải HK quốc tế của IATA, của các nước và Chính phủ Việt Nam và đã bắt đầu triển khai khôi phục các đường bay quốc tế ngay khi điều kiện cho phép.
- **Về chính sách lao động, tiền lương:** Tiếp tục điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự để người lao động cùng chia sẻ các khó khăn theo từng giai đoạn diễn biến của dịch, tương ứng với quy mô hoạt động SXKD.
- **Cắt giảm chi phí, triệt để tiết kiệm:** Tiếp tục thực hiện triệt để việc cắt giảm, tiết kiệm các khoản chi, đàm phán giảm giá với các đối tác để giảm chi phí tối đa, kiến nghị các cơ quan hữu quan kéo dài các giải pháp hỗ trợ chính sách của Chính phủ và đã

được cho phép tiếp tục áp dụng chính sách giãn khấu hao, phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng, giảm 50% chi phí hạ cất cánh, giảm 30% thuế bảo vệ môi trường.

- **Về quản lý dòng tiền và thanh khoản, đàm phán giãn hoãn thanh toán:** Tăng cường công tác dự báo, quản lý chặt chẽ dòng tiền, tiếp tục sử dụng linh hoạt giải pháp vay ngắn hạn và giãn hoãn thanh toán với các nhà cung cấp, tái cơ cấu nợ vay tối đa để đảm bảo cân đối dòng tiền, duy trì thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục.

Sau khi dòng tiền được bổ sung từ gói vay tái cấp vốn 4.000 tỷ đồng và phát hành cổ phiếu tăng vốn 7.961 tỷ đồng, Vietnam Airlines đã thanh toán một phần các nghĩa vụ nợ để giảm bớt áp lực nợ quá hạn và hỗ trợ cho quá trình đàm phán với các nhà cung cấp, thanh toán các khoản nợ vay đến hạn với các ngân hàng (tổng số tiền đã sử dụng đến 31/12/2021 là 9.687 tỷ đồng). Với dự kiến tình hình SXKD còn nhiều khó khăn biến động khó lường, Vietnam Airlines tiếp tục quản lý chặt chẽ dòng tiền, sử dụng tiết kiệm trữ lượng tiền và hạn mức vay ngắn hạn cho những khoản chi cần thiết, cân đối thanh toán các khoản nợ quá hạn song song với tiếp tục đàm phán giảm chi phí, cơ cấu lại thời hạn và số tiền trả nợ các nhà cung cấp, đàm phán cơ cấu nợ vay để cải thiện kết quả SXKD và duy trì thanh khoản.

Tổng công ty chủ động, thường xuyên báo cáo Chính phủ, Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước (Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp), Bộ Tài chính và các Cơ quan Nhà nước cập nhật tình hình SXKD, kiến nghị các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ với ngành hàng không, với doanh nghiệp. Trong năm 2021, Vietnam Airlines đã hoàn thành ký kết, giải ngân các hợp đồng vay tái cấp vốn 4.000 tỷ đồng, hoàn thành phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn 7.961 tỷ đồng. Việc cơ bản hoàn thành triển khai hoạt động vay tái cấp vốn và phát hành cổ phần tăng vốn đã giúp mang lại nguồn tài chính vô cùng quan trọng cho Tổng công ty để bổ sung vốn chủ sở hữu, bổ sung dự trữ thanh khoản, thanh toán một phần nghĩa vụ nợ để giúp giải tỏa áp lực nợ và làm cơ sở đàm phán hiệu quả với các đối tác.

Doanh thu - Lợi nhuận công ty mẹ

CHỈ TIÊU	2020	2021	CHÉNH LỆCH 2021/2020	
			GIÁ TRỊ	%
Tổng doanh thu	33.266	20.109	-13.157	-39,6%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	30.468	18.312	-12.156	-39,9%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.938	1.421	-517	-26,7%
Thu nhập khác	861	376	-485	-56,3%
Tổng chi phí	42.010	31.943	-10.067	-24,0%
Lợi nhuận trước thuế	-8.743	-11.833	-3.090	35,3%
Lợi nhuận sau thuế	-8.755	-11.848	-3.093	35,3%

ĐVT: tỷ đồng

Do các tác động nặng nề của đại dịch COVID-19, kết quả SXKD năm 2021 tuy ở mức thấp hơn KH đã báo cáo ĐHĐCĐ nhưng không tránh khỏi sụt giảm nặng so với năm 2020. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 của công ty mẹ đạt 20.109 tỷ đồng, giảm 39,6% so với năm 2020 (bằng 81,5% kế hoạch đã báo cáo ĐHĐCĐ). Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 39,9% so với năm 2020 và chiếm 91,6% tổng doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm 26,7% so với cùng kỳ năm 2020 (giảm tuyệt đối 517 tỷ đồng), thu nhập khác giảm 56,3% so với cùng kỳ năm 2020 (giảm tuyệt đối 485 tỷ đồng). Doanh thu hoạt động tài chính giảm 517 tỷ đồng chủ yếu do nguồn thu từ cổ tức, lợi nhuận từ các công ty thành viên bị giảm mạnh do kết quả

SXKD năm 2020 các công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Trong năm 2021, Tổng công ty thu lãi từ chuyển nhượng 35% vốn góp tại Cambodia Angkor Air là 177 tỷ đồng, tuy nhiên do số thu cổ tức, lợi nhuận từ các doanh nghiệp vốn góp giảm 810 tỷ đồng nên doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 giảm so với năm 2020. Thu nhập khác giảm 485 tỷ đồng do một số khoản mục (thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, thu bồi thường bảo hiểm...) giảm so với năm trước.

Do doanh thu sụt giảm mạnh trước các tác động nặng nề của dịch COVID-19 trong năm 2021, công ty mẹ lỗ trước thuế năm 2021 là 11.833 tỷ đồng, mức lỗ cao hơn năm 2020 tuy nhiên đã cải thiện so với mức lỗ KH dự kiến 2021 báo cáo ĐHĐCĐ 1.075 tỷ đồng.

Nguồn vốn - Tài sản công ty mẹ

CHỈ TIÊU	2020	2021	TĂNG GIẢM SO 2020	
			Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	3.907	6.208	2.300	58,87%
2. Tài sản dài hạn	54.664	51.833	-2.831	-5,18%
TỔNG TÀI SẢN	58.571	58.040	-531	-0,91%
1. Nợ phải trả	49.410	52.767	3.357	6,79%
Nợ ngắn hạn	26.552	32.356	5.804	21,86%
Nợ dài hạn	22.857	20.410	-2.447	-10,71%
2. Vốn chủ sở hữu	9.161	5.274	-3.888	-42,43%
TỔNG NGUỒN VỐN	58.571	58.040	-531	-0,91%

ĐVT: tỷ đồng

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2021 là 58.040 tỷ đồng, giảm 531 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 (0,9%). Tài sản dài hạn cuối kỳ là 51.833 tỷ đồng, giảm 2.831 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó khoản mục tài sản cố định giảm 1.108 tỷ đồng chủ yếu do khấu hao (1.554 tỷ đồng); số tài sản cố định tăng 447 tỷ đồng chủ yếu là giá trị tòa nhà tại 200 Nguyễn Sơn - giai đoạn 2 (đã khởi công từ năm 2019 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2021) và một số máy móc, trang thiết bị. Trong năm 2021, Tổng công ty đã hoàn thành ký hợp đồng bán 2 máy bay Airbus A321CEO đã hết khấu hao, trong đó 1 máy bay đã bàn giao trong năm 2021 (máy bay còn lại đã được bàn giao trong tháng 1/2022); hoạt động thanh lý máy bay giúp bổ sung thu nhập năm 2021 là 91 tỷ đồng. Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn giảm 692 tỷ đồng chủ yếu do hoạt động thoái 35% vốn đầu tư tại Hãng hàng không Cambodia Angkor Air (giảm 620 tỷ đồng), ngoài ra số trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (72 tỷ đồng).

Tài sản ngắn hạn cuối kỳ là 6.208 tỷ đồng, tăng 2.300 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 (58,9%). Khoản mục tăng mạnh nhất là tiền và tiền gửi (đầu tư tài chính ngắn hạn), tăng gần 1.821 tỷ đồng do trừ lượng tiền được bổ sung sau khi hoàn thành phát hành cổ phiếu tăng vốn. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 426 tỷ đồng và các khoản mục tài sản ngắn hạn khác tăng 57 tỷ đồng.

Do các khoản mục tài sản ngắn hạn (chủ yếu là dự trữ tiền và tiền gửi) được bổ sung sau khi tăng vốn, cơ cấu tài sản biến động theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn so với cùng kỳ năm 2020 (tăng từ 6,7% lên 10,7%), giảm tỷ trọng tài sản dài hạn (giảm từ 93,3% xuống 89,3%). Khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh cũng được cải thiện so với cùng kỳ 2020.

Quy mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại ngày 31/12/2021 là 5.274 tỷ đồng, giảm 42,4% so với cùng kỳ năm 2020 (giảm tuyệt đối 3.888 tỷ đồng). Trong năm 2021, Tổng công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu giúp bổ sung vốn chủ sở hữu 7.961 tỷ đồng, tuy nhiên do khoản lỗ trong năm 2021 nên nguồn vốn chủ sở hữu vẫn giảm 3.888 tỷ đồng so với đầu năm.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2021 là 52.767 tỷ đồng, tăng 6,8% (tăng tuyệt đối 3.357 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2020. Trong cơ cấu nợ phải trả cuối năm 2021, nợ phải trả dài hạn chiếm 38,7%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 61,3%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là 32.356 tỷ đồng, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2020 (tăng tuyệt đối 5.804 tỷ đồng). Các khoản mục tăng chủ yếu do tăng các khoản phải trả nhà cung cấp quá hạn và các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Tổng dư nợ vay ngắn hạn và vay tái cấp vốn tại thời điểm 31/12/2021 là 8.099 tỷ đồng, tăng 2.978 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020. Trong đó số dư nợ vay tái cấp vốn là 4.000 tỷ đồng, thời hạn vay tái cấp vốn gia hạn hằng năm tối đa đến 3 năm. Nợ phải trả nhà cung cấp đến hạn, quá hạn đang dừng, giãn hoãn thanh toán đến 31/12/2021 là 12.851 tỷ VND, tăng thêm 6.892 tỷ VND so với cùng kỳ năm 2020. Sau khi nhận được gói hỗ trợ vay tái cấp vốn và tăng vốn, Tổng công ty đã cân đối trả một phần các khoản nợ quá hạn (7.687 tỷ đồng), song song với đó Tổng công ty đẩy mạnh đàm phán với các nhà cung cấp (đặc biệt là các bên cho thuê và sửa chữa bảo dưỡng) để đạt được các mục tiêu giảm chi phí trong ngắn hạn, dài hạn và cơ cấu thời hạn trả nợ đảm bảo lợi ích tối đa cho Tổng công ty. Tuy nhiên, với tình hình SXKD còn nhiều khó khăn kéo dài, các khoản nợ phải trả quá hạn mới vẫn tiếp tục phát sinh và gia tăng, Tổng công ty tiếp tục thực hiện cân đối thanh toán và giãn hoãn nợ để duy trì nguồn tiền đảm bảo khả năng hoạt động liên tục, không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Nợ phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2021 là 20.410 tỷ đồng, giảm 10,7% (giảm tuyệt đối 2.447 tỷ đồng) chủ yếu do giảm nợ vay và thuê tài chính dài hạn.

Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của công ty mẹ tại ngày 31/12/2021 là 22.871 tỷ đồng, giảm 3.490 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu do hoạt động trả nợ vay trong năm.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn trong năm 2021 bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng nhanh lên 10 lần, hệ số nợ (không bao gồm thu bán)/vốn chủ sở hữu tăng lên 9,8 lần. Cơ cấu nguồn vốn của Vietnam Airlines - công ty mẹ biến động theo hướng giảm tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (giảm từ 15,6% xuống 9,1%) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 84,4% lên 90,9%). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 53,7% lên 61,3%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 46,3% xuống 38,7%).

Doanh thu - Lợi nhuận hợp nhất

CHỈ TIÊU	2020	2021	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2020	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	42.433	29.752	-12.681	70,1%
<i>Doanh thu thuần</i>	40.538	27.911	-12.627	68,9%
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	882	1.557	675	176,5%
<i>Thu nhập khác</i>	1.013	284	-729	28,0%
2. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-157	-203	-46	129,4%
3. Lợi nhuận trước thuế	-10.960	-12.965	-2.005	118,3%
4. Lợi nhuận sau thuế	-11.178	-13.279	-2.101	118,8%

Hoạt động SXKD của các công ty thành viên trong toàn Vietnam Airlines đều bị ảnh hưởng chung do tác động nặng nề của đại dịch COVID, đặc biệt là các hãng hàng không và các công ty cung ứng nằm trong dây chuyền vận tải hàng không. Do đó kết quả SXKD hợp nhất năm 2021 cũng suy giảm mạnh. Tổng Doanh thu, thu nhập toàn Tổng công ty trong năm 2021 ở mức 29.752 tỷ đồng, bằng 70,1% so với năm 2020 và bằng 79,6% kế hoạch 2021. Trong đó, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 là 27.911 tỷ đồng, bằng 68,9% năm 2020 và chiếm khoảng 93,8% tổng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 176,5% so với năm 2020 (tăng tuyệt đối 675 tỷ đồng) chủ yếu do khoản lãi từ chuyển nhượng vốn góp tại hãng Hãng

hàng không Cambodia Angkor Air. Nội dung thu nhập khác giảm so với năm 2020 xấp xỉ 729 tỷ đồng do một số khoản mục (thu nhập thanh lý tài sản, thu bồi thường bảo hiểm...) thấp hơn năm 2020.

Lỗ hợp nhất trước thuế là -12.965 tỷ đồng, thấp hơn 1.339 tỷ đồng so với số lỗ kế hoạch đã báo cáo ĐHCĐ. Số lỗ hợp nhất năm 2021 đến từ kết quả lỗ của công ty mẹ, ngoài ra do kết quả SXKD của các công ty thành viên đều bị ảnh hưởng bởi dịch Covid, đặc biệt là các công ty hàng không và công ty con trong dây chuyền vận tải hàng không (cung ứng xăng dầu, dịch vụ mặt đất, cung ứng suất ăn...).

Tài sản - Nguồn vốn hợp nhất

CHỈ TIÊU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN	2020	2021	CHÊNH LỆCH 2021 SO 2020	
			Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	8.249	11.356	3.107	37,66%
2. Tài sản dài hạn	54.313	51.701	-2.611	-4,81%
TỔNG TÀI SẢN	62.562	63.058	496	0,79%
1. Nợ phải trả	56.490	62.534	6.044	10,70%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	32.705	41.194	8.489	25,95%
<i>Nợ dài hạn</i>	23.784	21.339	-2.445	-10,28%
2. Vốn chủ sở hữu	6.072	524	-5.548	-91,37%
TỔNG NGUỒN VỐN	62.562	63.058	496	0,79%

Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2021 là 63.058 tỷ đồng, tăng 496 tỷ đồng so với năm 2020 (0,8%). Tài sản ngắn hạn cuối năm là 11.356 tỷ đồng, tăng 3.107 tỷ đồng (37,7%) chủ yếu do tăng khoản mục tiền và tiền gửi ngắn hạn (đầu tư tài chính ngắn hạn) tăng 1.803 tỷ đồng, ngoài ra các khoản mục tài sản ngắn hạn khác tăng 1.304 tỷ đồng (các khoản phải thu ngắn hạn tăng 570 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng 401 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn khác tăng 333 tỷ đồng).

Tài sản dài hạn cuối năm là 51.701 tỷ đồng, giảm 2.611 tỷ đồng so với năm 2020. Trong đó, khoản mục tài sản cố định giảm 1.279 tỷ đồng (số giảm do khấu hao 2.049 tỷ đồng, số tăng tài sản cố định chủ yếu là các tài sản hình thành tại công ty mẹ và một số công ty con như VIAGS, VAECO, Skypec...), tài sản dở dang dài hạn giảm 258 tỷ do các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng. Khoản mục đầu tư vào các công ty liên kết giảm 338 tỷ đồng (chủ yếu do ảnh hưởng của việc thoái vốn tại Cambodia Angkor Air), phải thu dài hạn giảm 253 tỷ đồng, tài sản dài hạn khác giảm 483 tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản biến động theo hướng giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn (giảm từ 25,2% xuống 13,2%), tăng tỷ trọng tài sản dài hạn (tăng từ 74,8% lên 86,8%).

Quy mô vốn chủ sở hữu hợp nhất tại 31/12/2021 là 524 tỷ đồng, giảm 91,4% so với năm 2020. Nợ phải trả hợp nhất tại 31/12/2021 tăng 10,7% (tăng tuyệt đối 6.044

tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó nợ phải trả dài hạn chiếm khoảng 42,1%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm khoảng 57,9%.

Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2021 là 41.194 tỷ đồng, tăng 26,0% (tăng tuyệt đối 8.489 tỷ đồng) chủ yếu do tăng vay ngắn hạn và các khoản phải trả nhà cung cấp quá hạn chưa thanh toán. Nợ dài hạn tại 31/12/2021 là 21.339 tỷ đồng, giảm 10,3% (giảm tuyệt đối 2.445 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do giảm dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn.

Tổng dư nợ vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2021 là gần 11.031 tỷ đồng, tăng 4.237 tỷ đồng so với đầu năm. Tổng dư nợ theo các hợp đồng vay và thuê tài chính dài hạn của toàn Tổng công ty tại 31/12/2021 là 23.769 tỷ đồng, giảm 3.488 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do hoạt động trả nợ vay.

Các chỉ tiêu về nguồn vốn hợp nhất trong năm 2021 bị ảnh hưởng mạnh theo hướng tiêu cực: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng nhanh lên 119,3 lần, hệ số nợ (không bao gồm thu bán)/vốn chủ sở hữu tăng lên 117,2 lần. Cơ cấu nguồn vốn của Tổng công ty biến động theo hướng giảm mạnh tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (từ 9,7% xuống 0,8%) và tăng tỷ trọng vốn từ bên ngoài (nợ phải trả tăng từ 90,3% lên 99,2%). Trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng (từ 57,9% lên 65,9%), tỷ trọng nợ dài hạn giảm (từ 42,1% xuống 34,1%).

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



THỊ PHẦN

Duy trì vị thế dẫn đầu của VNA Group tại Việt Nam về thị phần vận tải hàng không hành khách

Thị phần nội địa

>50%

Thị phần quốc tế

>25%



VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Đảm bảo sản lượng vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa của VNA (bao gồm Vasco) phục hồi và tăng trưởng

- **2023:** Hồi phục về mức trước COVID
- **2021 - 2025:**

Vận chuyển
hành khách
tăng trưởng trên

11%
/năm



Vận chuyển
hàng hóa
tăng trưởng

17%
/năm



NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Đảm bảo năng suất lao động hồi phục và phát triển

- **2023:** Hồi phục về mức trước COVID
- **Sau 2023:** tăng trưởng bình quân
- **Chỉ số** hài lòng và gắn kết nhân viên:

5%
/năm

>90%



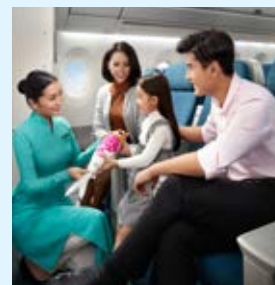
HÀNG KHÔNG SỐ

Chỉ số hãng hàng không công nghệ số (digital airline score) theo thang điểm đánh giá của SkaiBlu đạt trên 120 điểm.



CHỈ SỐ

Chỉ số hài lòng tổng thể - CSI (Customer Satisfaction Index) đạt trên 4 điểm. Chỉ số thiện cảm khách hàng (NPS) bình quân năm đạt trên 30 điểm



DỊCH VỤ

Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao



VII. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Khối lượng tiêu thụ năng lượng (nhiên liệu bay Jet A1, xăng A92, điện, dầu... và lượng nước sử dụng):

Năng lượng Vietnam Airlines tiêu thụ chủ yếu là nhiên liệu phản lực Jet A1 cho tàu bay và điện, xăng, dầu cho các loại phương tiện phục vụ hoạt động hành chính, văn phòng. Trong đó, tiêu thụ nhiên liệu Jet A1 chiếm đến 99,06% tổng năng lượng tiêu thụ quy đổi (Tấn dầu tương đương TOE/Tonne of Oil Equivalent) với 381.343 tấn nhiên liệu Jet A1 tương đương với 400.410 TOE. Nước phục vụ sinh hoạt văn phòng được lấy từ hệ thống cấp nước của các tỉnh, thành phố trên địa bàn. Nước thải sinh hoạt được xả trực tiếp ra hệ thống thoát nước chung của tỉnh, thành phố nơi có hoạt động của Vietnam Airlines. Nước cấp cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh trực tiếp như nước sử dụng trên tàu bay, lau rửa, vệ sinh tàu bay... do đối tác cung cấp dịch vụ thực hiện.

Tình hình thực hiện và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường:

Vietnam Airlines luôn đặt tiêu chí tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường lên hàng đầu thông qua việc hình thành tổ chức bộ máy, xây dựng và ban hành các quy chế, quy định cũng như việc triển khai thực hiện và kiểm soát, đánh giá hoạt động toàn bộ hệ thống. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo được quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 29/10/2020 của Bộ Giao thông Vận tải và Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ Công thương. Kiểm soát sử dụng hóa chất diệt côn trùng, vệ sinh tàu bay; phát động **"Tháng hành động vì môi trường năm 2021 hướng ứng ngày môi trường thế giới 5/6"**. Vietnam Airlines cũng đã thực hiện công tác đánh giá định kỳ tuân thủ quy định pháp luật về môi trường của các đối tác cũng cấp dịch vụ chính cho Vietnam Airlines.

Các hoạt động, chương trình bảo vệ môi trường trong năm:

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình bù đắp carbon (CORSIA) của ICAO, chương trình giảm phát thải của Châu Âu (EU-ETS) theo đúng lộ trình và quy định; Chương trình **"Zero Waste Vietnam Airlines"** nhằm loại bỏ, hạn chế tối đa sử dụng túi nilon để thay thế bằng các chất liệu thân thiện với môi trường. Triển khai 17 giải pháp tiết kiệm nhiên liệu tiêu thụ của đội tàu bay (tiết kiệm được 9.000 tấn Jet A1); thay thế dẫn bóng đèn huỳnh quang bằng bóng đèn led tiêu thụ ít điện năng hơn và phát động Tháng hành động vì môi trường năm 2021 cũng như hưởng ứng ngày môi trường thế giới 5/6. Hiện tại, Vietnam Airlines tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các nội dung của chương trình **"Zero Waste Vietnam Airlines"** như thay ống hút nhựa bằng ống hút tre/inox/vật liệu thân thiện môi trường; thay thế tấm nilon phủ thùng hàng bằng loại mỏng hơn hoặc bằng vật liệu thân thiện môi trường hơn... để triển khai khi điều kiện cho phép.

Đánh giá việc kiểm soát khí thải (CO₂ Emission), lượng nhiên liệu tiêu thụ, các sáng kiến/cải tiến để tiết kiệm nhiên liệu bay (Fuel Efficient), giảm tiếng ồn:

Vietnam Airlines đã nghiêm túc triển khai và thực hiện chương trình bù đắp carbon (CORSIA) của ICAO, chương trình giảm phát thải của Châu Âu (EU-ETS) theo đúng lộ trình và quy định (Kiểm tra - báo cáo - xác minh dữ liệu). Đồng thời triển khai áp dụng đồng bộ các giải pháp về quản lý, điều hành, khai thác đội tàu bay (17 giải pháp) nhằm giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ, qua đó giảm lượng phát thải CO₂ (Giảm được khoảng 28.440 tấn CO₂).

Cải thiện môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp:

Các cơ quan đơn vị trong Tổng công ty tiến hành cải trang, vệ sinh khu vực làm việc, trồng thêm cây xanh; đồng thời sắp xếp và chuyển dần sang sử dụng tài liệu điện tử thay thế tài liệu giấy.

2. CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG THU NHẬP VÀ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2021, mặc dù tình hình SXKD gặp nhiều yếu tố bất lợi, tình trạng thua lỗ kéo dài, mất khả năng cân đối dòng tiền do sản lượng khai thác sụt giảm, tuy nhiên, việc đảm bảo ổn định việc làm, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đặc biệt đối với lực lượng lao động có mức thu nhập tương đối thấp (chuyên viên, cán sự, nhân viên) luôn là ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo Vietnam Airlines.

Cuối năm 2021, Vietnam Airlines đã triển khai hệ thống thang bảng lương mới và sửa đổi chính sách phân phối thu nhập áp dụng từ 01/01/2022 nhằm khuyến khích động viên người lao động có năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng suất lao động cao và luôn nỗ lực hoàn thành tốt, xuất sắc công việc.

Vietnam Airlines luôn thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật. Các chế độ khác như bảo hiểm sức khỏe đối với người lao động và thân nhân, chế độ vé miễn giảm cước, chế độ hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, tự nguyện nghỉ chờ hưu... tiếp tục được duy trì. Ngoài ra, Vietnam Airlines đã triển khai thêm chính sách hỗ trợ đối với người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động do chính sách sách nhân lực mà tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng công ty để người lao động ổn định tài chính trong thời gian tìm kiếm việc làm hoặc học tập để chuyển công việc tại nơi làm việc mới.



3. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI

Năm 2021, mặc dù ảnh hưởng bởi đại dịch Covid nặng nề, cả nước hạn chế đi lại trong thời gian dài, hạn chế hội họp, tình hình SXKD vô cùng khó khăn; người lao động tiếp tục phải tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ không hưởng lương, đi làm bán thời gian, đời sống người lao động khó khăn nhưng với truyền thống lá lành đùm lá rách, VNA vẫn tiếp tục chia sẻ vì cộng đồng qua những chương trình:

- Hiến máu **"Giọt hồng Vietnam Airlines lần thứ 5"** Kết quả: Tổng số đơn vị máu kêu gọi hiến được tại chương trình là 639 đơn vị máu; Trong đó: HN: 222 đơn vị, Đà Nẵng: 80 đơn vị; Nội Bài: 302 đơn vị. Toàn Đoàn Tổng công ty trong năm 2021 đã hiến được 1.000 đơn vị máu.
- Ra quân làm sạch môi trường, dọn dẹp vệ sinh tại các đầu sân bay tại ba khu vực, thực hiện clip **"Sống như những đóa hoa"**, tôn vinh những chiến sỹ áo thiên thanh trong những ngày chống COVID.
- **"Sẻ chia yêu thương"** nhân dịp tháng thanh niên, trao 40 phần quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và 2 phần quà cho quỹ khuyến học trường tiểu học Vĩnh Trung 1, Vĩnh Trung 4.
- Tổ chức chương trình **"Xuân ấm vùng lũ 2021"** tại Quảng Bình, Hội đồng Hà Nội tổ chức chương trình **"Xây cầu dân sinh"** tại Yên Bái; Ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn huyện Sóc Sơn.
- Gửi tặng 3.000 cuốn báo Xuân Tân Sửu như là món quà văn hóa, tinh thần gửi tới các đơn vị, chiến sỹ ở biên giới, hải đảo và là tình cảm của CBNV VNA gửi tặng các đồng bào vùng sâu vùng xa trong dịp Tết đến Xuân về.

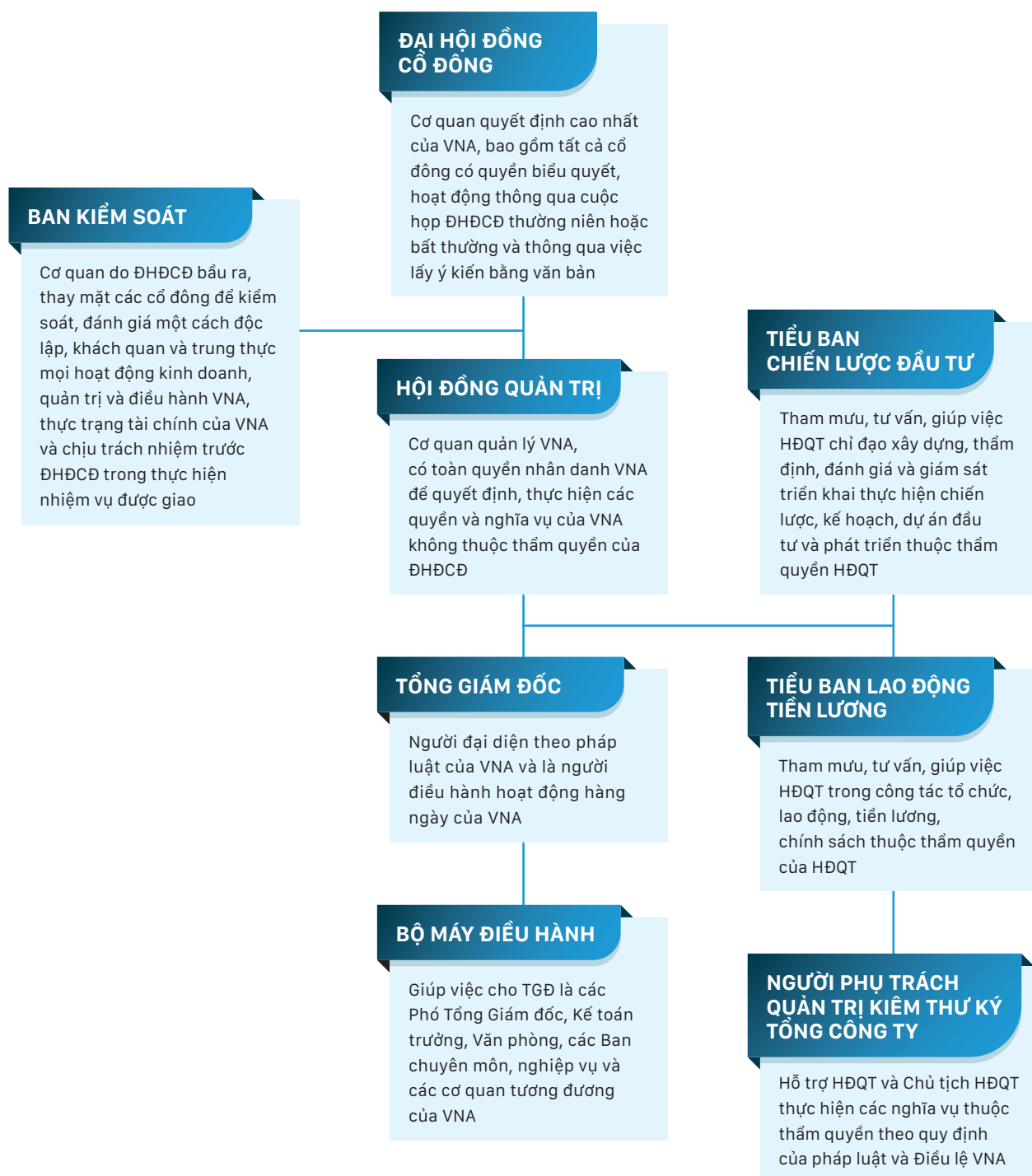




ĐỘI MÁY BAY THÂN RỘNG - HIỆN ĐẠI

VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. CẤU TRÚC QUẢN TRỊ CÔNG TY



NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị công ty đối với Vietnam Airlines tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ với nguyên tắc sau đây:



2. THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT
1	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	10/08/2020
2	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	10/08/2020
3	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	01/10/2016
4	Lê Trường Giang	Thành viên HĐQT	01/01/2021
5	Tomoji Ishii	Thành viên HĐQT	10/08/2020
6	Đinh Việt Tùng	Thành viên HĐQT	14/12/2021
7	Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT độc lập	14/12/2021

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
2	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	9/9	100%	
3	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
4	Lê Trường Giang	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
5	Tomoji Ishii	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
6	Đinh Việt Tùng	Thành viên HĐQT	0/0	100%	Được bầu là thành viên HĐQT vào ngày 14/12/2021
7	Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT độc lập	0/0	100%	Được bầu là thành viên HĐQT vào ngày 14/12/2021

3. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

3.1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Vietnam Airlines tổ chức ngày 14/07/2021 đã bầu ông Nguyễn Thanh Tùng thay thế cho ông Lại Hữu Phước.
- ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Vietnam Airlines tổ chức ngày 14/12/2021 đã bầu bà Nguyễn Thị Hồng Loan thay thế cho ông Nguyễn Thanh Tùng.

Nhân sự Ban Kiểm soát hiện có:

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN BKS	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	10/05/2019	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, CPA Việt Nam, CPA Australia
2	Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên BKS	Kiểm soát viên kiêm nhiệm từ 15/04/2015; Kiểm soát viên chuyên trách từ 01/01/2021	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên BKS	14/12/2021	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

3.2. NỘI DUNG CHÍNH CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021, Ban Kiểm soát tổ chức 8 cuộc họp nhằm thống nhất các nội dung chính sau:

- Triển khai nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát và các nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
- Tổ chức công tác thẩm định và thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính năm 2020, 6 tháng đầu năm 2021; Kết quả soát xét Báo cáo giám sát tài chính năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của Tổng công ty.
- Tổ chức giám sát thường xuyên hoạt động SXKD, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư của Tổng công ty.
- Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS trước khi báo cáo Ủy ban Quản lý vốn và trình ĐHĐCĐ.
- Đánh giá tình hình hoạt động của BKS năm 2021 và xây dựng kế hoạch hành động năm 2022.
- Thống nhất giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.

3.3. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

a. Hoạt động giám sát

- Giám sát hoạt động SXKD thông qua việc tham gia các cuộc họp HĐQT, giao ban Ban Giám đốc, giao ban điều hành, giao ban khối và các cuộc họp khác khi cần thiết.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ và hợp nhất; Thẩm định báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Soát xét Báo cáo giám sát thi công của Tổng công ty năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ và hợp nhất.
- Nghiên cứu soạn thảo và trình ĐHĐCĐ phê duyệt, ban hành Quy chế hoạt động của BKS; Tham gia góp ý kiến vào việc xây dựng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và công tác lập kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty mẹ và các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

- Giám sát hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính trên cơ sở các báo cáo, tờ trình của Tổng Giám đốc, chỉ đạo của HĐQT.
- Giám sát hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp thông qua báo cáo của Ban Đầu tư mua sắm, Kế toán Kiểm toán và báo cáo của các kiểm soát viên.
- Giám sát tình hình thực hiện khuyến cáo của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thông qua báo cáo của Ban Kế toán kiểm toán; Giám sát thường xuyên tình hình thực hiện khuyến cáo của Ủy ban Quản lý vốn và của BKS.
- Lập báo cáo phục vụ cho công tác quản trị của Tổng công ty định kỳ 6 tháng và cả năm.
- Lập Báo cáo giám sát Nghị định 49/2014/NĐ-CP theo yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn 6 tháng và cả năm.
- Tham gia đóng góp ý kiến vào việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật và thực hiện các công việc khác của Cổ đông lớn (Ủy ban Quản lý vốn) khi có yêu cầu, như: Tổng kết thi hành luật đất đai năm 2013, góp ý dự thảo quy chế nghị định phần vốn nhà nước tại Tổng công ty; góp ý sửa đổi luật 69...
- Giám sát việc triển khai tái cơ cấu của Tổng công ty; việc tổ chức giải ngân khoản tiền hỗ trợ từ khoản vay 4.000 tỷ đồng; phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ 8.000 tỷ đồng.
- Hoàn thành các cuộc giám sát chuyên đề; Thực hiện các giải pháp về CNTT và chuyển đổi số (AQD, GDPR); Tiến độ triển khai tái cơ cấu cổ đông PA.
- Giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

b. Kết quả giám sát, kiểm tra năm 2021

Tình hình SXKD năm 2021 của Vietnam Airlines

- Năm 2021, hoạt động vận tải hàng không của Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty thành viên tiếp tục bị ảnh hưởng vô cùng nặng nề trước sự bùng phát và lan rộng, diễn biến khó lường chưa có hồi kết của đại dịch COVID-19 trên toàn cầu. Tổng công ty đã nỗ lực, phấn đấu để giảm lỗ thấp hơn so với kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Ước thực hiện năm 2021: Doanh thu Công ty mẹ đạt 19.691 tỷ đồng, tương ứng với 79,8% kế hoạch; Lỗ trước thuế Công ty mẹ đạt 12.688 tỷ đồng, giảm lỗ được 1,7% so với kế hoạch; Lỗ trước thuế hợp nhất đạt 14.054 tỷ đồng, giảm lỗ được 1,75% so với kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ.

Đánh giá công tác quản trị điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc

Hoạt động của Tổng công ty

- Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 diễn ra muộn hơn so với quy định (14/07/2021).
- Ngày 14/12/2021, Tổng công ty đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung Thành viên HĐQT, Thành viên BKS. Theo đó, ông Đinh Việt Tùng được bầu làm Thành viên HĐQT (đại diện vốn của SCIC), ông Trường Văn Phước làm Thành viên HĐQT độc lập và bầu lại ông Tạ Mạnh Hùng làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 5 năm.
- Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp, gửi phiếu xin ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT 178 nội dung, ban hành 215 Nghị quyết, 106 Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định đã được HĐQT, Tổng Giám đốc triển khai phù hợp với quy mô thị trường bị thu hẹp và diễn biến phức tạp của dịch bệnh.
- HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban giám đốc điều hành đã luôn chủ động triển khai các giải pháp để ứng phó và giảm thiểu tối đa do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh; tận dụng sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, đẩy mạnh việc đàm phán với các nhà cho thuê tàu bay để nghị hỗ trợ tổng thể với mục tiêu tái cơ cấu đội bay; đàm phán giảm giá, giãn hoãn thanh toán; thực hiện nhiều giải pháp nỗ lực tự thân để duy trì hoạt động liên tục của Tổng công ty.
- HĐQT, Tổng Giám đốc đã tập trung công tác xây dựng kế hoạch SXKD 2022 và kế hoạch 2021-2025 báo cáo Ủy ban Quản lý vốn; tập trung xử lý những ảnh hưởng của đại dịch COVID-19; chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp; vừa bảo đảm an toàn trong khai thác, phòng, chống dịch bệnh, vừa tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu và dòng tiền để duy trì hoạt động của Tổng công ty.
- HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban giám đốc điều hành bước đầu đã xây dựng được mô hình tái cơ cấu tại các Khối; điều chuyển một số cán bộ có chất lượng đảm đương một số vị trí then chốt; cắt giảm một số đầu mối đã mang lại hiệu quả và tiết giảm được chi phí cho Tổng công ty.
- Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty trước ảnh hưởng của dịch COVID-19, sáng ngày 07/07/2021 Tổng công ty đã ký kết hợp đồng tín dụng với 3 ngân hàng SeABank, MSB và SHB

với tổng số tiền cho vay 4.000 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2021 Tổng công ty đã hoàn thành ký hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp riêng lẻ và đang trong quá trình làm việc với các ngân hàng để ký kết hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố chung và cơ bản đã giải ngân hết khoản tiền này.

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Tổng công ty đã được Đại hội thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn 8.000 tỷ đồng. Theo đó, 800 triệu cổ phiếu đã được Vietnam Airlines phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu ngày 14/09/2021, tổng số cổ phiếu đã phân phối là 796,1 triệu cổ phiếu, tương ứng 99,51% tổng số cổ phiếu phát hành. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 7.961 tỷ đồng. Vốn điều lệ của Vietnam Airlines tăng lên đạt mức 22.143 tỷ đồng, tương đương gần 1 tỷ USD.
- Đến 31/12/2021, Tổng công ty đã triển khai thực hiện giải ngân 5.687 tỷ đồng đồng (trả nợ vay ngân hàng 2.321 tỷ đồng, trả nợ quá hạn 3.366 tỷ đồng).
- Trong năm 2021, HĐQT, Tổng Giám đốc đã chú trọng đến công tác chuyển đổi số trong toàn Tổng công ty.
- Việc thực hiện hiện kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán cũng như của Ủy ban Quản lý vốn, BKS được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Một số nội dung tồn đọng, vướng mắc về cơ chế chính sách vẫn đang được tiếp tục triển khai.
- Việc thoái vốn tại K6 đã được HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện vốn tại K6 tích cực triển khai và đạt được nhiều kết quả khả quan. Hai bên đã hoàn tất thông qua kết quả đàm phán; ký bộ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và đối tác đã chuyển tiền.

- Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, việc bán tàu bay không thành công đã ảnh hưởng tới dòng tiền và kết quả SXKD không đạt được như dự kiến. Hiện tại Tổng công ty đang tích cực đẩy mạnh triển khai việc này trong quý 1/2022.

Báo cáo tài chính và công tác quản lý tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty đang được các cơ quan đơn vị tập trung công tác quyết toán và kiểm toán.
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty kiểm toán độc lập Deloitte thực hiện kiểm toán. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 đã được Deloitte soát xét chấp nhận, trong đó lưu ý về vấn đề nhấn mạnh:
 - › Lưu ý người đọc đến thuyết minh số 02 phần Thuyết minh BCTC hợp nhất giữa niên độ liên quan đến các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn; Kết quả SXKD lỗ; Lưu chuyển tiền thuần từ SXKD âm; nợ quá hạn và Vốn chủ sở hữu âm.
 - › Lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh BCTC hợp nhất giữa niên độ liên quan đến ảnh hưởng việc thay đổi chính sách khấu hao và phân bổ chi phí bảo dưỡng sửa chữa tàu bay.
- Tình hình tài chính của Tổng công ty năm 2022 hiện vẫn đang tiếp tục khó khăn, rủi ro tiềm ẩn; nợ quá hạn vẫn đang ở mức cao; dòng tiền vẫn thiếu hụt lớn; cân đối tài chính không được đảm bảo, nguy cơ âm vốn chủ sở hữu trên BCTC hợp nhất và việc niêm yết cổ phiếu trên sàn HOSE.

4. MỐI QUAN HỆ GIỮA BKS VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

- BKS đã luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tổng công ty; lợi ích của các cổ đông và người lao động theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- Các tài liệu, thông tin mà BKS yêu cầu đều được HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, các cơ quan đơn vị phối hợp giải trình, cung cấp đầy đủ, đúng thời gian quy định.
- Ngoài ra, BKS luôn nhận được sự hỗ trợ, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác kiểm soát từ cổ đông lớn (Ủy ban Quản lý vốn) để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

5. BÁO CÁO GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/ GIẢM
		SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
1	Đặng Ngọc Hòa	9695	0,000683569	21595	0,000975	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
2	Lê Hồng Hà	8319	0,000582	19531	0,000882	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
3	Tạ Mạnh Hùng	9.005	0,00063	20604	0,000930	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
4	Lê Trường Giang	7999	0,00056	19030	0,000859	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
5	Lê Hương Giang	6.000	0,0004	0	0	Bán cổ phiếu
6	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	0	0	689.488.080	31,14	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
7	Trịnh Ngọc Thành	9706	0,0007	21680	0,000979	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
8	Lê Thị Phương Lan	699	0,0000493	6.500	0,000294	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
9	Nguyễn Hồng Lĩnh	8204	0,0006	19351	0,000874	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
10	Trịnh Hồng Quang	8434	0,0006	10.500	0,000474	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
11	Trịnh Hồng Minh	1.500	0,00015	6.673	0,000301	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
12	Nguyễn Chiến Thắng	5.000	0,0004	14.340	0,0006476	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
13	Tô Ngọc Giang	2.194	0,00015	7.951	0,000359	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/ GIẢM
		SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
14	Nguyễn Xuân Tú	2311	0,0002	8.831	0,000399	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
15	Đinh Văn Tuấn	5.899	0,0000042	10.905	0,0005	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
16	Trần Thanh Hiền	8432	0,0006	19707	0,000890	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
17	Nguyễn Thị Thiên Kim	4455	0,0003	13485	0,00061	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
18	Mai Hữu Thọ	8204	0,0006	12831	0,000579	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu
19	Mai Hữu Hà	20.000	0,000975	0	0	Bán cổ phiếu
20	Nguyễn Xuân Thủy	4045	0,0003	12846	0,000580	Mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu

6. HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Năm 2021 Người phụ trách quản trị - Thư ký Vietnam Airlines đã hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Cầu nối giữa HĐQT và Ban điều hành
- Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin theo ủy quyền trên thị trường chứng khoán.

7. QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

"Vietnam Airlines cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của Vietnam Airlines và nhu cầu phát triển của đất nước"

Các hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Vietnam Airlines thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới các cổ đông và nhà đầu tư.

Vietnam Airlines luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thường xuyên cập nhật, đăng tải rộng rãi các hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời tiếp cận thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã trực tiếp giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines.

IX. QUẢN TRỊ RỦI RO

1. RỦI RO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Năm 2022, trước sự xuất hiện của các biến chủng như Delta, Omicron... IATA đã điều chỉnh dự báo về triển vọng ngành hàng không, theo đó nhu cầu thị trường năm 2022 dự kiến đạt 61% so với năm 2019, thấp hơn nhiều so với mức dự báo hồi tháng 04/2021 (88% so với năm 2019), trong đó nhu cầu thị trường quốc tế chỉ đạt 44% so với năm 2019. Tình trạng thừa tải cung ứng tiếp tục là vấn đề lớn của ngành; hệ số sử dụng ghế chỉ đạt trung bình 75,1% thấp hơn nhiều so với mức của năm 2019 (82,6%).
- Đối với thị trường Việt Nam, dự kiến thị trường sẽ có những dấu hiệu tích cực cả ở nội địa và quốc tế. Tuy nhiên, các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến thị trường hàng không còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường. Cụ thể:
 - Đối với thị trường nội địa, mặc dù những thuận lợi hơn do tiến độ tiêm vaccine song tình hình dịch bệnh và khả năng phục hồi kinh tế còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, khó lường.
 - Đối với thị trường quốc tế đi/đến Việt Nam, trong bối cảnh tình hình dịch bệnh trên thế giới đang diễn biến phức tạp, dự kiến thị trường ít có khả năng hồi phục trong nửa đầu 2022.

Trong các giai đoạn sau, ngay cả khi phục hồi, tốc độ phục hồi dự kiến sẽ chậm do dự kiến khách du lịch, vốn chiếm tới 70% lượng khách chưa thể phục hồi trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay.

- Rủi ro giá nhiên liệu năm 2022 được đánh giá là rất lớn do nhiều yếu tố không chắc chắn về kinh tế vĩ mô, thị trường năng lượng và địa chính trị thế giới, đặc biệt là tình hình chiến sự căng thẳng xảy ra cuối tháng 02/2022 giữa Nga và Ukraine trong khi chi phí nhiên liệu bay chiếm tỷ trọng không nhỏ trong cơ cấu chi phí của Vietnam Airlines.
- Rủi ro tỷ giá USD/VND và tỷ giá giữa các đồng tiền trên thế giới với USD tác động lớn đến doanh thu và chi phí hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Hầu hết các chi phí lớn như nhiên liệu, sửa chữa bảo dưỡng v.v được thanh toán bằng USD, doanh thu của Vietnam Airlines gồm loại tiền tệ khác nhau nên việc tỷ giá USD/VND nên biến động tỷ giá trên thế giới sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Vietnam Airlines.

2. RỦI RO PHÁP LÝ

- Hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines tuân thủ tất cả luật áp dụng về mọi khía cạnh quan trọng. Vietnam Airlines đã chưa từng và đang không phải chịu bất kỳ hình phạt nghiêm trọng nào áp dụng bởi bất kỳ Cơ quan có thẩm quyền nào trong và ngoài nước.
- Về khả năng xảy ra các tranh chấp, tố tụng liên quan đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của

Vietnam Airlines: Theo hiểu biết và tin tưởng tốt nhất của Vietnam Airlines tại thời điểm phát hành Báo cáo thường niên này, không có bất kỳ việc tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Vietnam Airlines.

Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách nước sở tại.
- Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế để hỗ trợ Vietnam Airlines trong việc tuân thủ pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Nâng cao nhận thức pháp luật của toàn bộ các cơ quan, đơn vị và người lao động của Vietnam Airlines.

3. RỦI RO CẠNH TRANH

Năm 2021, tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp trong và ngoài nước. Trong bối cảnh các hãng hàng không chưa khai thác thường lệ các đường bay quốc tế trở lại, các hãng hàng không tiếp tục tăng tải trên các đường bay nội địa dẫn đến cạnh tranh gay gắt, giá vé bình quân tiếp tục sụt giảm. Dịch bệnh bùng phát ở

Việt Nam vào hai cao điểm quan trọng là cao điểm Tết và cao điểm Hè, nhiều tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách xã hội, nhu cầu đi lại của hành khách giảm mạnh. Giá vé bình quân các nội địa giảm 18% so cùng kỳ. Doanh thu trung bình chỉ bằng 50% so 2019.

4. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH HÀNG KHÔNG

- Hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu còn nhiều hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển dẫn tới số lượng điểm đỗ tàu tại các sân bay nội địa hạn chế.
- Chính sách Nhà nước về việc tiếp cận với quyền khai thác giờ hạ/cất cánh tại các sân bay lớn, quốc tế. Trong khi đó, với tốc độ nghiên cứu và phát triển công nghệ diễn ra nhanh chóng, các sản phẩm, giải pháp công nghệ thay thế cho dịch vụ hàng không như video-conferencing, tàu siêu tốc đang tạo ra nhiều thách thức cạnh tranh cho các hãng hàng không.
- Khan hiếm nguồn lực cao cấp, đặc biệt là nguồn lực về phi công, kỹ sư kỹ thuật.
- Yêu cầu duy trì hiệu suất sử dụng máy bay ngày càng cao và khai thác có hiệu quả để đảm bảo doanh thu khai thác từ máy bay, được đáp ứng một phần thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay.
- Công ty cũng có thể phải chịu tổn thất tiềm năng đáng kể trong trường hợp xấu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng không, dẫn tới thiệt hại về tài sản và hình ảnh của Vietnam Airlines.

5. RỦI RO AN NINH THÔNG TIN

Vietnam Airlines là một trong các doanh nghiệp đã tiên phong triển khai đầy đủ hệ thống quản trị An ninh thông tin theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và quốc tế, bao gồm: xây dựng cơ cấu tổ chức về An ninh thông tin, chính sách An ninh thông tin và triển khai hệ thống phòng chống tấn công mạng (Cyber Security). Tuy nhiên trong bối cảnh tình hình an ninh mạng trên thế giới đang diễn biến ngày càng phức tạp, Vietnam Airlines phải đối mặt với nhiều nguy cơ mất An ninh thông tin mới.

- Hành lang pháp lý về bảo vệ bảo vệ thông tin, đặc biệt là thông tin cá nhân chưa hoàn chỉnh, dẫn đến tình trạng có nhiều vi phạm về sử dụng thông tin chưa được kiểm chứng hoặc mua bán thông tin cá nhân.
- Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, Vietnam Airlines đã tổ chức phương án làm việc từ xa cho một lượng lớn cán bộ nhân viên làm tăng nguy cơ rủi ro về thông tin.

- Ý thức của nhân viên chưa cao dẫn đến còn xảy ra tình trạng lọt vô tình/cố tình lọt thông tin nội bộ và dữ liệu cá nhân, thậm chí bị lừa đảo.

Do đó, năm 2021, Vietnam Airlines đẩy mạnh công tác đánh giá rủi ro An ninh thông tin bằng cách tăng cường giám sát an ninh mạng, rà soát, đánh giá về lộ lọt thông tin và xử lý kỷ luật nghiêm các trường hợp vi phạm. Tổ chức đánh giá rủi ro cho các hệ thống CNTT khối khai thác bay, tài chính, thương mại... Đặc biệt Vietnam Airlines đã phối hợp với Cục A05 tổ chức đánh giá an ninh thông tin cho các hệ thống CNTT của Vietnam Airlines và đảm bảo các hệ thống CNTT của VNA tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đảm bảo an ninh mạng...

6. CÁC RỦI RO KHÁC

- Kiểm toán không phát hiện được những yếu kém của Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty.
- Các thủ tục kiểm toán không phát hiện được các sai phạm trọng yếu.
- Kiểm toán viên đưa ra ý kiến không xác đáng về đối tượng được kiểm toán.

Biện pháp quản trị rủi ro

- Đảm bảo đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định, có trình độ và năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc, chú trọng đạo đức nghề nghiệp của các kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ.
- Đảm bảo tính độc lập và khách quan của kiểm toán viên cũng như bộ phận Kiểm toán nội bộ
- Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm toán nội bộ theo thông lệ và quy định kiểm toán hiện hành, trong đó có việc lập kế hoạch, xây dựng chương trình kiểm toán và kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán.
- Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán đủ năng lực và uy tín thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kiểm toán, yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác nhận ngày công làm việc của từng cấp bậc kiểm toán viên, nhận xét về hoạt động của các kiểm toán viên nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Hàng năm, thực hiện xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cho năm tiếp theo.



DỊCH VỤ HẠNG THƯƠNG GIA **TẬN TÌNH - CHU ĐÁO**

X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch
Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Lê Hồng Hà	Ủy viên
Ông Lê Trường Giang	Ủy viên
Ông Tomoji Ishii	Ủy viên
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2021)
Ông Trương Văn Phước	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Ông Tô Ngọc Giang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Ông Đinh Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Ông Lê Đức Cảnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

125C
NG T
VHH
OIT
FNA
1-1P

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành hàng không toàn cầu trong đó có Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp và cho thuê để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Tổng Công ty đã đề xuất Chính phủ Việt Nam thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ kịp thời để đảm bảo Hãng hàng không Quốc gia duy trì hoạt động liên tục. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2022





Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: *M&P*/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 5 năm 2022, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- a) Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 29.838 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 15.779 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ với số tiền là 13.279 tỷ đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất âm với số tiền là 6.759 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và cho thuê. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.
- b) Chúng tôi cũng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Theo Công văn của Bộ Tài chính ban hành vào ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Nghị quyết của Chính phủ ban hành ngày 06 tháng 8 năm 2021, Tổng Công ty đã áp dụng hướng dẫn kế toán riêng về việc ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, các ảnh hưởng của việc áp dụng hướng dẫn này được trình bày tại Thuyết minh số 12, 13 và 14.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 5 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4438-2018-001-1

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.356.265.055.530	8.249.494.570.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.713.826.600.918	1.653.719.016.108
1. Tiền	111		835.306.600.918	780.779.016.108
2. Các khoản tương đương tiền	112		878.520.000.000	872.940.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.229.537.947.198	487.031.718.663
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.229.537.947.198	487.031.718.663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.999.680.977.124	3.430.155.968.255
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.136.228.109.743	2.049.596.342.174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	325.602.441.487	290.056.780.969
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.832.873.306.547	1.284.193.167.125
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(295.022.880.653)	(193.712.831.884)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	22.509.871
IV. Hàng tồn kho	140	11	2.250.462.486.495	1.849.267.988.235
1. Hàng tồn kho	141		2.424.780.800.289	1.992.991.242.729
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(174.318.313.794)	(143.723.254.494)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.162.757.043.795	829.319.879.035
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	393.888.240.581	533.273.193.394
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		734.787.436.934	285.395.433.644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	34.081.366.280	10.651.251.997

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.701.472.352.946	54.312.643.125.608
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.103.045.224.145	1.356.393.790.259
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	2.701.395.335	1.412.487.563
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.101.968.999.311	1.355.552.018.696
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(1.625.170.501)	(570.716.000)
II. Tài sản cố định	220		43.252.176.742.937	44.531.154.826.285
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.348.214.039.213	16.837.775.631.638
- Nguyên giá	222		38.240.248.594.914	38.315.430.088.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.892.034.555.701)	(21.477.654.457.351)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	26.721.703.122.470	27.468.911.077.422
- Nguyên giá	225		44.667.923.191.304	44.667.782.667.496
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.946.220.068.834)	(17.198.871.590.074)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	182.259.581.254	224.468.117.225
- Nguyên giá	228		787.948.999.881	777.629.239.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(605.689.418.627)	(553.161.122.645)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		146.060.878.602	403.868.334.958
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	146.060.878.602	403.868.334.958
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.636.328.930.157	1.974.087.482.947
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	928.195.500.637	1.358.692.110.156
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	815.927.722.471	568.014.304.171
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(114.594.292.951)	(2.618.931.380)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	6.800.000.000	50.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.563.860.577.105	6.047.138.691.159
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.301.971.412.860	5.820.794.059.565
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.422.195.265	7.916.643.821
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		256.466.968.980	218.427.987.773
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		63.057.737.408.476	62.562.137.695.904

15
14
13
12
11
10
9
8
7
6
5
4
3
2
1

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		62.533.526.914.521	56.489.803.905.280
I. Nợ ngắn hạn	310		41.194.055.907.354	32.705.409.980.324
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	19.112.542.444.830	13.306.737.093.371
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		323.324.980.577	286.965.959.211
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	185.465.593.454	278.207.159.292
4. Phải trả người lao động	314		1.070.339.472.083	983.236.254.692
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.862.833.431.995	4.086.985.335.336
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	405.392.155.538	742.674.749.385
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	825.150.095.131	528.583.840.304
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	14.374.923.867.416	11.193.774.554.197
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.536.055.307	8.631.515.415
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	1.025.547.811.023	1.289.613.519.121
II. Nợ dài hạn	330		21.339.471.007.167	23.784.393.924.956
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.129.590.205	3.012.792.872
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	727.702.126.954	794.637.487.353
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	20.424.832.968.600	22.856.941.752.748
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		184.806.321.408	129.801.891.983
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		524.210.493.955	6.072.333.790.624
I. Vốn chủ sở hữu	410		524.210.493.955	6.072.333.790.624
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	22.143.941.740.000	14.182.908.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.143.941.740.000	14.182.908.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	1.220.498.156.541	1.220.852.256.541
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	26	241.355.237.827	241.355.237.827
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	26	(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	26	81.746.409.909	234.377.202.081
6. Quỹ đầu tư phát triển	418	26	931.333.809.451	931.333.809.451
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26	2.024.298.861	2.024.298.861
8. (Lỗ)/Lợi lũy kế	421	26	(21.961.482.950.684)	(9.328.983.490.778)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(9.051.260.284.868)	1.730.560.041.585
- (Lỗ) năm nay	421b		(12.910.222.665.816)	(11.059.543.532.363)
9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	27	(982.201.984.996)	(258.529.770.405)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		63.057.737.408.476	62.562.137.695.904

Hồ Xuân Tam
Người lập biểu

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	28.093.455.616.140		40.756.791.189.121	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	182.116.106.885		218.452.536.451	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	27.911.339.509.255		40.538.338.652.670	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		37.929.515.743.205		47.975.249.579.193	
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(10.018.176.233.950)		(7.436.910.926.523)	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.557.025.514.904		882.308.903.054	
7. Chi phí tài chính	22	33	1.549.123.961.463		1.668.942.551.285	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		806.953.304.369		925.577.719.343	
8. Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(203.283.404.388)		(157.121.864.549)	
9. Chi phí bán hàng	25	34	1.238.060.448.577		2.049.239.095.622	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	1.680.445.215.416		1.468.001.049.921	
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(13.132.063.748.890)		(11.897.906.584.846)	
12. Thu nhập khác	31	35	283.581.832.174		1.012.673.517.493	
13. Chi phí khác	32		116.741.172.845		75.079.228.233	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		166.840.659.329		937.594.289.260	
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(12.965.223.089.561)		(10.960.312.295.586)	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		256.599.759.744		212.597.151.034	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		57.170.026.826		5.196.137.687	
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(13.278.992.876.131)		(11.178.105.584.307)	
18.1. Cổ đông của Tổng Công ty	61		(12.907.117.624.843)		(10.927.035.283.118)	
18.2. Cổ đông không kiểm soát	62		(371.875.251.288)		(251.070.301.189)	
19. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	36	(7.909)		(7.704)	



Hồ Xuân Tam
Người lập biểu




Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(12.965.223.089.561)	(10.960.312.295.586)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.049.422.941.043	2.961.203.222.367
Các khoản dự phòng	03	244.839.464.033	127.926.460.653
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	(371.570.433.444)	(76.557.930.111)
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(244.836.495.621)	(623.205.012.210)
Chi phí lãi vay	06	806.953.304.369	925.577.719.343
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước	08	(10.480.414.309.181)	(7.645.367.835.544)
thay đổi vốn lưu động			
Thay đổi các khoản phải thu	09	(541.773.716.442)	5.537.750.242.234
Thay đổi hàng tồn kho	10	(469.828.538.767)	1.789.181.853.704
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay	11	5.467.830.327.853	(3.795.574.439.932)
phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
Thay đổi chi phí trả trước	12	658.207.599.518	(398.927.844.234)
Tiền lãi vay đã trả	14	(812.881.120.736)	(1.001.033.081.211)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(262.754.597.271)	(355.745.421.777)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(317.700.707.449)	(585.850.696.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	(6.759.315.062.475)	(6.455.567.223.673)
kinh doanh			
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21	(489.493.287.377)	(515.544.108.122)
các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22	92.669.350.681	365.250.452.390
các tài sản dài hạn khác			
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của	23	(2.318.204.366.708)	(838.616.739.420)
đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	618.898.138.173	3.884.291.276.332
của đơn vị khác			
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	151.474.028.119	457.559.457.665
được chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	30	(1.944.656.137.112)	3.352.940.338.845
đầu tư			

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	7.960.679.170.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	22.581.317.707.963	29.220.149.014.723
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.938.448.300.065)	(23.806.390.218.003)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.559.801.317.229)	(3.217.171.598.106)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(277.575.431.368)	(398.457.995.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.766.171.829.301	1.798.129.203.211
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	62.200.629.714	(1.304.497.681.617)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.653.719.016.108	2.957.234.029.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.093.044.904)	982.668.045
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.713.826.600.918	1.653.719.016.108

Hồ Xuân Tam
Người lập biểu

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc ("các đơn vị phụ thuộc").

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất lần 9 ngày 12 tháng 01 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 18.641 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 19.690 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ đầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;
- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử; và
- Đào tạo; tài chính, ngân hàng; cho thuê tài chính (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Tạp chí Heritage
- Đoàn bay 919
- Đoàn tiếp viên
- Trung tâm Khai thác Nội Bài
- Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bóng Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Trung
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kông
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên Bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Canada
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương Quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (i)	Việt Nam	68,85	68,85	Kinh doanh vận tải hàng không
2	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	100,00	100,00	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
3	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	Việt Nam	55,13	55,13	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
5	Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	60,17	60,17	Cung cấp suất ăn trên máy bay
6	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Cung cấp suất ăn trên máy bay
7	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	51,52	51,52	Đào tạo phi công
8	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	52,73	52,73	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	Việt Nam	55,00	55,00	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
10	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	51,00	51,00	Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
12	Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá (VINAKO)	Việt Nam	65,05	65,05	Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	51,00	51,00	Xuất, nhập khẩu lao động
14	Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	51,69	51,69	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
15	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ mặt đất
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	32,48	32,48	Cho thuê máy bay
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	41,31	41,31	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	36,11	36,11	Dịch vụ phục vụ hàng không
4	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	30,41	30,41	Sản xuất sản phẩm nhựa

(i) Từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, các thủ tục liên quan đến thay đổi cổ đông và vốn điều lệ tương ứng tại Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines vẫn đang trong quá trình xem xét bởi các cơ quan có thẩm quyền.



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được lập theo Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty. Quyết định này được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam (“VAS”) số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết” và VAS 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 29.838 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 24.456 tỷ đồng) và khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 15.779 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.640 tỷ đồng). Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ trong năm với số tiền là 13.279 tỷ đồng (năm 2020: lỗ 11.178 tỷ đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm âm 6.759 tỷ đồng (năm 2020: âm 6.456 tỷ đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và cho thuê.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và triển khai các giải pháp đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Tổng Công ty điều chỉnh lại lịch bay và các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường và các diễn biến kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động và đội tàu bay hiện có, đồng

138

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

thời tiếp tục duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa đặc biệt trong giai đoạn mùa cao điểm trong năm;

- Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại dịch vụ vận tải trong đó tăng các chuyến bay chở hàng hóa trong giai đoạn suy giảm nhu cầu vận tải hành khách trong nước và quốc tế;
- Tổng Công ty cũng thực hiện quyết liệt các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý chung, chi phí gián tiếp, chi phí quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại, chi phí bán hàng;
- Tổng Công ty điều chỉnh chính sách sử dụng lao động và chi phí lao động bao gồm chi phí lương của phi công, tiếp viên, lãnh đạo và các bộ phận khác trong Tổng Công ty;
- Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó có nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê máy bay, bảo dưỡng, ...) hoặc hoãn tiến độ thanh toán (đối với chi phí thuê máy bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyển bay,...);
- Trong năm, hầu hết các ngân hàng đã đồng ý giãn thanh toán nợ vay cho các khoản vay đến hạn hoặc giãn/gia hạn các khoản dư nợ vay gốc đáp ứng các điều kiện quy định của Ngân hàng nhà nước; Tổng Công ty cũng đang trong quá trình đàm phán với các ngân hàng trong nước để có thêm hạn mức tín dụng trong năm 2022;
- Nhằm tối ưu hóa hoạt động và cắt giảm chi phí, Tổng Công ty điều chỉnh tiêu chuẩn, quy trình dịch vụ đối với dịch vụ mặt đất (check in, phòng chờ, băng tải hành lý, cân hành lý, ống lồng,...), dịch vụ phục vụ trên chuyến bay (suất ăn, đồ uống, báo chí, giải trí,...), chủ động sắp xếp, điều chỉnh lịch bảo dưỡng sửa chữa của các máy bay;
- Tổng Công ty cũng đã và đang đàm phán không nhận hoặc lùi lịch nhận tàu bay thuê hoạt động, trong đó đã thỏa thuận với đối tác để hủy (không nhận) 04 tàu bay dòng B787-10 và A320 NEO, ngoài ra 05 tàu bay dòng B787-10 và A320 NEO còn lại đã được gia hạn nhận tới cuối năm 2022, 2023 thay vì nhận trong năm 2020, 2021 theo thỏa thuận ban đầu;
- Tổng Công ty cũng tìm kiếm các nguồn thu khác như thanh lý máy bay, bán và thuê lại máy bay, thanh lý các khoản đầu tư. Trong năm 2021, Tổng Công ty đã ký được thỏa thuận bán 2 tàu bay thuộc kế hoạch thanh lý 11 tàu bay trong năm 2021 và đã thu được một phần giá trị hợp đồng. Tổng Công ty tiếp tục thực hiện kế hoạch tiếp bán các máy bay còn lại trong các năm tiếp theo. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã thông qua chủ trương bán 06 tàu bay ATR72 để thay thế bằng đội bay phân lực khu vực.

Nhà nước cũng đã có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 nói chung và cho các doanh nghiệp hàng không nói riêng bao gồm các chính sách gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất, chính sách hỗ trợ tín dụng đối với doanh nghiệp và chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay.

Bên cạnh các giải pháp hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi COVID-19 và ngành hàng không, Chính phủ đã triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính cho Tổng Công ty bao gồm các khoản tín dụng và việc tăng thêm vốn điều lệ nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của Tổng Công ty.

Trên cơ sở Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 05 tháng 4 năm 2021, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với tổng hạn mức cho vay 4.000 tỷ đồng, tài sản đảm bảo bao gồm 02 tàu bay ATR, 11 tàu bay A321, 02 động cơ B787 và cổ phiếu của Tổng Công ty tại các công ty con/công ty liên kết đã niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM. Trong năm, các ngân hàng đã giải ngân toàn bộ hạn mức tín dụng trên cho Tổng Công ty. Ngoài ra, ngày 14 tháng 7 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty. Chính phủ giao Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) thay mặt Chính phủ đầu tư mua cổ phiếu tại Tổng Công ty thuộc quyền của cổ đông Nhà nước. Theo kết quả phát hành, số lượng cổ phiếu đã phân phối là 796.103.327 cổ phiếu đạt tỷ lệ 99,51% tổng số cổ phiếu được phép phát hành và số tiền thu được là 7.961.033.270.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tổng Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch tháo gỡ các khó khăn và phục hồi trong giai đoạn 2021-2025 và đang trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt bao gồm kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, các giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện dòng tiền, các giải pháp huy động nguồn hỗ trợ của Chính phủ nhằm đảm bảo duy trì hoạt động và phát triển của Tổng Công ty đến giai đoạn phục hồi.

Đến ngày báo cáo này, trên cơ sở đánh giá hiệu quả của các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 và các diễn biến tích cực của việc kiểm soát đại dịch tại Việt Nam và trên thế giới, Chính phủ Việt Nam đã dỡ bỏ các hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách bằng đường hàng không cũng như hoạt động du lịch. Tổng Công ty đánh giá rằng hoạt động vận chuyển hành khách có nhiều triển vọng khôi phục trong năm 2022.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh hợp nhất và kế hoạch dòng tiền hợp nhất, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ cho vay và tặng vốn từ Chính phủ. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. QUY ĐỊNH KẾ TOÁN RIÊNG ÁP DỤNG CHO NĂM 2020 VÀ 2021

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 26/BTC-TCĐN ("Công văn số 26/BTC-TCĐN") về việc hướng dẫn riêng cho Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao các máy bay và chi phí phân bổ sửa chữa bảo dưỡng máy bay, động cơ tương ứng áp dụng cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Ngày 06 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết chấp thuận việc tiếp tục áp dụng hướng dẫn riêng khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa bảo dưỡng năm 2021 tương tự như năm 2020. Theo đó, chi phí khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng/Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay	=	Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay/Giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường	X	Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay
				Tổng giờ khai thác theo kế hoạch năm 2020 của loại máy bay đó (thời điểm hoạt động bình thường, trước khi bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19)

Đối với các máy bay không thuộc trong đội máy bay khai thác và các động cơ dự phòng tương ứng, Tổng Công ty thực hiện trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình ở Thuyết minh số 04.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc vật tư, phụ tùng nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá gốc hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

TC
M
HA

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy bay	16 - 20
Động cơ máy bay	10
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Phương tiện vận tải mặt đất	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 7

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020 và 2021 theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Chính phủ.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày tại Chi phí đi vay dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản cố định hữu hình.

Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay thuộc tài sản cố định thuê tài chính và động cơ máy bay tương ứng cho các năm 2020 và 2021 theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Chính phủ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính dùng trong quản lý, như phần mềm quản lý giá vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ quyền sử dụng đất được cấp vô thời hạn. Quyền sử dụng đất được cấp có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 02 năm đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

144

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay; phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay; chi phí phụ tùng máy bay, công cụ, dụng cụ quay vòng và chi phí khác. Cụ thể:

- Chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tính từ tháng kế tiếp trạng thái hoàn thành đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí chờ phân bổ là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí sửa chữa lớn đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong 03 năm. Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.

Như trình bày ở Thuyết minh số 03, Tổng Công ty phân bổ và ghi nhận chi phí trả trước liên quan đến sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay của máy bay cho các năm 2020 và 2021 theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Chính phủ.

- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên số giờ bay.
- Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu của hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.
- Chi phí công cụ, dụng cụ, phụ tùng máy bay quay vòng và chi phí khác, bao gồm:
 - Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phản ánh giá trị các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, có thời gian sử dụng trên 01 năm, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 02 năm.
 - Vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (chi tiết xem Thuyết minh về "Hàng tồn kho").

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản dự tính các khoản chi phí phải trả liên quan đến các chi phí đã phát sinh nhưng đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty/các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CDKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh.

Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm vốn góp từ cổ phiếu phổ thông, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và (lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện. Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé thông thường, MCO, hành lý và YQ) đã hết hạn theo các điều kiện của chứng từ vận chuyển nhưng khách hàng không sử dụng được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu chuyển cơ, thuê chuyển được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy dặm thưởng khi sử dụng dịch vụ, tham gia chương trình khuyến mãi... của Tổng Công

==
2
C
+
)
1
-
=

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

ty hay một số đối tác hàng không và phi hàng không cụ thể của chương trình Bông Sen Vàng của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số dặm tòn còn giá trị sử dụng tại thời điểm báo cáo mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng đổi thưởng hoặc dặm thưởng tích lũy hết hạn.

Doanh thu và thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay theo hình thức thuê hoạt động được ghi nhận là khoản thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc hạch toán nghiệp vụ này sẽ tùy thuộc vào hướng dẫn chi tiết và phê duyệt từ Bộ Tài chính. Ngày 10 tháng 02 năm 2020, Tổng Công ty đã trình Bộ Tài chính công văn xin hướng dẫn cách thức hạch toán và ghi nhận đối với các nghiệp vụ kinh tế này. Theo công văn trả lời ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính, kế toán chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay chưa có quy định cụ thể tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, do đó, quy định hạch toán kế toán cụ thể về vấn đề này sẽ được nghiên cứu, xem xét và hướng dẫn trong thời gian tới.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lỗ trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lỗ cơ bản trên cổ phiếu ("LPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lỗ suy giảm trên cổ phiếu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có khoản lỗ trong năm có thể được sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ trong năm do chưa chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	14.132.117.820	15.042.134.326
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	819.191.563.236	760.565.745.638
Tiền đang chuyển	1.982.919.862	5.171.136.144
Các khoản tương đương tiền	878.520.000.000	872.940.000.000
	1.713.826.600.918	1.653.719.016.108

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.229.537.947.198	2.229.537.947.198	487.031.718.663	487.031.718.663
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	6.800.000.000	6.800.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
	2.236.337.947.198	2.236.337.947.198	537.031.718.663	537.031.718.663

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,35%-9,55%/năm và không phải tương đương tiền.

(ii) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 8%-8,8%/năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (Thuyết minh số 17)	248.141.431.740	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	185.050.002.264	-	185.050.002.264	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	119.686.420.000	(11.631.687.460)	119.686.420.000	-
Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	90.000.000.000	(90.000.000.000)	90.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	65.049.600.000	-	65.049.600.000	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Xây dựng Hàng không miền Nam	52.000.000.000	-	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	17.000.000.000	(12.962.605.491)	17.000.000.000	(2.618.931.380)
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	6.161.138.309	-	6.161.138.309	-
Khác	2.839.130.158	-	3.067.143.598	-
	815.927.722.471	(114.594.292.951)	568.014.304.171	(2.618.931.380)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư không có giá niêm yết trên thị trường, các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Chi tiết phải thu của khách hàng		
Các hãng hàng không khác	907.150.288.911	721.859.236.475
Cước vận chuyển hàng hóa	320.905.828.314	214.172.098.998
Các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	276.918.702.314	677.285.856.481
Khách hàng khác	633.954.685.539	437.691.637.783
	2.138.929.505.078	2.051.008.829.737
b. Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Ngắn hạn	2.136.228.109.743	2.049.596.342.174
Dài hạn	2.701.395.335	1.412.487.563
	2.138.929.505.078	2.051.008.829.737
Trong đó: Phải thu các bên liên quan (i) (chi tiết tại Thuyết minh số 37)	241.166.371.159	120.428.046.522

(i) Khoản phải thu các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thời hạn đã thỏa thuận.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước về đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	82.319.206.561	88.534.659.998
Trả trước về sửa chữa máy bay động cơ	72.580.584.384	-
Trả trước khác	170.702.650.542	201.522.120.971
	325.602.441.487	290.056.780.969

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu tiền chuyển nhượng phần vốn góp tại hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (i)	774.520.000.000	-
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay ngắn hạn (ii)	376.670.497.856	433.359.139.752
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ căn trừ với Quỹ đại tu (iii)	293.259.544.766	304.475.263.739
Phải thu từ các hợp đồng cho thuê lại	195.709.263.149	232.139.448.087
Phải thu lãi tiền gửi	18.240.070.503	12.290.536.839
Tạm ứng	11.058.740.346	9.939.373.624
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.265.268.754	9.546.287.004
Phải thu về cổ tức được chia	5.110.864.723	2.072.767.359
Phải thu khác	152.039.056.450	280.370.350.721
	1.832.873.306.547	1.284.193.167.125
b. Dài hạn		
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay dài hạn (ii)	902.424.077.673	1.157.288.567.316
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	194.524.232.161	193.777.742.248
Phải thu dài hạn khác	5.020.689.477	4.485.709.132
	1.101.968.999.311	1.355.552.018.696

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (iv)
(chi tiết tại Thuyết minh số 37)

- (i) Tổng Công ty đã thu hồi được khoản phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp tại hãng Hàng không Cambodia Angkor Air vào tháng 01 năm 2022 và tháng 3 năm 2022 (Thuyết minh số 38).
- (ii) Khoản tiền Tổng Công ty đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê. Trong năm, Tổng Công ty đã được các bên cho thuê chấp thuận để bù trừ một phần khoản đặt cọc với khoản phải trả tiền thuê tàu bay phát sinh trong năm.
- (iii) Trả trước tiền sửa chữa lớn chờ căn trừ với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay. Khi thanh quyết toán chi phí sửa chữa, phần không thu lại được từ đối tác cho thuê sẽ được Tổng Công ty hạch toán vào chi phí trong năm.
- (iv) Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

150

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Pan Pacific Airlines	195.709.263.148	102.607.333.150	142.233.662.401	100.027.494.312
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	181.540.747.546	73.258.859.979	-	-
Công ty Cổ phần Hàng Không Đồng Dương	38.537.918.851	38.537.918.851	38.537.918.851	38.537.918.851
Air Fast Ticket Group	5.286.958.961	5.286.958.961	5.710.811.053	5.710.811.053
Các đối tượng khác	84.710.599.933	76.956.980.213	69.470.549.534	50.007.323.668
	505.785.488.439	296.648.051.154	255.952.941.839	194.283.547.884
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		295.022.880.653		193.712.831.884
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn		1.625.170.501		570.716.000

Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	301.364.414.812	-	4.925.849.061	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.032.844.273.287	(174.318.313.794)	1.047.764.783.963	(143.723.254.494)
Công cụ và dụng cụ	72.398.525.492	-	68.217.468.755	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	87.437.419.617	-	53.050.185.379	-
Hàng hóa	897.428.857.923	-	785.121.311.043	-
Hàng hóa kho bảo thuế	32.425.887.734	-	33.017.477.449	-
Hàng gửi đi bán	881.421.424	-	894.167.079	-
	2.424.780.800.289	(174.318.313.794)	1.992.991.242.729	(143.723.254.494)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số vật tư phụ tùng do giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này thấp hơn giá gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản khác	337.485.345.391	458.613.610.599
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển	489.550.648	2.753.731.275
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	55.913.344.542	71.905.851.520
	393.888.240.581	533.273.193.394
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay	3.856.838.849.808	4.074.866.367.727
Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu	885.208.284.281	1.102.587.807.874
Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ	319.718.138.383	419.673.540.540
Chi phí trả trước dài hạn khác	240.206.140.388	223.666.343.424
	5.301.971.412.860	5.820.794.059.565

Cho năm 2021 và năm 2020, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Chính phủ (Thuyết minh số 03). Nếu Tổng Công ty áp dụng phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo chính sách của Tổng Công ty, chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay chưa phân bổ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm 1.740 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: giảm 1.139 tỷ đồng), theo đó chi phí sửa chữa lớn và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 1.740 tỷ đồng (năm 2020: tăng 1.139 tỷ đồng).

101
: 01
Ti
: 01
01

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TÁNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy bay, động cơ máy bay	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải mặt đất	Thiết bị, dụng cụ quần lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ							
Số dư đầu năm	28.709.190.486.836	2.561.221.814.591	4.048.022.395.925	1.785.551.944.369	889.991.375.811	321.452.071.457	38.315.430.088.989
Tăng trong năm	441.555.809	326.948.285.582	96.969.576.945	182.582.886.041	145.073.941.784	5.940.047.146	757.956.293.307
Mua trong năm	-	305.089.279.834	94.392.477.487	182.582.886.041	144.886.089.966	-	726.950.733.328
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	20.515.820.081	2.503.276.088	-	-	5.415.945.448	28.435.041.617
Điều chỉnh nguyên giá	441.555.809	-	-	-	187.851.818	-	629.407.627
Phân loại lại	-	1.342.059.410	-	-	-	-	1.342.059.410
Tăng khác	-	1.126.257	73.823.370	-	-	524.101.698	599.051.325
Giảm trong năm	(798.901.847.762)	(1.530.996.247)	(7.997.766.070)	(11.477.426.520)	(9.213.685.289)	(4.016.065.494)	(833.137.787.382)
Thanh lý, nhượng bán	(798.149.044.796)	(1.430.774.640)	(6.609.016.013)	(11.232.256.072)	(8.981.444.686)	(4.016.065.494)	(830.418.601.701)
Phân loại lại	-	-	(1.388.750.057)	(245.170.448)	(232.240.603)	-	(1.866.161.108)
Giảm khác	(752.802.966)	(100.221.607)	-	-	-	-	(853.024.573)
Số dư cuối năm	27.910.730.194.883	2.886.639.103.926	4.136.994.206.800	1.956.657.403.890	1.025.851.632.306	323.376.053.109	38.240.248.594.914
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY KẾ							
Số dư đầu năm	15.284.513.072.344	1.282.535.525.342	2.873.129.029.845	1.143.666.392.289	691.018.410.832	202.792.026.699	21.477.654.457.351
Tăng trong năm	599.272.393.918	119.520.913.891	283.868.456.703	130.622.788.773	99.245.003.284	18.151.129.444	1.250.680.686.013
Khấu hao trong năm	599.272.393.918	118.269.440.816	283.817.143.204	130.362.974.712	99.245.003.284	18.151.129.444	1.249.118.085.378
Phân loại lại	-	1.251.473.075	-	259.814.061	-	-	1.511.287.136
Tăng khác	-	-	51.313.499	-	-	-	51.313.499
Giảm trong năm	(798.352.100.927)	(2.201.715.001)	(8.009.175.527)	(14.500.890.637)	(8.984.993.032)	(4.251.712.539)	(836.300.587.663)
Thanh lý, nhượng bán	(798.149.044.796)	(1.430.774.640)	(6.609.016.013)	(11.232.256.072)	(8.981.444.686)	(4.016.065.494)	(830.418.601.701)
Phân loại lại	-	-	(1.272.091.701)	-	-	(235.647.045)	(1.511.287.092)
Giảm khác	(203.056.131)	(770.940.361)	(128.067.813)	(3.268.634.565)	-	-	(4.370.698.870)
Số dư cuối năm	15.085.433.365.335	1.399.854.724.232	3.148.988.311.021	1.259.788.290.425	781.278.421.084	216.691.443.604	21.892.034.555.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	13.424.677.414.492	1.278.686.289.249	1.174.893.366.080	641.885.552.080	198.972.964.979	118.660.044.758	16.837.775.631.638
Tại ngày cuối năm	12.825.296.829.548	1.486.784.379.694	988.005.895.779	696.869.113.465	244.573.211.222	106.684.609.505	16.348.214.039.213

11/01/2022

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 5.177.292.570.968 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.239.397.504.594 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 13.269.409.149.112 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9.869.004.615.286 đồng) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Cho năm tài chính 2021 và 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Chính phủ (Thuyết minh số 03). Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao của Tổng Công ty, khấu hao tài sản cố định hữu hình lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ tăng 1.675 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: tăng 675 tỷ đồng), theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng tăng với số tiền là 1.000 tỷ đồng (năm 2020: tăng 675 tỷ đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy bay và động cơ máy bay	Máy móc, thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	44.664.070.223.496	3.712.444.000	44.667.782.667.496
Tăng do điều chỉnh nguyên giá	140.523.808	-	140.523.808
Số dư cuối năm	44.664.210.747.304	3.712.444.000	44.667.923.191.304
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	17.198.129.101.282	742.488.792	17.198.871.590.074
Khấu hao trong năm	746.605.989.964	742.488.796	747.348.478.760
Số dư cuối năm	17.944.735.091.246	1.484.977.588	17.946.220.068.834
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	27.465.941.122.214	2.969.955.208	27.468.911.077.422
Tại ngày cuối năm	26.719.475.656.058	2.227.466.412	26.721.703.122.470

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đang thuê tài chính 26 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR-72. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Cho năm 2021 và năm 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng của Bộ Tài chính và Nghị quyết của Chính phủ (Thuyết minh số 03). Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao của Tổng Công ty, khấu hao tài sản cố định thuê tài chính lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ tăng 3.145 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: tăng 1.331 tỷ đồng), theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng tăng với số tiền là 1.814 tỷ đồng (năm 2020: tăng 1.331 tỷ đồng).

11/01/2022

3/2/2022

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	73.246.777.206	678.315.413.102	26.067.049.562	777.629.239.870
Mua trong năm	-	10.947.704.733	-	10.947.704.733
Giảm do thanh lý	-	(446.126.540)	-	(446.126.540)
Giảm khác	-	-	(181.818.182)	(181.818.182)
Số dư cuối năm	73.246.777.206	688.816.991.295	25.885.231.380	787.948.999.881
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	4.040.101.577	548.413.504.926	707.516.142	553.161.122.645
Khấu hao trong năm	113.859.656	52.832.183.917	10.333.332	52.956.376.905
Tăng khác	-	59.762.788	-	59.762.788
Giảm do thanh lý	-	(446.126.540)	-	(446.126.540)
Giảm khác	-	-	(41.717.171)	(41.717.171)
Số dư cuối năm	4.153.961.233	600.859.325.091	676.132.303	605.689.418.627
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	69.206.675.629	129.901.908.176	25.359.533.420	224.468.117.225
Tại ngày cuối năm	69.092.815.973	87.957.666.204	25.209.099.077	182.259.581.254

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 453.844.274.184 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 428.561.882.278 đồng).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kho xăng dầu sân bay Thọ Xuân	31.910.643.100	3.255.540.694
Dự án hệ thống hội nghị truyền hình	28.522.364.000	-
Kinh phí hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng khu đất hợp tác giai đoạn 2 phần diện tích 1.045ha (Giai đoạn 2)	17.837.109.000	17.837.109.000
Dự án Đầu tư Sharklet cho 10 tàu bay A321 CEO sở hữu	1.688.302.364	1.158.726.195
Khu làm việc văn phòng kết hợp bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ Hàng không - giai đoạn 2	-	306.954.572.393
Các dự án khác	66.102.460.138	74.662.386.676
	146.060.878.602	403.868.334.958

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Địa chỉ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	-	-	868.495.011.091	412.329.082.669
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	439.335.275.853	897.932.463.471	439.335.275.853	910.896.807.802
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	86.652.841.772	9.977.808.155	86.652.841.772	15.171.528.185
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	22.812.300.000	15.031.229.011	22.812.300.000	15.040.691.500
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	6.166.335.863	5.254.000.000	6.166.335.863	5.254.000.000
		554.966.753.488	928.195.500.637	1.423.461.764.579	1.358.692.110.156

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 35% cổ phần của Tổng Công ty tại Hãng hàng không Cambodia Angkor Air (Thuyết minh số 38) và không còn ảnh hưởng đáng kể tại đơn vị này (Thuyết minh số 6).

Biến động của giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	1.358.692.110.156	1.522.830.896.860
Lỗ trong công ty liên kết phát sinh trong năm	(203.283.404.388)	(157.121.864.549)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài	(22.260.792.171)	(4.869.548.869)
Bán công ty liên kết	(209.389.155.331)	-
Biến động khác	4.436.742.371	(2.147.373.286)
Số dư cuối năm	928.195.500.637	1.358.692.110.156



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
Phải trả người bán	17.393.620.155.377	8.690.394.440.899
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	1.067.893.388.747	3.231.627.153.241
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	497.225.110.449	975.269.655.099
Phải trả Interlines	103.366.406.772	404.283.326.644
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	50.437.383.485	2.042.618.354
Phải trả thu bán khác	-	3.119.899.134
	19.112.542.444.830	13.306.737.093.371

(i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua các dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

(ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị Tổng Công ty phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có khoản nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán khoảng 15.779 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 6.640 tỷ đồng). Đến ngày báo cáo này, khoảng 2.716 tỷ đồng nợ phải trả tại ngày kết thúc năm đã được các nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ chấp nhận cơ cấu lại kỳ hạn thanh toán sang các năm tiếp theo. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã thỏa thuận bù trừ một phần khoản phải trả với quỹ bảo dưỡng tàu bay đã nộp cho bên cho thuê (Thuyết minh số 38).

Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiếp tục đàm phán với một số bên cho thuê và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ để cơ cấu lại số tiền và thời hạn thanh toán các khoản phải trả này.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Số cuối năm	
	VND	Phải trả	VND		VND		VND	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	141.439.232	64.195.481.062	890.142.380.324		887.795.364.110		66.401.058.044	
Thuế xuất nhập khẩu	2.307.600.269	-	4.131.935.976		4.053.558.023		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.507.166.614	47.623.982.553	266.978.737.290		262.754.597.271		52.379.797.485	
Thuế thu nhập cá nhân	5.505.070.522	18.868.288.210	153.919.767.901		176.417.673.435		11.657.760.761	
Thuế tài nguyên	189.975.360	-	11.007.680		-		-	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	20.032.847	90.089.701.793		97.951.620.790		-	
Thuế bảo vệ môi trường	-	136.972.208.100	795.773.023.500		883.918.026.600		48.827.205.000	
Thuế nhà thầu	-	10.499.009.945	44.956.222.087		49.285.362.441		6.169.869.591	
Các loại thuế, lệ phí khác	-	28.156.575	677.019.021		675.273.023		29.902.573	
	10.651.251.997	278.207.159.292	2.246.679.795.572		2.362.851.475.693		34.081.366.280	185.465.593.454

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines ("PA"), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ đồng, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ đồng và 117 tỷ đồng.

Căn cứ vào Điều 6.1.c của Hợp đồng Đầu tư và Chuyển nhượng Cổ phần ngày 26 tháng 4 năm 2007 giữa Qantas Airways Limited, Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC"), SCIC đồng ý hoàn trả lại cho PA bất kỳ khoản nợ phải trả nào chưa được ghi nhận bao gồm nợ thuế tích dồn hoặc đã được PA báo cáo ngày 31 tháng 7 năm 2007.

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 02 năm 2013, PA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này với số tiền là 63,5 tỷ đồng, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào PA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, PA được phép hoàn thanh toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 04 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh Công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ đồng trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của PA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Theo đó, các khoản nợ thuế và phạt thuế còn lại lần lượt là 127,8 tỷ đồng và 117 tỷ đồng chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	2.720.882.038.079	3.094.090.801.198
Chi phí lãi vay	84.252.873.512	90.328.806.475
Chi phí phục vụ chuyển bay	50.144.983.002	151.460.762.595
Chi phí nhiên liệu	859.714.093	14.429.965.994
Các khoản trích trước khác	1.006.693.823.309	736.674.999.074
	3.862.833.431.995	4.086.985.335.336

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chương trình khách hàng thường xuyên	381.295.417.399	720.418.863.800
Khác	24.096.738.139	22.255.885.585
	405.392.155.538	742.674.749.385

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Nhận quỹ đại tu	218.948.919.302	44.628.734.113
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.026.507.903	51.658.510.279
Cố tức phải trả	103.577.609.897	14.081.923.991
Các khoản phải trả, phải nộp khác	467.597.058.029	418.214.671.921
	825.150.095.131	528.583.840.304
b. Dài hạn		
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	306.861.245.824
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	235.847.442.990	284.969.880.711
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	184.993.438.140	202.806.360.818
	727.702.126.954	794.637.487.353

Trong đó phải trả khác cho các bên liên quan (i)
(chi tiết tại Thuyết minh số 37)

	213.912.854.350	284.957.684.781
--	------------------------	------------------------

(i) Khoản phải trả khác cho các bên liên quan chủ yếu phản ánh tiền đặt cọc thuê máy bay của các công ty này mà Tổng Công ty phải hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong Năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	Giá trị	
Vay ngắn hạn	6.793.826.926.818	22.431.853.151.828	18.200.649.837.789	5.624.803.389	11.030.655.044.246	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	1.394.405.060.007	1.599.057.139.702	791.996.264.133	(14.593.906.193)	2.186.872.029.383	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	3.005.542.567.372	740.539.175.418	2.559.801.317.229	(28.883.631.774)	1.157.396.793.787	
	11.193.774.554.197	24.771.449.466.948	21.552.447.419.151	(37.852.734.578)	14.374.923.867.416	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	2.894.353.713.705		239.236.488.060	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.263.392.341.177		2.702.673.642.494	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.182.633.748.925		460.229.350.704	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.451.473.049.248		1.110.997.055.038	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	999.999.999.874		-	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	485.616.714.390		849.681.477.364	
Ngân hàng TMCP Quân đội	295.201.715.520		369.078.361.629	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	294.144.621.509		951.930.551.529	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	136.935.210.127		-	
Ngân hàng Chính sách xã hội	18.110.153.837		-	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	8.793.775.934		-	
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	-		110.000.000.000	
	11.030.655.044.246		6.793.826.926.818	

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư khoản vay ngắn hạn được giải ngân bằng USD là 71.332.885 USD tương đương 1.634.949.735.202 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 87.633.987 USD tương đương 2.030.682.206.104 VND).

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với tổng hạn mức cho vay 4.000 tỷ đồng theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 05 tháng 4 năm 2021 (Thuyết minh số 2) chịu lãi suất cho vay là 0% và phí quản lý hàng năm là từ 2,3 % đến 2,5% và được đảm bảo bằng tài sản bao gồm tàu bay, động cơ và cổ phiếu của Tổng Công ty tại các công ty con/công ty liên kết đã niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM.

Các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	8.306.299.587.724	8.996.358.108.541
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	15.462.802.204.046	18.260.531.271.586
	23.769.101.791.770	27.256.889.380.127
Trong đó:		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.344.268.823.170	4.399.947.627.379
- Số phải trả sau 12 tháng	20.424.832.968.600	22.856.941.752.748

(i) Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.746.897.114.367	4.841.484.151.488
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.425.937.795.088	1.534.149.214.049
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	820.517.376.000	832.043.520.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	430.839.927.593	426.736.811.249
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	279.230.907.160	302.597.895.600
Ngân hàng TNHH Indovina	219.508.080.000	254.303.280.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	153.208.423.562	171.286.356.335
Ngân hàng TMCP Quân đội	112.825.811.730	501.245.807.568
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	53.892.964.145	62.559.555.046
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	33.826.308.769	19.244.828.236
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	28.080.899.310	46.821.348.970
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.533.980.000	2.611.900.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	1.273.440.000
	8.306.299.587.724	8.996.358.108.541

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 5.722 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.541 tỷ đồng) (Thuyết minh số 13), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty chủ yếu được giải ngân bằng USD và VND. Số dư khoản vay dài hạn phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng USD	7.050.086.903.955	7.787.885.474.838
Vay bằng VND	1.256.212.683.769	1.208.472.633.703
	8.306.299.587.724	8.996.358.108.541

Trong năm, các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty chịu lãi suất năm như sau:

- Các khoản vay dài hạn bằng VND: từ 7,0% đến 9,8%; và
- Các khoản vay dài hạn bằng USD: từ 2,87% đến 4,53%.

Trong năm, Tổng Công ty đã ký thỏa thuận cơ cấu lại thời gian thanh toán khoản vay dài hạn đến hạn trả với 05 ngân hàng với tổng số gốc vay được giãn thanh toán là 34.024.994,10 USD và 51.663.381.539 VND. Các khoản vay dài hạn đến hạn trả này được chia đều để trả trong vòng 1 năm kể tiếp cùng với các khoản vay dài hạn đến hạn trả theo lịch ban đầu. Tại ngày báo cáo này, Tổng Công ty đang tiếp tục đàm phán với các ngân hàng để cơ cấu lại lịch trả nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng 1 năm	2.186.872.029.383	1.394.405.060.007
Trong năm thứ 2	1.333.898.406.343	1.445.250.876.725
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	3.194.103.572.643	3.905.196.583.717
Sau 5 năm	1.591.425.579.355	2.251.505.588.092
Cộng	8.306.299.587.724	8.996.358.108.541
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	2.186.872.029.383	1.394.405.060.007
Số phải trả sau 12 tháng	6.119.427.558.341	7.601.953.048.534

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn ING	7.050.135.955.196	8.121.002.366.400
Ngân hàng Citibank	4.729.433.173.246	5.793.122.204.100
Ngân hàng MUFG	1.494.937.500.000	1.667.531.306.135
Ngân hàng JP Morgan Chase	1.083.672.961.100	1.287.974.410.800
Ngân hàng HSBC	1.020.419.051.700	1.163.384.399.100
Ngân hàng Credit Agricole	82.785.891.440	224.869.791.300
Công ty TNHH Viettel-CHT	1.417.671.364	2.646.793.751
	15.462.802.204.046	18.260.531.271.586

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng bảo lãnh của Bộ Tài chính với số tiền là 15.461 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 16.590 tỷ đồng), các khoản nợ thuê tài chính còn lại được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính hoặc không có tài sản đảm bảo.

Toàn bộ nợ thuê tài chính có gốc USD với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 678.726.272 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 790.384.607 USD).

Trong năm, Tổng Công ty đã ký thỏa thuận cơ cấu lại thời gian thanh toán khoản nợ gốc với 02 ngân hàng với tổng số gốc vay đến hạn trong năm 2021 được giãn thanh toán là 18.398.524 USD. Các khoản dư nợ gốc này được chia đều để trả trong vòng 1 năm kế tiếp cùng với các khoản nợ gốc đến hạn trả theo lịch bao đầu. Tại ngày báo cáo này, Tổng Công ty đang tiếp tục đàm phán với các ngân hàng để cơ cấu lại lịch trả nợ.

Các khoản tiền tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trên như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.335.515.761.103	178.118.967.316	1.157.396.793.787
Trong năm thứ 2	3.809.943.272.682	153.295.584.201	3.656.647.688.481
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	9.297.395.204.942	163.491.591.172	9.133.903.613.770
Sau 5 năm	1.530.029.872.524	15.175.764.516	1.514.854.108.008
	15.972.884.111.251	510.081.907.205	15.462.802.204.046

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.224.713.424.730	219.170.857.358	3.005.542.567.372
Trong năm thứ 2	4.171.458.421.158	166.048.271.006	4.005.410.150.152
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	8.335.200.957.699	219.415.557.205	8.115.785.400.494
Sau 5 năm	3.176.401.074.693	42.607.921.125	3.133.793.153.568
	18.907.773.878.280	647.242.606.694	18.260.531.271.586

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.289.613.519.121	961.922.914.945
Trích quỹ trong năm	53.446.495.473	913.134.302.448
Tăng khác trong năm	188.503.878	406.998.641
Sử dụng quỹ trong năm	(317.700.707.449)	(585.850.696.913)
Số dư cuối năm	1.025.547.811.023	1.289.613.519.121

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	239.246.750.951	801.378.380.887	2.024.298.861	2.612.482.961.570	18.147.244.133.683		
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(10.927.035.283.118)	(10.927.035.283.118)		
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	129.955.428.564	-	(129.955.428.564)	-		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(891.162.325.604)	(891.162.325.604)		
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(4.869.548.870)	-	-	-	(4.869.548.870)		
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	6.686.584.938	6.686.584.938		
Số dư cuối năm trước	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	234.377.202.081	931.333.809.451	2.024.298.861	(9.328.983.490.778)	6.330.863.561.029		
Số dư đầu năm nay	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	234.377.202.081	931.333.809.451	2.024.298.861	(9.328.983.490.778)	6.330.863.561.029		
Cổ phiếu đã phát hành (i)	7.961.033.270.000	(354.100.000)	-	-	-	-	-	-	7.960.079.170.000		
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(12.907.117.624.843)	(12.907.117.624.843)		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(45.163.581.551)	(45.163.581.551)		
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(22.260.792.172)	-	-	-	(22.260.792.172)		
Ảnh hưởng do thoáiai vốn tại công ty liên kết	-	-	-	-	(130.370.000.000)	-	-	317.883.499.097	187.513.499.097		
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	1.898.247.391	1.898.247.391		
Số dư cuối năm nay	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	81.746.409.909	931.333.809.451	2.024.298.861	(21.961.482.950.684)	1.506.412.478.951		

(i) Ngày 14 tháng 7 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá cho các cổ đông hiện hữu là 8.000.000.000.000 đồng. Ngày 20 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Ngày 21 tháng 9 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021, theo đó, số lượng cổ phiếu đã phân phối là 796.103.327 cổ phiếu đạt tỷ lệ 99,51% tổng số cổ phiếu được phép phát hành, số tiền thu được là 7.961.033.270.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.214.394.174	1.418.290.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.214.394.174</i>	<i>1.418.290.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.214.394.174	1.418.290.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.214.394.174</i>	<i>1.418.290.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 9 ngày 12 tháng 01 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 22.143.941.740.000 đồng. Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Số vốn góp tại cuối năm	Số vốn góp tại đầu năm
		(%)	VND	VND
Cổ đông Nhà nước	1.222.368.291	55,20	12.223.682.910.000	12.223.682.910.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	689.488.080	31,14	6.894.880.800.000	-
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA)	124.438.698	5,62	1.244.386.980.000	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	178.099.105	8,04	1.780.991.050.000	714.838.580.000
Cộng	2.214.394.174	100	22.143.941.740.000	14.182.908.470.000

27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Biến động của Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	(258.529.770.405)	460.311.864.737
(Lỗ) thuần trong năm	(371.875.251.288)	(251.070.301.189)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.282.913.922)	(21.971.976.844)
Chia lợi nhuận, cổ tức	(357.919.256.367)	(445.507.719.194)
Biến động khác	14.405.206.986	(291.637.915)
Số cuối năm	(982.201.984.996)	(258.529.770.405)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.454.861.348.369	13.629.277.693.062
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	45.003.427.817.667	62.370.090.413.106
Sau năm năm	43.414.875.971.613	44.531.946.973.213
	98.873.165.137.649	120.531.315.079.381

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

- Máy bay A321 - 13 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO - 20 chiếc thuê khô;
- Máy bay A320 - 17 chiếc thuê khô;
- Máy bay ATR72 - 01 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 - 04 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 - 14 chiếc thuê khô; và
- Máy bay B787-10 - 04 chiếc thuê khô.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản thuê hoạt động là động cơ với phương thức thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn - 12 chiếc gồm 04 động cơ máy bay A321, 03 động cơ máy bay A350, 02 động cơ máy bay B787 và 03 động cơ máy bay A320; và
- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn - 11 chiếc gồm 06 động cơ máy bay A321 NEO, 02 động cơ máy bay A350, 01 động cơ máy bay B787 và 02 động cơ máy bay A320 NEO.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số máy bay đã hết hạn hợp đồng đang làm thủ tục hoàn trả bao gồm:

- Máy bay A321: 02 chiếc; và
- Máy bay A320: 01 chiếc.

Ngoại tệ các loại:

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	6.325.790	6.667.923
Bạt Thái Lan	THB	5.694.525	14.213.080
Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	10.934.527	9.950.494
Đô la Singapore	SGD	40.818	392.215
Đô la Úc	AUD	424.179	447.994
Euro	EUR	435.921	945.516
Đô la Hồng Kông	HKD	1.872.097	1.107.025
Won Hàn Quốc	KRW	100.922.610	61.053.655
Yên Nhật	JPY	106.657.166	109.573.373
Macao Patacas	MOP	2.520	2.520
Đô la Đài Loan	TWD	3.348.262	7.799.940
Bảng Anh	GBP	62.923	218.378
Đô la Canada	CAD	23.491	30.925
Rúp Nga	RUB	4.901.681	30.826.429
Kíp Lào	LAK	2.845.052	127.000
Ringgit Malaysia	MYR	698.823	351.850
Rupiah Indonesia	IDR	273.293.708	235.254.850

12/2021

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTPC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	94.934.238.741	95.878.358.013

Nợ tiềm tàng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số dư các thư tín dụng của Tổng Công ty đang lưu hành để đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán là 2.622 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.618 tỷ đồng).

Trong năm và đến ngày báo cáo này, Tổng Công ty đã thỏa thuận chấm dứt thuê hoạt động một số tàu bay và động cơ bao gồm việc thay đổi thời gian nhận hoặc hủy nhận tàu bay thuê. Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng các nghĩa vụ trong các hợp đồng và thỏa thuận và khẳng định Tổng Công ty chắc chắn không phát sinh thêm các nghĩa vụ phải trả/khoản lỗ trong yếu liên quan đến việc chấm dứt thuê tàu bay, ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các khoản phải trả các đơn vị cho thuê tàu bay, động cơ và cung cấp dịch vụ sửa chữa đã quá hạn thanh toán. Tổng Công ty đã đàm phán và đạt được các thỏa thuận về giãn thời gian thanh toán một phần các khoản nợ quá hạn và đang tiếp tục đàm phán với một số đối tác còn lại. Tổng Công ty đã đánh giá các nghĩa vụ/chí phí tiềm tàng và khẳng định không phát sinh thêm các nghĩa vụ/chí phí trọng yếu nào liên quan tới đối tác hoặc bên thứ ba, phát sinh từ các khoản nợ quá hạn của Tổng Công ty, ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Tổng Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách. Hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và các nước trên thế giới. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó, Tổng Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Vận tải Hàng không	18.404.609.980.787	31.511.788.916.550
- Doanh thu vận chuyển hành khách, hành lý	8.606.835.254.622	24.276.721.412.161
- Doanh thu vận chuyển hàng hóa, bưu kiện	8.158.757.755.477	5.281.805.721.639
- Doanh thu thuê chuyển	893.409.089.008	1.186.279.425.984
- Doanh thu vận chuyển hàng không khác	745.607.881.680	766.982.356.766
Hoạt động phụ trợ vận tải	3.159.650.954.548	3.578.498.118.730
Bán hàng	5.185.878.295.757	4.983.691.973.605
Khác	1.343.316.385.048	682.812.180.236
	28.093.455.616.140	40.756.791.189.121
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(182.029.629.566)	(215.377.200.362)
Giảm giá hàng bán	-	(2.798.397.394)
Hàng bán bị trả lại	(86.477.319)	(276.938.695)
	(182.116.106.885)	(218.452.536.451)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.911.339.509.255	40.538.338.652.670

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.187.979.582.073	9.116.926.937.895
Chi phí nhân công	4.365.016.657.260	4.798.941.463.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.049.422.941.043	2.961.203.222.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.033.805.150.003	28.472.809.981.936
Trong đó:		
- Chi phí thuê máy bay	13.762.472.153.109	15.299.696.328.590
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	1.922.193.609.632	3.890.297.522.024
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	1.621.154.766.054	993.114.903.479
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	4.727.984.621.208	8.289.701.227.843
Chi phí khác bằng tiền	695.827.350.026	815.335.041.575
	36.332.051.680.405	46.165.216.647.574

168

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	83.965.433.993	172.956.585.622
Lãi chuyển nhượng vốn góp	647.736.317.622	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	95.174.183.698	160.042.719.222
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	726.191.108.124	543.590.531.398
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.958.471.467	5.719.066.812
	1.557.025.514.904	882.308.903.054

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	806.953.304.369	925.577.719.343
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	265.382.232.233	236.433.087.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá	173.521.891.063	491.660.383.026
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	100.343.674.110	-
Chi phí tài chính khác	202.922.859.688	15.271.361.698
	1.549.123.961.463	1.668.942.551.285

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	399.763.979.568	435.517.650.655
Chi phí hoa hồng	11.997.707.284	49.275.252.520
Chi phí đặt vé giữ chỗ	141.623.788.061	465.333.154.570
Chi phí bán hàng khác	684.674.973.664	1.099.113.037.877
	1.238.060.448.577	2.049.239.095.622
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	549.359.126.879	499.420.534.841
Chi phí thuế	135.037.952.957	134.259.301.565
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	996.048.135.580	834.321.213.515
	1.680.445.215.416	1.468.001.049.921

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	91.659.973.096	447.457.579.936
Miễn lãi chậm nộp tiền thu cổ phần hóa còn phải trả	-	212.615.582.862
Tiền phạt thu được	7.485.402.692	44.719.497.143
Hoàn nhập quỹ đại tu còn dư sau khi kết thúc hợp đồng cho thuê tàu bay với bên đi thuê	89.120.235.264	-
Các khoản khác	95.316.221.122	307.880.857.552
	283.581.832.174	1.012.673.517.493

36. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.907.117.624.843)	(10.927.035.283.118)
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.907.117.624.843)	(10.927.035.283.118)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.632.039.138	1.418.290.847
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(7.909)	(7.704)

(i) Các công ty con của Tổng Công ty chưa ban hành quyết định về số lợi nhuận thuần được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Công ty liên kết cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	95.174.183.698	96.717.124.083
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	94.237.440.000	94.237.440.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	-	(96.250)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	706.860.000	2.142.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	229.883.698	337.780.333
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.642.426.363	189.381.607.020
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	165.642.426.363	189.381.607.020
Mua sắm tài sản cố định	24.821.440.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	24.821.440.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	241.166.371.159	120.428.046.522
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	241.166.371.159	120.428.046.522
Phải thu khác	394.412.685.821	432.192.466.398
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	376.670.470.520	381.961.715.058
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	17.742.215.301	50.230.751.340
Phải trả khác	213.912.854.350	284.957.684.781
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	213.912.854.350	284.957.684.781

Lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	8.022.921.545	6.497.295.779

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 03 tháng 01 năm 2022 và ngày 29 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty đã nhận được số tiền lần lượt là 30 triệu USD và 4 triệu USD từ nhà đầu tư mua lại phần vốn góp của Tổng Công ty tại Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (Tổng Công ty cũng đã nhận khoản đặt cọc với giá trị 1 triệu USD trong năm 2019) tương ứng lũy kế với 35% số cổ phần tại Hãng Hàng không này. Theo thỏa thuận giữa hai bên, Tổng Công ty sẽ hoàn thành các điều khoản trong thỏa thuận và thanh lý phần vốn góp còn lại của khoản đầu tư này trong năm 2022.

Từ ngày 15 tháng 02 năm 2022, các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện dỡ bỏ các hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách trên các đường bay quốc tế. Đồng thời, Văn phòng Chính phủ cũng ban hành Văn bản số 34/TB-VPCP ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc mở lại ngành du lịch trong và ngoài nước từ ngày 15 tháng 3 năm 2022.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, Tổng Công ty và một Tập đoàn cho thuê máy bay đã ký thỏa thuận về việc Tổng Công ty sẽ mở thư tín dụng (L/C) và được sử dụng khoản quỹ đại tu đã nộp cho nhà cung cấp còn dư chưa sử dụng với giá trị khoảng 76 triệu USD để thanh toán khoản nợ phải trả nhà cung cấp này.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 30 triệu USD và thời hạn từ ngày ký đến hết ngày 30 tháng 8 năm 2022, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Tổng Công ty tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 12 tháng 10 năm 2020 chuyển sang.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á đã ký phụ lục hợp đồng tín dụng để nâng hạn mức tín dụng từ 200 tỷ đồng lên thành 700 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm hạn mức vay vốn, hạn mức L/C).

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội đã ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dưới hình thức cho vay, phát hành thư tín dụng (L/C) với giá trị 500 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, và không có tài sản đảm bảo.



Hồ Xuân Tam
Người lập biểu



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2022



PHỤ LỤC VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG

TRỤ SỞ CHÍNH

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP (VIETNAM AIRLINES)

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

- Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Việt Nam (hoạt động 24/7):
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1100
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: telesales@vietnamairlines.com
- Trung tâm chăm sóc Hội viên Bông Sen Vàng (hoạt động 24/7):
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1800
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: lotusmiles@vietnamairlines.com

CÁC CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES TRONG NƯỚC

KHU VỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 25 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

ĐT: (+84.24) 6270 0200 | Fax: (+84.24) 3934 9636

E-mail: vpkvmb@vietnamairlines.com

KHU VỰC MIỀN NAM

Địa chỉ: 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84-28) 3844 6667 | Fax: (+84-28) 3848 5312

Email: telesales.sro@vietnamairlines.com

KHU VỰC MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Đà Nẵng.

ĐT: (+84.236) 382 1130 / 826 465 | Fax: (+84.236) 383 2759

E-mail: reservation.mro@vietnamairlines.com

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG (VASCO)

Địa chỉ: Số B114, đường Bạch Đằng, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN BAY

Địa chỉ: Số 117 đường Hồng Hà, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÁY BAY (VAECO)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3884-9657 | Fax: (+84.24) 3886-5532

Web: vaeco.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHIÊN LIỆU

HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (SKYPEC)

Địa chỉ: 202 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3827 2316 | Fax: (+84.24) 3827 2317

Email: skypec@skypec.com.vn | Web: www.skypec.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ MẶT ĐẤT

SÂN BAY VIỆT NAM (VIAGS)

Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

ĐT: (+84.28) 3547 22 88 | Fax: (+84.28) 3547 11 88

Email: vanthu.viags@vietnamairlines.com

Web: www.viags.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG

VIỆT NAM (VACS)

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (+84.28) 3844 8367 | Fax: (+84.28) 3844 6719

E-mail: vncxcater@vnn.vn

Web: www.vnaircaterers.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VÀ

VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

SÂN BAY NỘI BÀI (NASCO)

Sân bay Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3886 5457/ 3884 0085 Fax: (+84.24) 3886 5555

E-mail: nasco-khkd@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU

HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, Hà Nội

ĐT: (+84.28) 3877 0265 / 3877 0266 Fax: (+84.28) 3827 1925 /

3772 3439

E-mail: arimex@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG

JETSTAR PACIFIC (JPA)

Địa chỉ: 112 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Tel: (+84.28) 3845 0092 | Fax: (+84.28) 3845 0085

Web: www.jetstar.com

HÃNG HÀNG KHÔNG CAMBODIA ANGKOR AIR

Địa chỉ: #206 Preah Norodon Blvd - Phnom Penh - Cambodia

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO BAY VIỆT (VFT)

Địa chỉ: 117V Hồng Hà, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84.28) 3547 0916 | Fax: (+84.28) 3547 0920.

Hotline: (+84) 90 532 5860

Email: vft@bayviet.com.vn | Web: www.bayviet.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG XUẤT NHẬP KHẨU LAO

ĐỘNG HÀNG KHÔNG (ALSIMEXCO)

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - Bồ Đề - Long Biên Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3827 1993 / 3873 2383 Fax: (+84.24) 3873 0624

E-mail: business@alsimexco.vn | Web: alsimexco.vn

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA TÂN

SƠN NHẤT (TECS)

Địa chỉ: 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam

ĐT: (+84.28) 3811 0633 / 3811 0678

Fax: (+84.28) 3811 5522 | Email: contactus@tecs.com.vn

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ

MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu,
Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: (+84.24) 35 77 22 25 | Fax: (+84.24) 35 77 22 70

Email: info@valc.com.vn | Web: www.valc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ

HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Q. Hải Châu,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam

ĐT: (+84 511) 383 0340 | Fax: (+84 511) 382 6133

Email: masco@masco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN

HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3886 5577 | Fax: (+84.24) 3884 0199

E-mail: nbcatering@hn.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SABRE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Đệ nhất, số 53 Quang Trung,
Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

ĐT: (+84.24) 39431975 | Fax: (+84.24) 39431972

Email: hannmc@sabretn.com.vn

Website: www.sabretn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ

HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TCS)

Địa chỉ: Sân bay Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (+84.28) 3848 6489 | Fax: (+84.28) 3842 7944

CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA (VINAKO)

Địa chỉ: 4 Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (+84.28) 3844 6252 / 3848 5353 | Fax: (+84.28) 3848 5353

E-mail: vinako.fwd@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ

HÀNG HÓA NỘI BÀI (NCTS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

ĐT: (+84.28) 3 5840905 | Fax: (+84.28) 3 5840906

E-mail: operation@noiibaicargo.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CAO CẤP HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Sân bay Gia Lâm, Đường Nguyễn Sơn,
Quận Long Biên, Hà Nội

CÁC CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES NƯỚC NGOÀI

ANH

London: 11-13 Lower Grosvenor Place,
SW1W 0EX, London, UK

CAMPUCHIA

Phnompenh: No 41, 214 Samdech
Pan Str., Phnompenh, Kingdom of
Cambodia.

Siem Reap: No 342, Road 6 Khum
Svay Dangkum Srok
Siem Reap, Kingdom of Cambodia

CANADA

Vancouver : 1166 Alberni Street,
Suite 1006 Vancouver, BC V6E3Z3,
Canada

ĐÀI LOAN

Đài Loan: 5F, 59 Sung Chiang Road,
Taiwan

Cao Hùng: 3F-6, No.56, Min-sheng 1St,
Rd, Kaoshiung City, Taiwan

ĐỨC

Frankfurt: Rossmarkt 5, D-60311
Frankfurt am Main, Germany

HÀN QUỐC

Seoul: Soon Hwa Bldg., 9th Floor, 89
Seosomun-ro, Jung-Gu, Seoul, Korea

Pusan: #704, Korean Teacher's Mutual
Fund Bldg. 192 Chungangdaero,
Dong-Gu, Pusan, Korea

HONGKONG

Suite 1004, 10th Floor,
Tower One Lippo Center,
No 89 Queensway, Hongkong

LÀO

Vientiane: 63 Samsenthai Road,
Lao Plaza Hotel 1st Floor – Vientiane

Luang Prabang: Luang Prabang
Airport, Lao P.D.R

LIÊN BANG NGÀ

Moscow: Bld. 1, 3rd Frunzenskaya,
Moscow, 119270, Russia

MALAYSIA

Kuala Lumpur: Suite 05, Level 5
Menara Hap Seng, Jalan P.Ramlee,
50250
Kuala Lumpur, Malaysia

MỸ

U.S Branch
1388 Sutter Street, Suite 500,
San Francisco, CA 94109

MYANMAR

Yangon: #1702, Sakura Tower 339,
Bogyoke Aung San Road,
Kyauktada Township, Yangon, Myanmar

NHẬT BẢN

Tokyo: Daido Seimei Kasumigaseki
Bldg., 6F 1-4-2 Kasumigaseki, Chiyoda-
ku, Tokyo 100-0013, Japan

Osaka: Midousuji Diamond Bldg., 6F
2-1-3 Nishi Shinsaibashi, Chuo-ku,
Osaka –shi, Osaka 542-0086, Japan

Fukuoka: City 15 Bldg., 1-8-36
Hakataekiminami,
Hakata-ku, Fukuoka 812-0016, Japan

Nagoya: Ohashi BLDG. 10F 3-25-3
Meieki, Nakamura-ku,
Nagoya 450-0002-Japan

PHÁP

Paris: 51-53, avenue des Champs-
Elysées, 75008 Paris, France

SINGAPORE

Singapore: 260 Orchard Rd, #08-
08 The Heeren Singapore 229921,
Singapore

THÁI LAN

Bangkok: 10th Floor, Wave Place
Buiding, 55 Wireless Rd. Lumpinee
Patumwan Bangkok 10330, Thailand

ÚC

Sydney: Level 25, St. Martins Tower,
Suite 25.03, 31 Market Street,
Sydney, NSW 2000, Australia.

Melbourne: 350 Collins Street,
Melbourne, Victoria 3000, Australia

TRUNG QUỐC

Bắc Kinh: Unit 1703A, Tower F, Phoenix
Place, 5A Shuguang Xili, Chaoyang
District, Beijing 100028, China.

Thượng Hải: Phòng 1605, Tòa nhà
Imago số 99 phố Wu Ning,
Thành phố Thượng Hải, Trung Quốc

Quảng Châu: Room 954-955,
Garden Hotel Tower, 368 Huanshi Dong
Lu, Quangzhou, 510064

Thành Đô: 1919#Western Tower,
19th South Renmin Road Sec4,
Chengdu,

INDONESIA

Jakarta: Wisma Tamara Lt.8 # 868,
Jl. Jend. Surdiman Kav. 24,
Jakarta 12920 Indonesia



Đặt vé ngay:
vietnamairlines.com

Gọi ngay:
1900 1100

Like ngay:
fb/vietnamairlines

Đăng ký ngay:
Hội viên LOTUSMILES